

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chúng tôi cho in hai tập: ĐỘN MAI HOA và BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG (hay BÓI DỊCH) để các độc giả ưa thích các môn khoa học huyền bí có dịp tự nghiên cứu và thực hành hai môn bói xưa nay dần dần thất truyền.

Hai tập trên Do Cụ Cố Tú Tài Phan Duy Tuân ở miền Trung, đã dịch từ Hán văn sang Việt văn theo sách xuất bản ở Thượng Hải. Lời văn đôi lúc hơi khó hiểu vì dịch theo lối xưa và có những chữ chuyên môn, mong quý vị độc giả tha thứ cho. ĐỘN MAI HOA so Thiệu Khang Tiết đời Tống soạn ra, giản dị và dễ hiểu, thực hành bằng vào sự ngẫu nhiên và Năm Tháng Ngày Giờ lúc xem. Bói Dịch do Quỷ Cốc Tử soạn đã lâu đời, được sắp xếp lại, thực hành bằng cách giao tiền, đếm quẻ, hoặc măn tháng ngày giờ lúc xem.

Ông Minh Châu sao lục và diễn giải sơ lược – ở phần cuối mỗi tập – cách lập que, cách giải đoán. Chúng tôi ước mong quý độc giả có dịp thực hành, như Cụ Nguyễn Phúc Ám, một vị lão thành về Tử Vi đã nói: “Phải tài của mình, phải trí của mình – từ 5, 6 tháng, một năm, càng học càng thích thú, sẽ tiến tới mục đích, sẽ tiến tới mục đích, tìm hiểu được bí mật của cuộc đời...”.

Quý vị đã từng xem qua hay nghiên cứu Kinh Dịch, Tử Vi v.v... sẽ thấy cuộc đời từ trên hai ngàn năm trước và sau đều không qua lẽ của Dịch về Âm Dương, Ngũ Hành sinh khắc, Bát Quái và 64 Quẻ Bói Dịch nói trong hai tập ĐỘN MAI HOA và BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG trên. Các quân sư đời xưa như Trương Lương, Khổng Minh, các danh tướng đời xưa như Hàn Tín, Nhạc Nghị v.v ... đều thông hiểu Bói Dịch mà lập nên sự nghiệp vẻ vang.

Chúng tôi mong quý vị độc giả khi đọc xong hai tập trên, sẽ có dịp thực hành cho mình, vượt qua được nhiều khó khăn, lo nghĩ trong cuộc đời.

NHÀ XUẤT BẢN

PHẠM LỆ BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG

- _ Trước tác: vô danh
- _ Cố tứ tài phan duy tuân dịch nghĩa

A. Bốc phệ là một đạo, đạo ngu giải hoặc, dạy người xu cát ty hung, sáu hào đã lập, biến hóa ấy nên, có lý rất đúng đắn, không thay đổi, chỉ vì người đời trong bụng không sở kiến nhất định để mà suy xét đến chỗ tinh vi, không diễn ra tuồng hoặc thế vu dân, thật là đáng thương.

Sách này chủ đề về chính lý, không dám chấp càn nói bướng, để hiểu lầm cho kẻ hậu học, nhân đặt tên sách là chính tông.

B. Từ ông Quỷ Cốc lấy tiền thay cỏ thi, mà đạo Dịch một lần biến.

Cái sơ trọng là các loài: Dụng thần, Nguyên thần, Kỵ thần, Cừu thần, Phi phục thần, Tiến thoái thần, Phản thần, Phục ngâm và Tuần không, Nguyệt phá, những loại ấy đều là cương lĩnh trong quẻ, không nên thảo thảo thông qua. Vì vậy ta định làm 18 bài luận, lên thêm vào nhà, không ra khỏi ngoài khuôn khổ. Kẻ học nên tham gia.

C. Sách xưa luận về Phi Phục thần có người nói cần khôn qua lại thay đổi, Dịch lâm bổ di, có thuyết hào, hào có, phục có phi, sai cứ theo sai, quen mà không xét. Vì vậy về sách này ta theo quẻ, phân biệt làm lệ phi phục, ngũ hầu kẻ học mắt ngó biết liền, đoàn nghi tự giải vậy.

D. Sách Bốc phệ như phú Thiên huyền, Dịch lâm bổ di, Dịch ẩn Dịch mạo, Tăng sang bốc Dịch, các bản khắc ấy tuy đều có cái phần sâu tinh tiêu dị, nhưng trong ấy không phải chấp về thiên kiến, thì lại mâu thuẫn với nhau, kẻ đọc ai cũng di hận.

Duy Huỳnh Kim sách của ông Lưu Thành Ý thực đủ mở được ý niệm của Tiên Thiên, làm bền nó cho hậu học, mà một thiên Tổng Luân thiên kim phú càng học chứa rộng sâu. Tiếc rằng lời chú thích của ông Diêu Tế Long sai lầm quá lắm, trở lại mất diễm mục của Lư Sơn. Ta chỗ ấy phải rán khổ tâm, phân kỹ phần đích chính, kẻ biết ta hay bắt tội, ta cũng xin vâng.

E. Ta buổi trẻ nghiên cứu Dịch lý đã lâu năm, sau gặp Dương Quảng Hàm tiên sinh ở Tân An, mới được chọn cái sổ học, sách nay 13, 14 quyển, có 18 bài hỏi, đều thầy ta trao cho, với điều ta chiêm nghiệm, nếu kẻ đọc kỹ sách này, mới biết cái phép phải mông tiết yếu, cùng với 18 bài luận, và những điều đẹp bỏ sai lầm của các sách, nhất lý quán thông, thì cái bí mật thâm tàng trong trời đất hết lọt ở đây vậy.

G. Ta xử rèm hàng chợ, thù ứng lằng xằng, nghĩ bụng rằng: Ngày kia trở về làng cũ, cất nhà nơi rừng, kiếu hết việc đời, làm thành quyển sách giấu nơi nhà đá, không muốn tới người ngoài nói đi nói lại làm gì. Nhưng kẻ Tùng du đến hàng ngày, say khi cùng nhà luận thuyết, tay định chép sách này, cái ché lấy ngao lưỡng biển, lấy ống dòm trời, hoặc có chỗ bắt dụ, xin các ngài cao minh tứ phương dạy cho, ta rất mong lắm.

BỐC PHỆ CÁCH NGÔN

Đạo bói thông với thần minh, sở dĩ đoán cát hung, quyết ưu nghi, biện âm dương ở hào tượng, xét huyền cơ biến hóa, nghĩa nó rất tinh, việc nó rất lớn. Thánh kinh nói rằng: Đạo chi thành, có thể biết trước, cho nên kẻ đi vấn bốc, Bất thành không cảm cách thần minh, kẻ chiếm quái vọng đoán thành không linh nghiệm, hai lời nói ấy thực là định luật vậy.

Thường thấy người đời gặp việc xem bói, mà không có lòng thành, hoặc uống rượu ăn mặn, hoặc tà tâm không sạch, lâm thời đạo cao, muốn cho linh ứng, chẳng cũng lắm sao. Lại có người giàu sang, coi việc bói làm khinh, hoặc mượn bạn, hoặc khiến đầy tớ, đi xem thế cho mình, nên quẻ không ứng, chiêm nghiệm không linh, trở lại đổ thừa cho kẻ bói, ấy là phần lỗi kẻ đi vấn bốc.

Đến như bọn bốc phệ, hiếu lợi, mượn bói làm mồi, biết rằng mọi việc tật bệnh, rất cần cho kẻ vấn bốc, hỏi thăm việc sinh tử cát hung, bèn câu thông với bọn tăng nển Đạo quán, đặt trước ra thường là lệ tạ ơn, mới xem quẻ đoán cần phải lễ sấm con này mấy bộ, phải tụng kinh chùa chia mấy ngày, kẻ đi bói nóng lòng cho người bệnh, nhất nhất y theo. Kẻ giàu còn xoay trở dễ dàng, đến kẻ nghèo thật là vất vả, rốt cuộc, kinh sấm chưa rồi, bệnh đã chết ngay; không những câu thông tăng đạo mà thôi, lại còn câu thông với các thầy lang mới học, nhờ bói chỉ mình tên họ, chỗ ở, để tiền dẫn ra trị bệnh, những kẻ bói không biết vật mọn niên quy tiết lễ bao nhiêu, mà cái hại dụng ý giết người rất lớn, ấy là cái họa câu thông tăng đạo dụng ý của nhà bốc phệ vậy.

Ta xử rềm chốn này, cũng có bọn ấy tới cô hoặc ta, nhưng ta thể tuyệt, nhất nhất chiếm quả đoán kỹ, đều được linh ứng, ấy không phải nhờ khoa học tinh, thực ra nhờ không lỗi vọng đoán vậy.

Nay may học có sở đắc, chép ra một quyển Bốc phệ chính tông, thỉnh giáo bậc cao minh, mà còn sợ kẻ vắn bốc có lỗi bất thành bất cách, kẻ chiếm quái có cái hại vọng đoán bất linh, cho nên đầu tiên ghi lời này.

KHAI MÔNG TIẾT YẾU

LỤC THẬP HOA GIÁP NẠP ÂM CA

Giáp Ty, Ất Sửu hai trung kim

Bính Dần Đinh Mão lưu trung Hoa

Mậu Thìn Kỷ Ty, đại lâm mộc

Canh Ngọ Tân Mùi lộ bàng thô

Nhân Thân Quý Dậu kiếm phong kim

Giáp Tuất Ất Hợi sơn đầu Hỏa

Bính Tý Đinh Sửu gian hạ Thủy

Mậu Dần Kỷ Mão thành đầu Thổ

Canh Thìn Tân Ty bạch lập kim

Nhâm Ngọ Quý Mùi dương liễu mộc

Giáp Thân Ất Dậu tinh tuyến Thủy

Bính Tuất Đinh Hợi ốc thượng Thổ

Mậu Tý Kỷ Sửu bích lịch hoa

Canh Dần Tân Mão tùng bách độc

Nhâm Thìn Quý Ty trường lưu Thủy

Giáp Ngọ Ất Mùi sa trung kim

Bính Thân Đinh Dậu sơn hạ Hỏa

Mậu Tuất Kỷ Hợi, bình địa mộc

Canh Tý Tân Sửu bích thượng Thổ

Nhâm Dần Quý Mão kim bạc kim

Giáp Thìn Ất Ty phúc đăng Hỏa

Bính Ngọ Đinh Mùi Thiên Hạ Thủy

Mậu Thân Kỷ Dậu đại dịch mộc

Canh Tuất Tân Hợi xoa xuyên kim

Nhâm Tý Quý Sửu tang đố mộc

Giáp Dần Ất Mão Đại Khê Thủy

Bính Thìn Đinh Ty Sa trung Thổ

Mậu Ngọ Kỷ Mùi thiên thượng hỏa

Canh Thân Tân Dậu thạch lưu mộc

Nhâm Tuất Quý Hợi đại hải Thủy

THẬP THIÊN CAN SỞ THUỘC

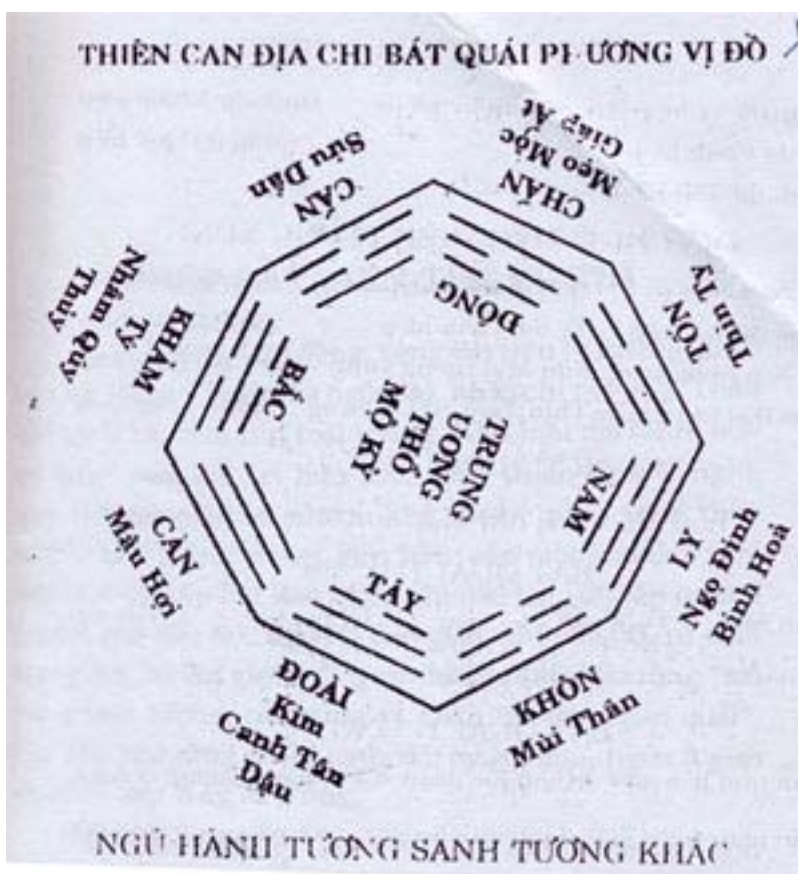
Giáp Ất đông phương mộc Bính Đinh nam phong hỏa
 Mồ Kỷ trung ương thổ Canh tân tây phương kim
 Nhâm quý bắc phương thủy

THẬP THỊ ĐỊA CHI SỞ THUỘC

Tý Thủy thử	Sửu Thổ ngẫu	Dần mộc hổ
Mão mộc Thỏ	Thìn Thổ long	Tỵ Hỏa xà
Ngọ Hỏa mã	Mùi Thổ dương	Thân kim hươu
Dậu kim kê	Tuất Thổ cầu	Hợi Thủy trư

BÁT QUÁI DANH TỰ

Càn Khôn Chấn Cấn Ly Đoài Tốn



NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH TƯƠNG KHẮC

Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh kim

Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc kim

LỤC THÂN Tương sinh tương khắc

Sinh nhĩ giả vi phụ mẫu

Khắc ngã giả vi quan quý

Ngã dinh giả vi tử tôn

Ngã khắc giả vi thê tài

Tị hòa giả vi huynh đệ
THIÊN CAN TƯỚNG HỢP

Giáp dư kỷ hiệp (Giáp cùng kỷ hiệp) Đỉnh dư nhân hiệp
Ất dư Canh hiệp Mậu dư Quý hiệp

Bình dư Tân hiệp

ĐỊA CHI TƯỚNG HIỆP TƯỚNG XUNG

Tý dư Sửu hiệp Dần dư hợi hiệp Mão dư Tuất hiệp

Thìn dư Dậu hiệp Tỵ dư Thân hiệp Ngọ dư mùi hiệp

Tý Ngọ tương xung Sửu Mùi tương xung Tỵ hợi tương xung

NGŨ HÀNH THỨ TỰ

Cần nhất Đoài nhì Ly tam Chấn tứ Tốn ngũ Khảm lục Cấn thất

Khôn bát

BÁT QUÁI TƯỚNG LỆ

Cần tam liên Khôn lục đoạn Chấn ngưỡng bồn Cấn phúc uyển

Ly trung hư Khảm trung mãn Đoài thượng khuyết

Tốn hạ đoạn

BÁT CUNG SỢ THUỘC

Cần thuộc kim Khảm thuộc Thủy Cấn Khôn thuộc Thổ

Chấn Tốn thuộc mộc Ly thuộc Hỏa Đoài thuộc Kim

PHÉP LẤY TIỀN THỂ CỎ THI

Lấy ba đồng tiền đồng, xông lên trên lư hương, kính cẩn vái rằng: “Thiên hà ngôn tai, khấu chi tức ứng, Thần chi cách hê, cảm nhi toại thông, Kim hữu mỗ tách, hữu sự quan tâm, bất tri hữu cửu, vãng thích khuyết nghi, duy thần duy linh, nhược khả nhược phủ, vọng thùy chiêm báo”, chúc xong, gieo tiền: sắp một làm đơn, ghi dấu một (/), sắp hai làm sách ghi dấu hai (//), sắp ba làm trùng, ghi dấu (0), ngựa 3 làm giao, ghi dấu (x), từ dưới trang lên, ba lần gieo, nội quái thành. Tái chúc rằng “mỗ cung tam tượng, cát hung vi phán tái cầu ngoại quái”. Hai sắp kêu rằng sách, ngựa đôi ấy gọi đơn, ngựa 3 giao định vị, sắp 3 ấy là trùng.

Đơn đơn đơn là cần , sách sách sách là Khôn ;

đơn sách đơn là Ly ; sách đơn sách là Khảm (quẻ khác nường theo đây).

Những hào 3 sắp làm trùng, 3 ngựa làm giao, gọi là phát động. Trùng làm đơn thuộc dương, giao làm sách thuộc âm, phạm động có biến, trùng biến sách, giao biến đơn (Quẻ khác nường theo đây).

LỤC THẬP TỬ QUÁI DANH

CÀN vì thiên; Thiên phong cần; thiên sơn độn; thiên di bỉ; phong địa quán; sơn địa bác; hỏa địa tấn; Hỏa thiên đại hữu (Cần cung bát quái giai thuộc Kim) — Sơn lôi đi (quẻ Tốn) — , Sơn thủy mông (quẻ Ly)

KHẨM vì thủy: Thủy trạch tiết; Thủy lôi truân; Thủy Hỏa ký tể; trạch Hỏa cách; lôi hỏa phong; địa hỏa minh di, địa Thủy sư (Khảm cung bát quái giai (đều) thuộc Thủy).

CẤN vì sơn: sơn Hỏa bí; sơn thiên đại súc, sơn trạch Tốn, Hỏa trạch khuê, thiên trạch lý; phong trạch trung phu; phong sơn tiêm (Cấn cung bát quái giai thuộc Thổ) — Thêm sơn địa bác (thuộc Càn), Sơn lôi đi (Tốn) Sơn phong cổ (Tốn) — Sơn Thủy mông (ly).

CHẤN vì lôi: lôi địa dư; lôi Thủy giải; lôi phong hằng; địa phong tăng; Thủy phong tỉnh; trạch phong đại quá, trạch lôi tùy (Chấn cung bát quái giai thuộc mộc) — Lôi hỏa phong (quẻ Khảm), Lôi thiên đại tráng (quẻ Khôn) — Lôi sơn tiểu quá (quẻ Đoài) Lôi trách qui muội (quẻ Đoài)

TỐN vì phong: phong thiên tiểu súc; phong hỏa gia nhân; phong lôi ích; thiên lôi vô vọng; Hỏa lôi phê hạp; sơn lôi đi; sơn phong cổ (Tốn cung bát quái giai thuộc mộc) — Phong địa quan (quẻ Càn) — Phong trạch trung phu — Phong sơn tiêm (quẻ Cấn); Phong thủy hoán (quẻ Ly).

LY vì hỏa: Hỏa sơn lữ, Hỏa phong đánh, Hỏa Thủy vi tể, sơn Thủy mông, phong Thủy hoán, thiên Thủy tưng, thiên Hỏa đồng nhân (Ly cung bát quái giai thuộc Hỏa) – Hỏa địa tấn (quẻ Càn) – Hỏa thiên đại hữu (quẻ Càn) – Hỏa trạch khuê (quẻ Càn) – Hỏa lôi phê hạp (quẻ Tốn)

KHÔN vì địa: địa lôi phục, địa trạch lâm, địa thiên thái, lôi thiên địa tráng, trạch thiên khuyết, Thủy thiên nhu, Thủy địa tỵ (Khôn cung bát quái giai thuộc Thổ) – Địa hỏa minh di (quẻ Khảm) – Địa Thủy sư (quẻ Khảm) – Địa phong thăng (quẻ Chấn), Địa lôi khiêm (quẻ Đoài)

ĐOÀI vì trạch: trạch Thủy khốn, trạch địa tụy, trạch sơn hàm, Thủy sơn kiển, địa sơn khiêm, lôi sơn tiểu quá, lôi trạch qui muội (Đoài cung bát quái giai thuộc Kim) – Trạch Hỏa cách (quẻ Khảm) – Trạch phong đại quá (quẻ Chấn) – trạch lôi tùy (quẻ Chấn) – trạch thiên quá (quẻ Khôn)

Phụ chú: ghi thêm các quẻ phụ nh7 Sơn lôi đi (cũng ở quẻ Tốn) – Sơn phong cổ (cũng ở quẻ Tốn) để quý vị dễ tìm.

NẠP GIÁP TRANG QUÁI CA

Càn kim giáp tý, ngoại Nhâm ngọ, tý dần thìn ngọ thân tuất
 Khảm Thủy mậu dần, ngoại mậu thân, dần thìn ngọ thân tuất tý
 Cất Thổ bính thìn, ngoại bính tuất, thìn ngọ thân tuất tý dần
 Chấn mộc canh tý, ngoại canh ngọ, tý dần thìn ngọ thân tuất
 Tốn mộc tân sửu, ngoại tan mùi, sửu hợi dậu mùi tỵ mao
 Ly Hỏa kỷ mao, ngoại kỷ dậu, mao sửu hợi dậu mùi tỵ
 Khôn Thổ Ất mùi, ngoại quý sửu, mùi tỵ mao sửu hợi dậu
 Đoài kim đinh tỵ, ngoại đinh hợi, tỵ mao sửu hợi dậu mùi

Phụ chú – Càn kim là quái danh Càn vì thiên, làm quẻ thứ nhất cung Càn mà thuộc kim. Giáp tý là hào sơ của nội quái phối Giáp tý. Ngoại Nhâm ngọ là hào thứ tư của ngoại quái phối Nhâm Ngọ.

Phải nên biết thiên can của ba hào nội ngoại quái cùng với hào sơ, hào tư đồng nhau, chỉ khác là chữ Địa chi mà thôi.

Tỷ dân thìn ngộ thân tuất: sáu chữ địa chi ấy là phối 6 (sáu) hào của quẻ Càn vì thiên (các quẻ sau cũng thế).

Phép trang quẻ từ dưới trang lên.

AN THẾ ỨNG QUYẾT

(Thế là mình – ứng là người)

a/ Bát quái chi thủ thế lục dương

b/ Dĩ hạ sơ hào luận thượng dương

c/ Du hồn bát quái tứ hào lập

d/ Qui hồn bát quái tam hào tường

Phụ chú a/ Quẻ thứ nhất trong tám cung, ngôi thế nhất luật bài ở hào thứ sáu, tứ dưới trang lên suy tính

b/ Quẻ thứ hai trong tám cung, hào sơ an ngôi thế

quẻ 1 thế 6 ứng 3

quẻ 5 thế 4 ứng 1

quẻ 2 thế 1 ứng 4

quẻ 6 thế 5 ứng 2

quẻ 3 thế 2 ứng 5

quẻ 7 thế 4 ứng 1 du hồn

quẻ 4 thế 3 ứng 6

quẻ 8 thế 3 ứng 6 qui hồn

Quẻ thứ 3, hào nhì an ngôi thế, theo bước một an lên, tám cung đều như vậy an bài.

c/ Quẻ du hồn tám cung, gặp hào tứ an ngôi thế

d/ Quẻ qui hồn tám cung, gặp hào 3 an ngôi thế cách ngôi thế 3 ngôi lá hào ứng

LỤC THỨ CA

(Từ dưới trang lên)

(từ sơ hào ngày Giáp Ất bắt đầu tư sao Thanh Long)

Giáp Ất khởi thanh long

Bính đinh khởi châu tước

Mậu nhật khởi câu trăn Kỷ nhật khởi Đẳng sa

Canh tân khởi Bạch hổ Nhâm quý khởi Huyền vũ

LỤC THỨ KHỞI LỆ

Nay lấy ngày Giáp Ất Bính Đinh phụ chép lam thức, thừa ra nương theo đây

Lê ngày Giáp Ất

Huyền Vũ (hào lục)

Bạch hổ (hào ngũ)

Đẳng sa (hào tứ)

Câu trăn (hào tam)

Châu ước (hào nhì)

Thanh long (hào sơ)

AN NGUYỆT QUÁI NHÂN QUYẾT

Âm thế tắc tùng ngộ nguyệt khởi

Dương thế tắc tùng tỷ nguyệt sinh

Dục đắc thức kỳ quái trung ý

Tùng sơ sở chí thế phương chân

Vì hào quái thân, làm chủ cho việc bói, nếu không quái thân, thì việc không đầu mối, và quái thân có bị thương, việc cũng khó nên.

TAM HIỆP HỘI CUỘC

Thân Tý thìn hội thành Thủy cuộc

Ty Dậu Sửu hội thành Kim cuộc

Dần Nhọ Tuất hội thành Hỏa cuộc

Hợi Meo Mùi hội thành Mộc cuộc

TRƯỜNG SINH TRƯỜNG QUYẾT

Trường sinh, mộc dục, quan đái, Lâm quan, Đế Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng

Giả như hỏa trường sinh tại dần từng dần thượng khởi thuận hành Mão thượng mộc dục, thìn thượng Quan đái, y thứ thuận hành, mộc trường sinh tại hội, từng hội trường, dư khả loại suy

LỘ C MÃ DƯƠNG NHẪN CA

Giáp lộc tại dần, mao vi dương nhĩ

Ất lộc tại mao thìn vi dương nhĩ

Bính mồ lộc tại ty ngọ vi dương nhĩ

Đinh kỷ lộc cư ngọ mùi vi dương nhĩ

Canh lộc cư thân dậu vi dương nhĩ

Tân lộc đái dậu tuất vi dương nhĩ

Nhâm lộc tại hội tý vi dương nhĩ

Quý lộc tại tý sủu vi dương nhĩ

Thân tý thì mĩ cư dần, ty dậu sủu mĩ tại hội

Dần ngọ tuất mĩ cư thân, Hợi meo mùi mĩ tại Ty

(Trước Lộc Mã dương nhĩ, theo trên ngày giờ tính)

Phạm bói gia trạch và chung thân, theo trên bốn mạng người ấy tính

TAM HÌNH LỤC HẠI CA

Dần hình ty, ty hình thân, sủu tuất tương hình vị tinh trăn, Ty hình mao, mao hình Tý, thìn ngọ dậu hội tự tương hình

Lục hại tý mùi bất tương thân, sủu hại ngọ hê dần ty chân, meo hại thìn hê thân hại hội, dậu tuất tương xiên chuyên kiến thâm.

BÁT CUNG CHỦ VẬT

Cần vi mã (ngựa), Khôn vi ngư (trâu), Chấn vi long (rồng), Tốn vi kê (gà), Khảm vi trĩ (lợn), Ly vi trĩ (chim), Cấn vi cẩu (chó), Đoài vi dương (dê)

BÁT CUNG CHỦ THÂN

Cần vi thủ (đầu) Khôn vi phúc (bụng) Chấn vi túc (chân) Tốn vi cổ (vế) Khảm vi nhĩ (tai) Ly vi mục (mắt) Cấn vi thủ (tay) Đoài vi khẩu (miệng)

ĐỊNH (GIÁM HÀO) CA

Phiên âm

Thế ứng dương trung lưỡng gián hào

Kỵ thần phát động mạc tương giao

Nguyên thần dữ Dụng dương trung động

Sinh thế phò thân sự sự cao

Dịch

Bài ca định hào xen (diễn nghĩa)

Thế ứng ở giữa hai hào (xen)
 Kỵ thần phát động chẳng cùng giao
 Nguyên thần cùng với Dụng thần động
 Sinh thế phò thân việc việc cao

NHÂN THƯỜNG KHỞI NGUYỆT PHÁP

(tên tháng – Dần dậu nam)

Giáp Kỷ chi niên bính tác thu
 Ất canh chi tuế mậu vi đầu
 Bính tẩn chi vi tòng canh thượng
 Đinh nhâm nhâm vi thuận tòng lưu
 Quý Mậu chi niên hà dụng pháp
 Giáp dần chi thượng hiểu truy cầu

NHẬT THƯỜNG KHỞI THI PHÁP

(Hàng càn của giờ Tý)

Giáp Kỷ hoàn sinh giáp, Ất canh bính tác sơ (ngày Giáp: giờ Tý = Giáp Tý)
 Bính Tân tòng mậu khởi, Đinh nhâm canh tỵ cư (Ất canh: giờ Tý = Bính tỵ)
 Mậu Quý hà phương pháp; Nhâm tỵ thì thuận hành

ĐINH DẦN THÌ PHÁP

(coi đồng hồ định bằng chi của giờ dần)

Chính cữu, ngũ canh, nhị điểm triệt
 Nhị bát, ngũ canh tứ diệm yết
 Tam thất, bình minh thì dần thì
 Tứ lục, nhật xuất dần vô biệt
 Ngũ nguyệt nhật cao tam trượng địa
 Thập nguyệt thập nhị nguyệt tứ canh nhị
 Trọng đông tài đáo tứ canh sơ
 Tiệm thì dần thì quân tứ kỷ

PHÚ THÔNG HUYỀN

Dịch hào chẳng vọng thành, Thần bào điều loạn phát, thê tượng hoặc đã thành, không thì sắc lo lắng. Đầu nên luận Dụng thần, thứ phải xem Nguyên thần Tam hiệp hội dụng tốt. Lộc mã rất là lành, hào động mới là định, thứ lại luận không vong. Lục xung đều chủ tĩnh, Hình khắc đều chủ thương, thế ứng đều phát động tất nhiên có cải trượng, Long động nhà có mừng, Hổ động có tang, Câu trần châu tước động, điền thổ với văn chương. Tài động lo Tổn trưởng, Phụ động tổn trẻ con, Tứ động trai thành trẻ; Huynh động gái bị ương. Xuất hành nên thế động, Qui hôn chẳng khởi bờ, Dụng động gặp Tam hiệp, người đi lập tức về, chiếm nhà tài long vương, hào phú quán một làng, Hào phụ mẫu hưng vương, làm quan đến vương hầu. Phúc thần bằng tri thế, lên cáo định không hại. Câu trần khắc huyền vô, bất giác chẳng phải lo. Phụ binh hiềm. Tài sát, Tài hưng mẫu không lâu, Võ quỷ định khó chữa, Quỷ vương chu phát cuồng, xin xem lệnh khảo quy, vái tạ được an khương. Chiếm hôn hiềm khắc Dụng; chiếm sản (sinh đẻ) xem âm dương.

PHÚ THÔNG HUYỀN

Dịch hào bất vọng thành
Thần hào khí loạn phát
Thế tượng hoặc ký thành
Vô gia hình ưu sắc
Thủy tu luận Dụng thần
Thứ tất khan Nguyên thần
(tam hiệp Dụng cát)
___ Lộc Mã tối vi lương
Hào động thủy vi định
___ Thứ giả luận Không Vong
Lục Xung câu chủ tính
Hình khắc câu chủ thương

ĐÔNG

Thế ứng câu phát động,
Tất nhiên hữu cai trưởng
___ Long động; gia hữu hỷ
Hô động chủ hữu tang
Câu, Tước động, điền thổ dữ văn chương
___ Tài động ưu tôn trưởng,
___ Phụ động tổn như lang
___ Tứ động, nam nhân trệ
___ Huynh động, nữ nhân ương
___ Xuất Hành nghi Thế động
___ Qui hôn bất xuất cương
___ Dụng động trị tam hiệp,
Hành nhân lập hồi trang
___ Chiếm Trạch Tài Long vượng
Hào phú quán nhất hương,
Phụ mẫu hào hưng vượng
Vi quan chí hầu vượng
Phúc thần nhược trì Thế
Quan tụng định vô phương
Câu Trận khắc Huyền Võ
Bộ tặc bất tư mang
Phụ bình hiềm tài sát
Tài Hưng, mẫu bất tường
Vô Quy, bệnh nan liệu
___ Quy vượng, chu phát cuồng
Thịnh khan Khao quy lịch
Dáo tạc khắc an khương
___ Chiếm hôn, hiềm khắc Dụng
___ Chiếm San, khán Âm Dương

Nhược yếu vấn Phong Thủy
Tam tứ thế kiết xương
Tràng sinh, Mộ, Tuyệt quyết,
Quái quái yếu thâm tường
Vạn thiên ngôn bất tận
Lược cư kỳ đại cương
Phân biệt các hữu loại
Vô vật bất bảo tàng
Dịch hào chẳng vọng thành
Thần hào điều loạn phát
Thế tượng hoặc đã thành
Không thì sắc lo lắng
— *Đầu tiên nên luận Dụng thần*
(tam hiệp hội Dụng tốt)
Lộc, Mã rất là lành
Hào động mới làm định
Sau lại luận đến Không Vong
Lục Xung đều chủ tính
Hình khắc đều chủ thương
ĐỘNG
Thế Ứng đều phát động
Tất nhiên có cải trươg
Long động, nhà có mừng
Hổ động, chủ có tang
Câu, Tước động, diên thổ với văn chương
Tài động, lo tôn trưởng
Phụ động, tổn trẻ con
Tử động, trai thành trệ
Huỳnh động, gái bi ương
Xuất Hành nên thế động
Quy hôn chẳng khai bờ
Dụng động gặp tam hiệp
Người đi (xa) lập tức về
— *Xem về nhà đất, Tài Long vượng*
Hào phú quán một làng
Hào phú hưng vượng
Làm quan đến vương hầu
Phúc thần (Tử) bằng trì Thế
Kiện cáo định không hại
Câu trận khắc Huyền Võ
Bất giặc chẳng phải lo
Phụ bệnh hiểm tài sát
Tài hưng, mẹ không lâu

Không hào Quỷ, bịnh khó chữa
 Quỷ vượng chủ phát cuồng
 Xin xem lịch khảo quy
 Vái tạ, được an khương.
 Xem hôn nhân kiêm khắc Dụng
 Xem Sinh Sản, xem Âm, Dương
 Bằng đoán hỏi Phong Thủy
 Ba, bốn đời cát xương
 Tràn sanh, Mộ, Tuyệt quyết
 Quẻ quẻ nên xét tường
 Ngàn muôn đời chẳng hết
 Lược cử cái đại cương
 Phân biệt đều có loại.
 Không vật chẳng bao tàng

TOÁI KIM PHÚ

TỬ động sinh TÀI, bất nghi PHỤ bại
 HUYNH động khắc TÀI, TỬ động năng giải
 TÀI động sinh QUỶ tức khắc HUYNH điều
 TỬ động khắc QUỶ, TÀI động năng tiêu.
 PHỤ động sinh HUYNH, kỵ TÀI tương khắc
 QUỶ động khắc HUYNH, PHỤ động năng tiêu
 QUỶ động sinh PHỤ, kỵ TỬ giao trùng
 TÀI động khắc PHỤ, QUỶ động năng trung
 HUYNH động sinh TỬ, kỵ QUỶ điều dương.
 PHỤ động vô phùng, TỬ hưng khắc QUỶ
 Nhược nhiên HUYNH động, QUỶ tất tao thương.
 __ TÀI hưng khắc PHỤ, HUYNH động vô ưu
 Nhược nhiên TỬ động, PHỤ mạng nan lưu
 PHỤ hưng khắc TỬ, TÀI động vô sự
 Nhược thị QUỶ hưng, kỳ TỬ tất tử
 __ QUỶ hưng khắc HUYNH, TỬ động khả cứu
 TÀI nhược giao trùng, HUYNH đệ bất cứu
 HUYNH hưng khắc TÀI, QUỶ hưng vô ngại
 Nhược thị PHỤ hưng, TÀI sao khắc hại

Bài này nói cái lý SINH KHẮC CHẾ HÓA, để chứng minh: trong cái XẤU dấu cái TỐT, trong cái TỐT dấu cái xấu mà thôi.

Như KIM động vẫn sinh THỦY

Được HỎA động thì chế KIM, được THỦY động thì chế HỎA, mà HỎA không thương KIM được nữa.

KIM gặp HỎA động thì chịu khắc, được THỔ động thì HỎA lại tham sinh nơi THỔ, kỵ khắc nơi KIM, danh là: “THAM SINH”, kỵ khắc KIM: trở lại thành tốt.

HỎA động khắc KIM mà hào THỔ an tĩnh, bèn gặp MỘC động, MỘC giúp HỎA khắc KIM: chắc là xấu

Kể học nên xét ngũ hành sinh khắc chế hóa suy ra, tốt xấu rõ ràng vậy.

HÀO TRÌ THẾ

(Ví dụ mùa Xuân, chiếm quẻ, hào Thế lâm mộc là vượng, Hỏa la tướng...)

Thế hào vượng tướng tối vi cường,
 Tác sự hanh thông đại cát xương,
 Mưu vọng chư ban giải, toại ý
 Dụng thần sinh hiệp diệu nan lường
 Tuần không, Nguyệt Phá phùng phi cát
 Khắc Hại Hình Xung ngộ vất lương
 Phụ Mẫu trì Thế chủ thân lao
 Cầu tự, thiếp, chúng dã man chiêu
 Quan động, Tài an, nghi phó thí
 TÀI diêu mưu lợi mạc tâm tiêu
 Chiếm thân TÀI động, vô hiền phụ
 Hữu khủng khu khu, thọ bất cao
 Tư tôn trì Thế sự vô ưu
 Cầu danh thiết kỵ tọa dương đầu
 Ty loạn hứa an thất khả đắc
 Quan tụng tụng kim tiện liễu hữu
 Hữu sinh vô khắc chư ban cát
 Hữu khắc vô sinh phản kiến sầu
 Quỷ hào trì Thế sự nan an.
 Chiếm thân bất định dã tao quan,
 Tài vật thời thời ưu thất thoát
 Công danh tối hỷ thế đương quyền.
 Nhập mộ sâu nghi vô tán nhật,
 Phùng xung, chuyển họa biến thành hoan
 Tài hào trì Thế ích tài vinh
 Huynh nhược giao trùng bất khả phùng
 Cảnh ngộ Tử tôn minh ám động,
 Lợi thân khắc phụ tân văn phong,
 Cầu quan, vấn tụng nghi tài thác,
 Động biến Huynh, Quan: vạn sự hung
 Huynh Đệ trì Thế mạc cầu Tài
 Quan hưng tư lự họa tướng lâm,
 Châu Tước tinh làm phòng khâu thiệt,
 Như điều bất định tôn thê tài
*Hưu Thế vượng tướng rất là hợp,
 Làm việc hanh thông đại cát xương*

Miêu vọng việc gì đều toại ý
 Dụng thân sinh hiệp diệu khó lường,
 Tuần Không. Nguyệt phá gặp không tốt
 Khắc Hại Hình Xung gặp chẳng lành
 (hào phụ ở cùng chỗ với Thế : trì Thế)
 Cầu con, kiếm hầu vẫn khó chiều (chủ mình nhọc)
 Quan động, Tài yên : nên phó thí
 Tài mưu lợi chẳng nhọc lòng
 Chiếm thân Tài động, không hiền phụ,
 Lại sợ tuôn trời chẳng hương lâu
 Tư Tôn trì Thế, việc không lo
 Cầu danh thiết kỵ nó đương đầu
 Lánh loạn cho yên mất khả được
 Quan tụng không hại có lẽ xong
 Có Sinh, không Khắc : việc đều tốt
 Có Khắc, không Sinh : lại thấy sầu
 Quy hào trì Thế việc khó an
 Chiếm thân (chung thân) không bình lại gặp quan
 Tài vật thời thời lo thất thoát
 Công danh rất mừng thế đương quyền
 Nhập Mộ rầu ngờ (mà không gặp ngày xung phá thì buồn)
 Gặp xung chuyên họa, trở thành vui
 Tài hào trì Thế của cùng vinh
 Huỳnh bằng giao trùng chẳng nên gặp
 Gặp hào Tư Tôn mình âm động (khắc nhật thần)
 Lợi thân, khắc phụ, mất văn phong
 Cầu quan hoi kiện nên thác hào tài
 Động biến Huỳnh Quan, muôn việc hung
 Huỳnh Đệ trì Thế chớ cầu tài
 Quan hưng nên sợ họa gần đến
 Gôm lâm Châu Tước phòng khâu thiết
 Bằng chắc định tôn thê tài
 Phụ Mẫu tương sinh, mình sống lâu
 Hóa Quan, hóa Quỷ có tai nạn lạ

THẾ ỨNG QUYẾT

Thế Ứng tương sinh tắc cát
 Thế Ứng tương khắc tắc hung
 Thế Ứng tỵ hòa sự khước trung
 Tác sự mưu vi khả dụng
 Ứng động tha nhân phan biến.
 Ứng không tha ý nạn đồng
 Thế Không Thế Động ngã tâm dụng
 Tác khung tự gia lại động

Thế ứng tương sinh : tốt

Thế ứng tương khắc: hung

Thế Ứng tỵ hòa : việc trung bình

Tác dự mưu vì dùng được

Ứng động, người khác phản biến

Ứng Không : ý khác khó đồng

Thế Không, Thế Động: lòng ta biếng nhác

Chỉ sợ tự ta lười không chịu động

QUÁI THÂN KỶ KỶ QUYẾT

Thân lâm Phúc đức (Từ tôn) bất kiến Quan

Sơ ưu tất canh phan thành hoan

Mục tiền hung sự chung tu cát

Khẩn cấp hoàn lại tiện tiện khoan ?

_ Thân lâm Nguyên Dụng dữ Thanh Long

Định kỷ hy sự nhập môn trung

Nhược phùng Dịch mà Thân hào động.

Xuất lộ cầu mưu sự tỵ thông .

_ Thân hào thiết kỷ nhập Không vong

Tác sự nan thành tha thu thường

Hình Thương Phá Tuyệt giai vị kỷ

Khuyến quân an phận, thu gia bang

Quái Thân lâm Phúc đức (Từ tôn) không thấy hào Quan

Việc lo trở lại thành vui

Việc hung trước mắt, về sau trở nên tốt

Khẩn cấp trở lại dần dần khoan

_ Thân lâm Nguyên Dụng và Thanh Long

Định kỳ hỷ sự vào trong cửa

Bằng gặp Dịch Mã hào Thân động

Ra ngoài cầu mưu việc việc thông

_ Hào thân thiết kỷ vào Không vọng

Làm việc khó thành và thu thường

Hình Thương Phá Tuyệt đều là kỷ

Khuyến người an phận giữ nước nhà

PHI PHỤC SINH KHẮC CÁT HUNG QUYẾT

Phục khắc Phi thần vi xuất bạo,

Phi lai khắc phục phản thương

Phục khứ sinh phi Danh tiết khí

Phi lai sinh Phục đắc Trùng sinh

Hào phùng Phục khắc Phi, vô sự

Dụng kiến Phi thương Phục bất minh

Phi Phục bất tri vi vô trợ

Phục tàng xuất hiện thâm lai nhân

Phục thần khắc Phi thần là xuất bạo

*Thân Phi khắc Phục hại Thân
 Phục khứ sinh Phi là tiết khí
 Phi sinh Phục được Tràng sinh
 Hào gặp Phục khắc Phi là vô sự
 Dụng thần thấy Phi hại Phục : không yên
 Phi Phục chẳng biết làm vô trợ
 Phục tàng xuất hiện rõ lai nhân*

ĐOÁN DỊCH VẬT TRỆ THẦN SÁT

(Đoán Dịch chớ nệ Thần sát)

*Dịch quái Âm Dương tại biến thông
 Ngũ hành sinh khắc diệu vô cùng
 Thời nhân tu biện Âm Dương lý
 Thần sát hữu tướng định cát hung
 Quẻ Dịch Âm Dương ở biến thông
 Ngũ hành sinh khắc diệu vô cùng
 Thời nhân nên biện Âm Dương Lý
 Thần sát đừng đem định cát hung*

LỤC HÀO AN TĨNH QUYẾT

*Quái ngộ lục hào an tĩnh,
 Dương khản Dụng dữ Nhật thần,
 Nhật thần khắc Dụng cập tượng hình
 Tác sự nghi đương cẩn thận
 Cánh tại Thế Ứng suy cứu
 Kỳ thần thiết mạc gia lâm
 Thế Ứng lâm Dụng cập Nguyên thần
 Tác sự đoán nhiên xương thịnh
 Quẻ gặp sáu hào an tĩnh
 Nên xem Dụng thần với Nhật thần
 Nhật thần khắc Dụng và tượng hình
 Làm việc nên cẩn thận
 Lại đem Thế Ứng suy xét
 Kỳ Thần nhất thiết chớ gia lâm
 (chú riêng : Thế Ứng không nên lâm Kỳ thần)
 Thế Ứng lâm Dụng và Nguyên thần
 Làm việc chắc rằng xương thịnh*

NGUYÊN THẦN CA

*Nguyên thần phát động chí dương dương
 Dụng phục tàng hê đã bất phương
 Tu yếu sinh phò kiêm vượng tướng
 Tối hiểm hóa Khắc cập phùng Thương*

DỤNG THẦN BẤT THƯƠNG QUÁI QUYẾT

Chính quái như vô biến hựu vô (1)
 Tự tương thủ quái lục thần công (2)
 Động hào sinh Dụng chung tu cát
 Nhược ngộ giao trùng khắc Dụng hung
 Chính quái bằng không lại biến không
 Nên đem thủ quái lục thân tìm (2)
 Động hào sinh Dụng chung tu cát
 Nhược ngộ giao trùng khắc Dụng hung
 Chính quái bằng không lại biến không
 Bằng gặp giao trùng khắc Dụng hung
chú riêng: (1) Phục thần
(2) xem phục ở hào nào

KỶ THẦN CA

Xem quẻ trước nên xem Kỵ Thần
 Kỵ thần nên yên không nên động
 Kỵ thần cấp yếu gặp thương khắc (*tối yếu là không nên gặp thương khắc*)
 Bằng gặp sinh phò. Dụng Thần phải chịu hình khắc.

DỤNG THẦN KHÔNG VONG QUYẾT

Phát động phùng Xung bất vị Không
 Tĩnh Không ngộ Khắc tước vị không
 Kỵ thần tối hỷ phùng Không cát
 Dụng dữ Nguyên thần bất khả Không
 Xuân Thô, Hạ Kim, Thu thọ Mộc.
 Tam đông phùng Hỏa thị “Chân Không”
 Tuần không hựu trị “Chân Không” tượng
 Tái ngộ hào thương đáo để không
Động phùng xung chẳng gọi là không
Dụng tĩnh + Tuần bị khắc = không
Kỵ thần phùng Không : tốt
Dụng và Nguyên chẳng nên gặp Tuần Không
 “Chân Không” là:

Xuân: Thô

Hạ: Kim

Thu: Mộc

Đông: Hỏa

DỤNG THẦN PHÁT ĐỘNG QUYẾT

Dụng hào phát động tại cung trung
 Táng tự hựu tù diệc bất hung
 Cánh đắc sinh phò kiêm vượng tướng
 Quả giao tác sự vĩnh hanh thông

*Dụng hào phát động
Phỏng gặp Hưu Tù cũng chẳng hung
Bèn được Sinh Phò cùng Vượng Tướng
Ta hồ làm việc lắm hanh thông*

NHẬT THẦN QUYẾT

*Vấn quái tiêu tu khán Nhật Thần
Nhật thần khắc Dụng bất kham thâm
Nhật thần dữ Dụng tương sinh hiệp
Tác sự hà sâu bất sấn tâm
Vấn quẻ trước hết xem nhật thần (ngày xem)
Nhật thần khắc Dụng chẳng nên thân
Nhật thần với Dụng cùng Sinh Hiệp
Làm việc lo gì chẳng xứng tâm*

LỤC GIÁP TUẦN KHÔNG KHỜI LỆ

*Giáp Tý tuần trung TUẤT HỢI không
Giáp Dần tuần trung TÝ SỬU không
Giáp Ngọ tuần trung THÌN TỶ không
Giáp Thân tuần trung NGỌ MÙI không
Giáp Tuất tuần trung THÂN DẬU không
Giáp Thìn tuần trung DẦN MÃO không*

Chú: Giả như ngày Giáp Tý đến ngày Quý Dậu, 10 ngày làm 1 tuần, trong tuần không Tuất Hợi, nên nói rằng TUẤT HỢI không. Ông Dã hạc gọi Vượng chẳng làm không, Động, Nhật kiến động hào sinh phò chẳng làm không. Duy Nguyệt Phá, chẳng động cũng làm không. Phục mà bị khắc cũng làm không.

LỤC THÂN PHÁT ĐỘNG QUYẾT

Phụ động đương đầu khắc

Tử tôn

*Bệnh nhân vô được bất trầm hôn
Nhân thân, tứ tức ung nan đắc
Mãi mại lao tâm lợi bất sinh
Chiếm vấn hành nhân, thư tín động
Quan tỵ hạ trạng lý tiên phân,
Sĩ nhân, khoa cử đẳng kim bằng,
Thất vật đào vong, yếu tố luân
Chiếm bệnh: không thuốc khó lành
Sui gia, tử tức: khó thành
Buôn bán: nhọc công không có lợi
Người đi xa: sẽ có thư tín
Kiện cáo: Mồi hạ trang mà lý đã phân
Khoa cử: sĩ nhân đỗ đạt*

Vật mốc: nó trốn đi, nên hỏi dò

Tử tôn phát động thương Quan quy

Chiếm bịnh, cầu y, bịnh khá thuyên,

Hành nhân, mãi mại thâm khương thái,

Hôn nhân hỷ mỹ thị tiền duyên

Sản phụ đương sinh, tử dị thường

Từ tụng tư hòa bất đảo quan

Yết quý cầu danh hưu tến dụng

Khuyến quân thủ phận thính hồ thiên

Chiếm bịnh, cầu thầy, bịnh được lành

Người đi xa, buôn bán: được mạnh

Hôn nhân tốt đẹp, có tiền duyên

Sản phụ đang sinh, con dễ nuôi

Kiện cáo riêng hòa, không tới quan

Yết kẻ quý, cầu danh: đừng tiến dụng

Khuyến người thủ phận, nghe ở trời

Phụ chú: Tử tôn động tuy chủ các việc được tốt, nhưng cầu quan bất lợi, nên xem cả các hào có xung khắc hay không

Quan quý từng lai khắc huynh đệ

Hôn nhân vị tước sinh nghi trệ

Bịnh khốn, gia trung họa xí lai

Canh chùng, tầm tang giai bất lợi

Xuất ngoại, đào vong định kiến tai

Từ tụng quan ty tao tù kế

Mãi mại tài khinh đồ bác du

Thất vật nan tầm đa ám muội

Quan quý khắc huynh đệ

Hôn nhân: chưa xong, sinh nghi trệ

Bịnh khốn trong nhà thêm quý pha

Cây cấy tầm tơ đều bất lợi

Người đi, kẻ trốn: có tai ương

Từ tụng quan ty: bị tù tội

Buôn bán không lời, cờ bạc thua

Vật mất khó tìm, nhiều ám muội

Phụ chú: các việc hung, nếu trong hào không có sinh hiệp, vượng tướng

TÀI hào phát động khắc Văn thư

Ứng cử, cầu danh tổng thị hư,

Tướng ban kinh dinh vi đại cát,

Nhân thân như ý lại vô ngu.

Hành nhân tại ngoại thân tướng động,

Sản phụ cầu thần dị thoát trừ

Thất vật tĩnh an gia vị xuất

Bệnh nhân thương vị hữu thương tỳ.
 Ứng cử, cầu danh trống lỗng không,
 Dem vốn kinh doanh là đại cát
 Sui gia như ý, vui không lo.
 Người đi xa sắp trở về !
 Sản phụ cầu thần dễ thoát thai,
 Vật mất còn trong, chưa ra khỏi,
 Người bệnh đau vị (bao tử) lại đau tỳ (mề)
 Chú _ Thê tài động, lợi kinh thương và sinh sản. Công danh khó thành
HUYNH ĐỀ giao trùng khắc hào TÀI

Bệnh nhân nan đủ vị ly tai
 Ứng cử đoạt tiêu vi kỵ khách,
 Quan phi âm tặc hao tiền tài
 Nhược đối cát thần vi hữu trợ,
 Xuất lộ hành nhân tiện vị lai
 Hôn vật kinh thương tiêu chiết bản,
 Mãi tỳ, cầu thê, sự bất hài
 Bệnh nhân khó mạnh, chưa khỏi tai
 Ứng cử đoạt nên vì kỵ khách (cầu thi cử, Huynh là Kỵ thần)
 Quan phi âm tặc hao tiền tài
 Bằng đeo cát thần có kẻ giúp
 Người đi ra đường chưa trở về
 Cửa cải đi luôn tiêu mất vốn
 Mua tở, cầu vợ, việc không hài
 Phụ chú : Hào huynh phát độn g các việc xấu nhiều, tốt ít

TÌM HÀO ĐỘNG

Lục hào câu tịnh sự nan tâm,
 Ám động tam hào vị Đinh, Nhâm
 Tứ vị ẤT CANH khu tầm mạch
 Sơ hào TÂN BÍNH khá nhập tâm
 Tri chu MẬU QUÝ cư hào nhị
 GIÁP tại ngũ hào, KỶ lục âm
 Chú: Khi nào gieo tiền, không có hào động, theo cách tìm hào ám động như trên

LỤC THÂN BIẾN HÓA QUYẾT

PHU MẪU hóa PHU MẪU

Tấn thần văn thơ hử,
 Hóa TỬ bất thương đinh,
 Hóa QUỶ, Quan thiên cử
 Hóa TÀI, trạch trượng ừ
 HUYNH ĐỀ vi tiết khí
 _ Lấy hào PHỤ làm chủ, gặp động mà hóa
 PHỤ hóa PHỤ, tiến thân về văn thư,

Hóa TỬ chẳng hại nào đình
Hóa QUỶ, quan được đời đổi
Hóa TÀI, buồn lo việc nhà,
Hóa HUYNH làm tiết khí
TỬ TÔN hóa thoái thân
Nhân tài bất xứng tình,
Hóa PHỤ diên tâm bại,
Hóa TÀI gia bội vinh
Hóa Quỷ ưu sinh sản,
HUYNH ĐỆ vị tương sinh
Hào TỬ hóa thoái thân
Người của chẳng xứng tình,
Hóa PHỤ diên (ruộng dâm) tâm bại
Hóa TÀI vinh gia bội
Hóa QUỶ lo sinh sản
Hóa HUYNH gọi tương sinh
QUAN hóa tấn thân lộc
Cầu quan tất tậi tốc,
Hóa TÀI chiếm bịnh hung,
Hóa PHỤ, văn thơ trực
Hóa TỬ tất thương quan ?
Hóa HUYNH, đệ bất mục
Hào QUAN hóa tiến thân lộc
Cầu quan chắc mau chóng
Hóa TÀI chiếm bịnh hung
Hóa PHỤ, văn thơ đòi
Hóa TỬ tất thương Quan ?
Hóa HUYNH, em chẳng hòa
THÊ TÀI hóa tiến thân
Tiền tài nhập trạch lai,
Hóa QUAN ưu thích thích
Hóa TỬ tiểu cấp cấp
Hóa PHỤ nghi gia trưởng,
Hóa HUYNH đương phá tài.
THÊ TÀI hóa tiến thân
Tiền tài dồn vào nhà
Hóa QUAN, lo ngay ngáy
Hóa TỬ, cười dòn tan
Hóa PHỤ, hợp gia trưởng,
Hóa HUYNH, chủ phá tài
HUYNH ĐỆ hóa thoái thân
Phàm chiếm vô sở kỵ,

Hóa PHỤ, thiếp nô kinh

Hóa TÀI, tài vị toại.

Hóa QUAN, đệ hữu tài

Hóa TỬ khước như ý.

HUYNH hóa thoái thần

Chiếm quẻ không có kỵ

Hóa PHỤ, thiếp nô sợ

Hóa TÀI, của chẳng ngại

Hóa QUAN, em có tai ương

Hóa TỬ được như ý

Phụ chú: Quyết này nên xem chung với Tiến Thần, Thoái Thần.

Phụ hóa phụ là bản hào biến động. Thần Thổ Phụ Mẫu hóa Mùi Thổ. Phụ mẫu.

LỤC THỨ CA ĐOÁN

1/ Phát động THANH LONG Phụ Dụng thông

Tiến tài, tiến lộc, phúc vô cùng

Lâm Cừ, ngộ Kỵ đồ vô ích,

Tửu sắc thành tai tại thử trung

2/ CHÂU TỬUOng giao trùng, văn ấn vượng

Sát thần tương tính mạn lao công,

Thị phi, khâu thiết, giai nhân thử,

Động xuất sinh thân khước lợi công

3/ CÂU TRẬN phát động, ưu điền thổ,

Lục Tuất trần chuyên vị Kỵ phùng,

Sinh Dụng hữu tình hữu thị cát,

Nhược nhiên an tĩnh bất mê mông

4/ ĐÀNG SÀ Quỷ khắc ưu oanh bạn,

Quái mộng âm ma mộng lý công.

Trì Mộc, lạc Không hưu đạo cát,

Phùng xung chi Nhật, mạc đào hung

5/ HUYỀN VÕ động điều đa ám muội

Nhược lâm Quan quỷ tặc giao công,

Hữu tình sinh thế, tà vô phạm,

Cửu Kỵ lâm chi đạo tặc hung

6/ BẠCH HỔ giao trùng, tang ác sự,

Quan ty bệnh hoạn, tất thành hung,

Trì Kim động khắc, phòng nhân khẩu,

Ngộ Hỏa sinh Thân, tiện bất đồng

BÀI CA LỤC THỨ PHÁT ĐỘNG

_ THANH LONG phát động Phụ có (hay phò)

Dụng thần thì hanh thông

Tiến tài, tiến lộc, phúc vô cùng

Lâm Cừ thần, gặp Kỵ đều vô ích

Tửu sắc thành tai hại ở trong
 _ CHU TUỐC động, văn ấn vượng
 Nếu sát thần tương tính (gặp) luống lao công
 Phải quấy miệng lưỡi đều nhan đó
 Động ra sinh thân, lại lợi việc công
 _ CÂU TRẬN phát động lo điền thổ,
 Năm đó (Tuế lâm) truân chuyên vì gặp Kỵ thần
 Nếu sinh Dụng là hữu tình, lại gặp tốt
 Như thế an tĩnh chẳng mù mờ
 _ ĐĂNG SA khắc Quỷ, việc lo ràng buộc,
 Quái mộng âm ma thấy chiêm bao
 Trì (gặp) Mộc, lạc Không, đừng nói tốt
 Gặp ngày Nhật thần xung, chẳng khởi sự hung
 _ HUYỀN VÕ động điều, nhiều mờ tối
 Bằng lâm Quan Quỷ, giặc thường xấu lao công,
 Hữu tình, sinh Thế, tà không phạm.
 Cừu Kỵ lâm thì gian đạo hung
 _ BẠCH HỔ động, việc tang ác,
 Quan tỵ bệnh oán chắc thành hung
 Trì Kim động khắc phòng người nhà,
 Gặp Hỏa sinh Thân tiện bất đồng
 (chẳng đoán như vậy thường được yên)

NHẬT NGUYỆT: KIẾN TRUYỀN PHÙ

NHẬT kiến gia THANH LONG,
 Tài lộc hỷ trùng, trùng
 CHU TUỐC nghi thi dụng,
 CÂU TRẬN sự vi thông
 ĐĂNG SA đa quái dị,
 BẠCH HỔ phá tài hung,
 HUYỀN VÕ âm tư nhiều,
 Ứng tại Nhật thần trung,
 NGUYỆT KIẾN như lâm thử,
 Đoán pháp diệc tương đồng.
 NHẬT KIẾN (hay NGUYỆT kiến) gia THANH LONG
 Tài lộc mừng lung tung
 CHU TUỐC nên làm lụng
 CÂU TRẬN sự chưa thông
 ĐĂNG SA nhiều quái dị
 BẠCH HỔ, phá cửa hung
 HUYỀN VÕ âm tư rồi
 Ứng ở trong NHẬT thần
 NGUYỆT KIẾN như thế ấy,
 Phép đoán cũng đồng nhau

BÁI QUÁI TƯƠNG PHỐI

CÀN: lão phụ	_thuộc dương
KHÔN: lão mẫu	_thuộc âm
CHẤN: trưởng nam	_thuộc dương
TỐN: trưởng nữ	_thuộc âm
KHẨM: trung nam	_thuộc dương
LY: trung nữ	_thuộc âm
CẤN: thiếu nam	_thuộc dương
ĐOÀI: thiếu nữ	_thuộc âm

NGUYỆT PHÁ ĐỊNH LỆ

Nguyệt kiến Nguyệt phá
 Lập Xuân – tháng Giêng Dần – Thân
 Kinh trập – tháng 2 Mão – Dậu
 Thanh minh – tháng 3 Thìn – Tuất
 Lập Hạ – tháng 4 Tỵ – Hợi
 Mang chủng – tháng 5 Ngọ – Tý
 Tiểu thử – tháng 6 Mùi – Sửu
 Lập Thu – tháng 7 Thân – Dần
 Bạch lộ – tháng 8 Dậu – Mão
 Hàn lộ – tháng 9 Tuất – Thìn
 Lập đông – tháng 10 Hợi – Tỵ
 Tiểu tuyết – tháng 11 Tý – Ngọ
 Tiểu hàn – tháng 12 Sửu – Mùi
 Phụ chú: hào xung Nguyệt kiến gọi là Nguyệt phá

HOÀNG TUYỀN QUÁI

(phú xem sống chết)
 MINH DI, CỔ, ÁC, QUÁI, PHONG, ĐỒNG
 Lục quái lá ngâm kiêu định phùng
 Tài Quỷ nhị hào câu phát động (hóa Tài, hóa Quỷ, 2 hào đều động)
 Tang môn, Điều khách táng hung hung
 Phụ chú: Trong 6 quẻ trên, hào động hóa TÀI, QUỶ
 Lấy Thái tuế làm đích, trước 2 cung là TANG MÔN, sau 2 cung là ĐIỀU KHÁCH
 Ví dụ: Tuế là Sửu: Mão là Tang môn
 Hợi là Điều khách

ĐỊNH LỆ QUÁI HÀO TRÌNH TƯỢNG**và PHI PHỤC THÂN QUÁI THÂN****THIÊN SƠN ĐỘN (thuộc kim)**

Phục: dẫn mộc thê tài

Nhâm tuất Nhâm Thân Nhâm Ngọ Bính Thân Bính Ngọ Bính Thìn

Phục: tý thủy tử tôn

\	ứng	\	\	\thế	\
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quỉ	Huỳnh đệ	Quan quỉ	Phụ mẫu

Phụ chú – Độn là tui, trong quẻ thìn Thê tài tử tôn, lấy dần mộc hào thứ hai quẻ càn, phục ở dưới ngọ Hào hào thứ 2 bản quái, Ngọ Hỏa là phi thần, Dần mộc là Phục thần, mộc sinh Hỏa gọi là “Phục khứ sinh Phi” tên là Tiết khí. Lấy Tý Thủy tử tôn quẻ càn phục ở dưới Thổ hào sơ bản quái, Thủy mộ tại thìn, gọi là Phục thân nhập mộ ở hào Phi vậy.

THIÊN ĐỊA BĨ (thuộc kim)

Quái: thân

Phục: tý thủy tử tôn

Nhâm tuất	Nhâm thân	Nhâm ngọ	Ất mao	Ất tỵ	Ất mùi
ứng	\	\	\thế	\	\
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quỉ	Thê tài	Quan quỉ	Phụ mẫu

Phụ chú – Bĩ là lấp, trong quẻ tuyệt hào tử tôn, lấy tý thủy tử tôn hào sơ quẻ càn phục ở dưới mùi thổ hào sơ bản quái, mùi thổ là Phi thần, Tý Thủy là phục thần, Thổ khắc Thủy, gọi là Phi tại khắc phục.

PHONG ĐỊA QUÁN (thuộc kim)

Phục thân kim

Phục tý thủy tử

Huỳnh đệ

tôn					
Tân mao	Tân tỵ	Tân mùi	Ất mao	Ất tỵ	Ất mùi
\	\	\thế	\	\	ứng
Thê tài	Quan quỉ	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quỉ	Phụ
mẫu					

Phụ chú- Quán là xem. Trong quẻ thiếu hào huỳnh đệ tử tôn, lấy hào huỳnh đệ thân kim hào thứ 5 quẻ càn phục ở dưới tỵ Hỏa hào thứ năm bản quái, tỵ Hỏa là Phi thần. Thân kim là phục thần, kim trường sinh tại tỵ gọi là phục dưới Trường sinh gặp dẫn bèn ra. Lấy tý thủy tử tôn hào sơ quẻ càn, phục ở dưới mùi Thổ hào sơ bản quái, mùi Thổ là phi thần, tý Thủy là phục thần. Thổ khắc Thủy gọi là “Phi lai khắc phục”

SƠN ĐỊA BÁC (thuộc kim)

Bính dần	Bính tỵ	Bính tuất	Ất mao	Ất tỵ	Ất
mùi					
\	\thế	\	\	ứng	\
Thê tài	Tử tôn	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quỉ	
Phụ mẫu					

Phụ chú- Bác là rưng, trong quẻ khuyết hào Huỳnh đệ, lấy thân kim hào thứ năm quẻ càn phục ở dưới Tý Thủy hào thứ năm bản quái. Tý Thủy là Phi thần, Thân kim là Phục thần, Kim sinh. Thủy gọi là “Phục khứ sinh phi” danh là Tiết khí.

HỎA ĐỊA TẤN (thuộc kim)

Quái: thân

Phục: tý thủy tử tôn

Kỷ tỵ	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Ất mao	Ất tỵ	Ất mùi
\	∧	\thế	∧	∧	∧ ứng

Quan quĩ	Phụ mẫu	Huynh đệ	Thê tài	Quan quĩ	Phụ mẫu
----------	---------	----------	---------	----------	---------

Phụ chú — Tấn là tới, là quẻ thứ 7 của thân cung Càn, danh là Du hồn, trong quẻ tuyệt hào Tử tôn hào sơ quẻ càn phục dưới mùi Thổ hào sơ bản quái, mùi thổ là Phi thần, Tý Thủy là phục thần, Thổ khắc Thủy gọi là “Phi lai khắc phục”

HỎA THIÊN ĐẠI HỮU (thuộc kim)

Kỷ ty	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tý
\ ứng	\	\	\ thế	\	\

Quan quĩ	Phụ mẫu	Huynh đệ	Phụ mẫu	Thê tài	Tử tôn
----------	---------	----------	---------	---------	--------

Phụ chú — Đại hữu la rộng, là quẻ chót cung càn, danh là quẻ Qui hồn, trong quẻ hào Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, không phải tìm Phục.

KHẨM VI THỦY (thuộc Thủy)

Mậu tý	Mậu tuất	Mậu thân	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
\ thế	\	\	\ ứng	\	\

Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn
----------	----------	---------	---------	----------	--------

Phụ chú — Khảm là hãm, là quẻ đầu cung Khảm, danh là bát thuận, trong quẻ hào Tài, Quan, Phụ, Tử Huynh đệ đều đủ, làm Phục thần, bầy quẻ dưới bản cung.

THỦY TRẠCH TIẾT (thuộc Thủy)

Mậu tý	Mậu tuất	Mậu thân	Đinh sửu	Đinh mão	Đinh ty
\	\	\ ứng	\	\	\ thế

Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu	Quan quĩ	Tử tôn	Thê tài
----------	----------	---------	----------	--------	---------

Phụ chú — Tiết là dừng, trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ không cần tìm phục.

THỦY LÔI TRUÂN (thuộc Thủy)

Mậu tý	Mậu tuất	Mậu thân	Canh thìn	Canh dần	Canh ty
\	\	\	\	\	\

Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu	Quan quĩ	Tử tôn	Huynh đệ
----------	----------	---------	----------	--------	----------

Phụ chú — truân là khó, trong quẻ khuyết Thê tài, lấy ngọ Hỏa hào thứ ba quẻ Khảm, phục ở dưới thìn Thổ hào thứ ba bản quái, Thìn hổ là Phi thần, Ngọ Hỏa là Phục thần, Hỏa sinh Thổ, ngọ là Phục khí sinh phi, danh là Tiết khí.

THỦY HỎA KÝ TẾ (thuộc Thủy)

	Phục ngọ hỏa thê tài		Phục dần mộc quái thân		
Mậu tý	Mậu tuất	Mậu thân	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mão
\ ứng	\	\	\ thế	\	\

Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu	Huynh đệ	Quan quĩ	Tử tôn
----------	----------	---------	----------	----------	--------

Phụ chú — Ký tế là hiệp. Trong quẻ khuyết Thê tài, lát hào thứ 3 quẻ Khảm phục ở dưới hợi Thủy hào thứ ba bản quái, Hợi Thủy là Phi thần, Ngọ Hỏa là Phục thần, Hỏa tuyệt tại hợi, gọi là Phục tuyệt ở Phi vậy.

TRẠCH HỎA CÁCH (thuộc Thủy)

Phục ngọ hỏa thê tài quái thân

Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mao
Λ	\	\ thế	Λ	Λ	\ ứng
Quan quĩ	Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Tử tôn

Chú __ Cách là đối, trong quẻ khuyết Thê tài, lấy ngọ Hỏa hào thứ ba quẻ Khảm, phục ở dưới hợi Thủy hào thứ ba bản quái, hợi Thủy là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, hỏa tuyệt là tại hợi, gọi là hào Phục thần tuyệt phi.

LÔI HỎA PHONG (thuộc Thủy)

Quái thân

Canh tuất	Canh thân	Canh ngọ	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mao
\	Λ ứng	\	\	Λ ứng	\
Quan quĩ	Phụ mẫu	Thê tài	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Tử tôn

Chú __ Phong là lớn, trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

ĐỊA HỎA MINH DI (thuộc thủy)

Phục ngọ Hỏa Thê tài

Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mao
Λ	Λ	Λ thế	\	\	Λ ứng
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Tử tôn

Chú __ Minh di là thương hại, là quẻ thứ 7 của quẻ Khảm, danh là Du hồn. Trong quẻ khuyết Thê tài, lấy ngọ Hỏa hào thứ 3 quẻ Khảm, phục ở dưới hợi Thủy hào thứ ba bản quái, hợi Thủy là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, hỏa tuyệt tại hợi, gọi là hào Phục thần tuyệt hạ vậ.

ĐỊA THỦY SỬ (thuộc thủy)

Phục thần kim quái thân

Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
Λ ứng	Λ	Λ	\ thế	\	\
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn

Chú __ Sư là chúng, là quẻ rốt cùng Khảm, danh là Qui hồn. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

CẤN VI SƠN (thuộc Thổ)

Bính dần	Bính tý	Bính tuất	Bính thân	Bính ngọ	Bính thìn
\ thế	Λ	Λ	\ ứng	Λ	Λ
Quan quĩ	Thê tài	Huỳnh đệ	Tử tôn	Phụ	mẫu
	Huỳnh đệ				

Chú __ Cấn là ngăn, là quẻ đầu cung Càn, danh là bát thuận. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ làm Phục thần bầy quẻ dưới bản cung.

SƠN HỎA BỈ (thuộc thổ)

Quái thân	Phục thần kim tử tôn	Phục ngọ hỏa phụ mẫu			
Bính dần	Bính tý	Bính tuất	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mao
\	Λ	\ ứng	\	Λ	\ thế
Quan quĩ	Thê tài	Huỳnh đệ	Thê tài	Huỳnh đệ	Quan quĩ

Chú __ Bĩ là đôi, trong quả khuyết hào phụ mẫu Tử tôn, lấy ngọ hỏa hào thứ 2 Cấn quái phục ở dưới sừ Thổ hào thứ hai bản quái, sừ Thổ là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, Hỏa sinh Thổ, gọi là Phục khứ sinh Phi, danh là Tiết khí.

SƠN THIÊN ĐẠI SÚC (thuộc thổ)

	Phục thần kim tử tôn		Phục ngọ hỏa phụ mẫu		
Bính dần	Bính tý	Bính tuất	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tý
\	\ ứng	\	\	\ thế	\
Quan quĩ	Thê tài	Huỳnh đệ	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Thê tài

Chú __ Đại súc là nhóm. Trong quả khuyết hào Phụ mẫu Tử tôn lấy ngọ Hỏa hào thứ hai quả Cấn phục ở dưới dần mộc hào thứ hai bản quái, dần mộc là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, mộc sinh Hỏa, Hỏa trường sinh ở dần, gọi là phi lai sinh phục, được trường sinh. Lấy hào Tử tôn thân kim hào thứ ba quả Cấn, phục ở dưới thìn Thổ hào thứ ba bản quái, thìn thổ là Phi thần, thân kim là Phục thần, Thổ sinh kim, gọi là “Phi lai sinh phục”

SƠN TRẠCH TỔN (thuộc Thổ)

Phục quái thần thân kim tử tôn					
Bính dần	Bính tý	Bính tuất	Đinh sừ	Đinh mảo	Đinh ty
\ ứng	\	\	\ thế	\	\
Quan quĩ	Thê tài	Huỳnh đệ	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Chú __ Tổn là ích. Trong quả khuyết hào tử tôn, lấy hào Tử tôn thân kim hào thứ ba quả Cấn phục ở dưới sừ Thổ hào thứ ba bản quái, sừ Thổ là Phi thần, thân kim là Phục thần, kim mộ tài sừ, gọi là Phục thần nhập mộ ở phi.

HỎA TRẠCH KHUÊ (thuộc Thổ)

Phục tý thủy thê tài		Quái thần			
Kỷ ty	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Đinh sừ	Đinh mảo	Đinh ty
\	\	\ thế	\	\	\ ứng
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Tử tôn	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Chú __ Khuê là trái. Trong quả khuyết Thê tài, lấy Thê tài tý Thủy phục ở dưới mùi Thổ hào thứ năm bản quái mùi Thổ là Phi thần, tý Thủy là Phục thần, Thổ khắc Thủy gọi là Phi tại khắc Phục.

THIÊN TRẠCH LÝ (thuộc thổ)

Phục					
Nhâm tuất	Nhâm thân	Nhâm ngọ	Đinh sừ	Đinh mảo	Đinh ty
\	\ thế	\	\	\ ứng	\
Huỳnh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Chú __ Lý là lẽ. Trong quả khuyết Thê tài, Thê tài tý Thủy hào thứ năm quả Cấn, phục ở dưới thân kim hào thứ năm bản quái thân kim là Phi thần, tý Thủy là Phục thần kim sinh Thủy, Thủy trường sinh thân, gọi là phi lai sinh phục đắc trường sinh.

PHONG TRẠCH TRUNG PHU (thuộc thổ)

Phục tý thủy thê tài		Phục thần kim tử tôn			
Tân mảo	Tân ty	Tân ty	Đinh sừ	Đinh mảo	Đinh ty
\	\	\ thế	\	\	\ ứng
Quan quĩ	Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Chú __ Trung phu là tin, là quả Cấn, danh là Du hôn. Trong quả khuyết Thê tài Tử tôn, lấy Thê tài tỵ Thủy hào thứ năm quả Cấn, phục ở dưới tỵ Hỏa hào thứ 5 bản quái. Tỵ Hỏa là Phi thần, Tỵ Thủy là Phục thần, Thủy tuyệt tại tỵ gọi là hào Phục thần tuyệt ở phi, lấy thân kim Tử tôn quả Cấn, phục ở dưới sừ Thổ hào thứ ba bản quái, sừ Thổ là Phi thần, thân kim là Phục thần, kim mộ tạ sừ, gọi là Phục thần nhập mộ ở phi.

PHONG SƠN TIỆM (thuộc thổ)

Tân mảo \ứng	Tân tỵ \	Tân mùi \	Bính thân \thế	Bính ngọ \	Bính thìn \
Quan quĩ	Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu	Huỳnh đệ

Chú __ Tiệm là tở, là quả cuối cung Cấn, danh là Qui hôn. Trong quả khuyết Thê tài, lấy tỵ Thủy Thê tài hào thứ năm quả Cấn phục ở dưới tỵ Hỏa hào thứ năm bản quái, tỵ Hỏa là Phi thần, tỵ Thủy là Phục thần. Thủy tuyệt tại tỵ, gọi là hào phục tuyệt vu phi.

CHẤN VI LÔI (thuộc mộc)

Canh tuất \thế	Canh thân \	Canh ngọ \	Canh thìn \ứng	Canh dần \	Canh tỵ \
Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn	Thê tài	Huỳnh đệ	Phụ mẫu

Chú __ 1/ Chấn là động, là quả đầu cung Chấn, danh là bát thuận. Trong quả Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ, làm Phục thần cho 7 quả dưới bản cung vậy.

2/ Dấu \ là nén tiền __ Dấu \ là nét đứt ---

Ví dụ: Quả Chấn trên (tính từ dưới lên trên), có ba dấu hay ba hào

Canh thìn \ hay - -

Canh tỵ \ hay ---

LỢI ĐỊA DƯ

	Quái nhân	Phục tỵ thủy phụ mẫu			
Canh tuất \	Canh thân \	Canh ngọ \ứng	Ất mảo \	Ất tỵ \	Ất mùi \thế
Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn	Huỳnh đệ	Tử tôn	Thê tài

Chú __ Giải là tan. Trong quả khuyết hào Phụ mẫu, lấy tỵ Thủy Phụ mẫu hào sơ quả Chấn phục ở dưới dần Mộc hào sơ bản quái, dần Mộc là Phi thần, tỵ Thủy là Phục thần, Thủy sinh Mộc, gọi là phục khứ sinh phi, danh là tiết khí.

LÔI PHONG HÀNG (thuộc mộc)

			Phục quái thân dần mộc huỳnh đệ		
Canh tuất \ ứng	Canh thân \	Canh ngọ /	Tân dậu \thế	Tân hợi \	Tân sừ \
Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn	Quan quĩ	Phụ mẫu	Thê tài

Chú __ Hàng là lâu. Trong quả khuyết Huỳnh đệ, lấy dần Mộc hào thứ hai quả Chấn, phục ở dưới hợi Thủy bản quái hợi Thủy là Phi thần, dần Mộc là Phục thần, Thủy sinh Mộc trường sinh hợi, gọi là phi lai sinh phục đặc trường sinh.

ĐỊA PHONG THANG (thuộc mộc)

	Phục ngọ hỏa tử tôn quái thân			Phục dần Mộc Huỳnh đệ		
Quý dậu \	Quý hợi \	Quý sừ \thế	Tân dậu /	Tân hợi /	Tân sừ \ứng	

Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài
----------	---------	---------	----------	---------	---------

Chú __ Thăng là lên. Trong quẻ khuyết hào Huynh đệ Tử tôn, lấy dần Mộc Huynh đệ hào thứ hai quẻ Chấn, phục ở dưới hợi Thủy hào thứ hai bản quái, hợi Thủy là Phi thần, dần Mộc là Phục thần, Thủy sinh Mộc, Mộc trường sinh tại hợi gọi là phi lai sinh phục đắc trường sinh, lấy ngọ Hỏa Tử tôn hào thứ tư quẻ Chấn phục ở dưới sừ Thổ hào thứ tư bản quái, sừ Thổ là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, Hỏa sinh Thổ, gọi là phục khí sinh phi, danh làm thiết khí.

THỦY PHONG TĨNH (thuộc mộc)

Phục ngọ hỏa tử tôn		Phục thìn thổ quái thân		Phục dần mộc huynh đệ	
Mậu tý	Mậu tuất	Mậu thân	Tân dậu	Tân hợi	Tân sừ
Λ	/thế	Λ	/	/ứng	Λ
Phụ mẫu	Thê tài	Quan quỷ	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài

Chú __ Tĩnh là lặng. Trong quẻ khuyết hào Huynh đệ Tử tôn, lấy dần Mộc Huynh đệ dưới quẻ Chấn, phục ở dưới hợi Thủy hào thứ hai bản quái, hợi Thủy là Phi thần, dần mộc là Phục thần, Thủy sinh Mộc, Mộc trường sinh tại hợi, gọi là phi lai sinh phục đắc trường sinh, lấy ngọ Hỏa hào thứ tư quẻ Chấn, phục ở dưới thân kim hào thứ tư bản quái, thân kim là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần, Hỏa khắc kim gọi là Phục khắc Phi thần làm xuất gao.

TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ (thuộc mộc)

Phục ngọ hỏa tử tôn		Phục dần mộc huynh đệ			
Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Tân dậu	Tân hợi	Tân sừ
Λ	/	/thế	/	/	Λứng
Thê tài	Quan quỷ	Phụ mẫu	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài

Đại quá la hỏa, là quẻ thứ 7 cung Chấn danh là Du hồn. Trong quẻ khuyết quẻ Huynh đệ Tử tôn, lấy dần Mộc Huynh đệ hào thứ hai quẻ Chấn Phục ở dưới hợi Thủy hào thứ hai bản quái, hợi Thủy là Phi thần, dần Mộc là Phục thần, Thủy sinh Mộc trường sinh tại hợi, gọi là Phi lai sinh phục, đắc trường sinh, lấy ngọ Hỏa Tử tôn hào thứ tư Cấn quái, hợi Thủy là Phi thần, ngọ Hỏa là Phục thần Hỏa tuyệt tại hợi gọi là Phục thần tuyệt vu phi.

TRẠCH LỢI TÙY (thuộc mộc)

Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Canh thìn	Canh dần	Canh tý
Λứng	/	/	Λthế	Λ	/
Thê tài	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài	Canh dần Huynh đệ	Phụ mẫu

Chú __ Tùy là thuận, là quẻ chót cung Chấn danh là Qui hồn. Trong quẻ khuyết hào Tử tôn, lấy ngọ Hỏa hào thứ tư quẻ Chấn phục ở dưới hợi Thủy hào thứ tư bản quái. Hối Thủy là phi thần ngọ Hỏa là Phục thần, hỏa tuyệt tại hợi gọi là hào Phục thần tuyệt vu phi.

TỐN VI PHONG (mộc)

Quái thân					
Tân mao	Tân tý	Tân mùi	Tân dậu	Tân hợi	Tân sừ
/thế	/	Λ	/ứng	/	/
Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài

Tốn là lấy, là quẻ đầu cung Tốn, danh là bát thuận, trong quẻ tạ, quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, làm Phục thần cho 7 quẻ dưới bản cung vậy.

PHONG THIÊN TIỂU SÚC (mộc)

Phục dậu kim quan quỷ

Tân mao	Tân tỵ	Tân mùi	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tý
/	/	Λứng	/	Λ	/thế

Huỳnh đệ	Tử tôn	Thê tài	Phụ mẫu	Thê tài	Huỳnh đệ
----------	--------	---------	---------	---------	----------

Chú __ Gia nhân là đồng. Trong quẻ khuyết Quan quỷ, lấy dậu kim hào thứ ba quẻ Tốn, phục ở dưới hợi Thủy hào thứ ba bản quái, hợi Thủy là Phi thần, dậu kim là Phục thần, kim sinh Thủy gọi là phục khứ sinh phi danh là tiết khí.

PHONG LÔI ÍCH (mộc)

		Quái thân		Phục dậu kim quan quỷ	
Tân mao	Tân tỵ	Tân mùi	Canh thìn	Canh dần	Canh tý
/ứng	/	Λ	Λthế	Λ	/

Huỳnh đệ	Tử tôn	Thê tài	Thê tài	Huỳnh đệ	Phụ mẫu
----------	--------	---------	---------	----------	---------

Ích là tốn. Trong quẻ khuyết hào Quan quỷ, lấy dậu kim Quan quỷ hào thứ ba quẻ Tốn phục ở dưới thìn, thìn Thổ hào thứ ba bản quái, thìn Thổ là Phi thần, dậu kim là Phục thần, Thổ sinh kim gọi là Phi lai dinh phục.

THIÊN LÔI VÔ VỌNG (mộc)

Nhâm Tuất	Nhâm thân	Nhâm ngọ	Canh thìn	Canh dần	Canh tý
		/thế	\	\	ứng

Thê tài	Quan quỷ	Tử tôn	Thê tài	Huỳnh đệ	Phụ mẫu
---------	----------	--------	---------	----------	---------

Vô vọng là thiên tai. Trong quẻ Tàì, Quan, Phụ, Huỳnh, tử đều đủ, không phải tìm Phục.

SƠN LÔI DI (mộc)

Phục tỵ hỏa tử tôn	Quái thân	Phục dậu kim quan quỷ			
Bính dần	Bính tý	Bính Tuất	Canh thìn	Canh dần	Canh tý
		\thế	\	\	\ứng
Huỳnh đệ	Phụ mẫu	Thê tài	Thê tài	Huỳnh đệ	Phụ mẫu

Di là nuôi, là quẻ thứ bảy cung Tốn, danh là du hồn. Trong quẻ khuyết hào Tử tôn Quan quỷ, lấy dậu kim Quan quỷ hào thứ ba quẻ Tốn, phục ở dưới thìn Thổ hào thứ ba bản quái, thìn Thổ là Phi thần, dậu kim là Phục thần, Thổ sinh kim gọi là phi lai sinh phục. Lấy tỵ hỏa Tử tôn hào thứ năm quẻ Tốn phục ở dưới tý Thủy hào thứ năm bản quái. Tý Thủy là Phi thần, tý Hỏa là Phục thần. Thủy khắc Hỏa gọi là Phi lai khắc phục.

SƠN PHONG CỐ (Mộc)**Quái thân**

Bính dần	Bính tý	Bính Tuất	Tân dậu	Tân hợi	Tân sửu
	Λ	Λ	/	/	Λ
Huỳnh đệ	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quỷ	Phụ mẫu	Thê tài

Chú __ Cố là việc, là quẻ cuối cung Tốn, danh là qui hồn, trong quẻ khuyết hào tử tôn, lấy tỵ Hỏa hào thứ năm quẻ Tốn phục ở dưới tý Thủy hào thứ năm bản quái, tý Thủy là phi thần, tỵ Hỏa là Phục thần, Thủy khắc Hỏa gọi là Phi lai khắc Phục.

LY VỊ HỎA (thuộc hỏa)

		Quái thân			
Kỷ tỵ	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Kỷ hợi	Kỷ sửu	Kỷ mao

/thế	Λ	\	\		
Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Quan quĩ	Huynh đệ	Phụ mẫu

Chú — Ly là nương là quẻ đầu cung Ly, danh là Bát thuần trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, làm Phục thần cho bảy quẻ dưới bản cung vậy.

HỎA SƠN LỮ (Hỏa)

	Phục hợi thủy quan quĩ	Quái thân			
Kỷ ty	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Bính Thân	Bính ngọ	Bính thìn
			Phục mọo mộc phụ mẫu		

	Λ	ứng		\	\thế
Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Thê tài	Huynh đệ	Tử tôn

Lữ là khách. Trong quẻ khuyết Phụ mẫu, lấy mọo Mộc Phụ mẫu hào sơ quẻ Ly phục ở dưới thìn Thổ hào sơ bản quái. Thìn Mộc là Phi thần, mọo Mộc là Phục thần, Mộc khắc Thổ, gọi là Phục khắc Phi thần, làm xuất bạo. Lấy hợi Thủy Quan quĩ hào thứ ba quẻ Ly, phục ở dưới thân kim hào thứ ba bản quái, thân kim là Phi thần, hợi Thủy là Phục thần, kim sinh Thủy trường sinh tại thân, gọi là phi lai sinh phục đắc trường sinh.

HỎA PHONG ĐẢNH (Hỏa)

Quái thân		Phục mọo mộc phụ mẫu			
Kỷ ty	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Tân dậu	Tân hợi	Tân sửu
/	Λứng	/	/	/thế	Λ

Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Thê tài	Quan quĩ	Tử tôn
----------	--------	---------	---------	----------	--------

Đảnh là định. Trong quẻ khuyết hào Phụ mẫu, lấy mọo Mộc Phụ mẫu hào sơ quẻ Ly phục ở dưới sửu Thổ hào sơ bản quái, sửu Thổ là Phi thần, mọo Mộc là Phục thần Mộc khắc Thổ gọi là Phục phi làm xuất bạo

HỎA THỦY VỊ TẾ (Hỏa)

	Phục lợi thủy quan quĩ				
Kỷ ty	Kỷ mùi	Kỷ dậu	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
/ứng	Λ	/	Λthế	/	/

Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Huynh đệ	Tử tôn	Phụ
----------	--------	---------	----------	--------	-----

mẫu

Vị tế là mất. Trong quẻ khuyết hào Quan quĩ, lấy Hợi Thủy Quan quĩ hào thứ ba quẻ ly phục ở dưới ngọ hỏa hào thứ ba bản quái, ngọ hỏa là Phi thần, hợi Thủy là Phục thần, Thủy khắc gọi là phục khắc Phi thần làm xuất bạo.

SƠN THỦY MÔNG (Hỏa)

Bính dần	Bính tý	Bính tuất	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
/	Λ	Λthế	Λ	/	Λứng

Phụ mẫu	Quan quĩ	Tử tôn	Huynh đệ	Tử tôn	Phụ
---------	----------	--------	----------	--------	-----

mẫu

Mông là mờ. Trong quẻ khuyết hào Thê tài, lấy dậu kim Thê tài hào thứ 4 quẻ Ly phục ở dưới tuất Thổ hào thứ 4 bản quái, tuất Thổ là Phi thần, dậu kim là Phục thần, Thổ sinh kim gọi là Phi lai sinh phục.

PHONG THỦY HOÁN (Hỏa)

Phục dậu kim thê tài quái thân Phục hợi thủy quan quĩ

Tân mao	Tân ty	Tân mùi	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
quái thân					

/	/thế	Λ	Λ	\\ứng	Λ
Phụ mẫu	Huynh đệ	Tử tôn	Huynh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu

Hoán là tan. Trong quẻ khuyết Thê tài, Quan quĩ, lấy hợi Thủy Quan quĩ hào thứ ba quẻ Ly, phục ở dưới ngọ hỏa hào thứ ba bản quái, ngọ hỏa là Phi thần, hợi Thủy là Phục thần, Thủy khắc Hỏa gọi là phục khắc Phi thần làm xuất bạo. Lấy dậu kim Thê tài hào thứ 4 quẻ Ly phục ở dưới mùi Thổ hào thứ 4 bản quái, mùi thổ là Phi thần, dậu kim là Phục thần, Thổ sinh kim gọi là Phi lai sinh phục.

THIÊN THỦY TỤNG (Hỏa)

Phục hợi thủy quan quĩ			Phục mero mộc quái thân		
Nhâm tuất	Nhâm thân	Nhâm ngọ	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
/	/	/thế	Λ	/	Λ\\ứng
Tử tôn	Thê tài	Huynh đệ	Huynh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu

Tụng là bàn, là quẻ thứ 7 cung Ly, danh là Du hồn. Trong quẻ khuyết hào quan quĩ lấy hợi Thủy Quan quĩ hào thứ ba quẻ Ly phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ ba bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần, hợi Thủy là Phục thần. Thủy khắc Hỏa gọi là Phục khắc phi thần làm xuất bạo.

THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN (Hỏa)

Nhâm thân	Nhâm thìn	Nhâm ngọ	Kỷ dậu	Kỷ sửu	Kỷ mao
/\\ứng	/	/	/thế	Λ	/
Thê tài	Tử tôn	Huynh đệ	Thê tài		Tử tôn
mẫu					Phụ

Đồng nhân là thân là quẻ chót cung Ly danh là Qui hồn. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

KHÔN VI ĐỊA (thuộc Thổ)

Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Ất mao	Ất ty	Ất mùi
Λ	Λ	Λ\\ứng	Λ	Λ	\\thế
Tử tôn	Thê tài	Huynh đệ	Huynh đệ	Quan quĩ	Thê tài

Phục là lại. Trong quẻ khuyết hào Phụ mẫu, lấy ty Hỏa Phụ mẫu hào thứ hai quẻ Khôn phục ở dưới dần Mộc hào thứ hai bản quái, dần Mộc là Phi thần, ty Hỏa là Phục thần, Mộc sinh Hỏa trường sinh tại dần, gọi là Phi lai sinh phục đặc trường sinh.

ĐỊA TRẠCH LÂM (Thổ)

Quái thân			Quái thân		
Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Đinh sửu	Đinh mao	Đinh ty
Λ	Λ	Λ	Λ	/	/
Tử tôn	Thê tài	Huynh đệ	Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Lâm là lớn. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

ĐỊA THIÊN THÁI (Thổ)

Quái thân			Phục ty hỏa Phụ mẫu		
Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tý
Λ\\ứng	Λ	Λ	/thế	/	/

Thái là thông. Trong quẻ khuyết hào Phụ mẫu, lấy Tỵ hỏa Phụ mẫu hào thứ hai, quẻ Khôn, phục ở dưới dần mộc hào thứ hai bản quái, dần Mộc là Phi thần, tỵ Hỏa là Phục thần, Mộc sinh Hỏa, Hỏa trường sinh tại dần, gọi là Phi lai sinh phục đắc trường sinh.

LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG (Thổ)

Phục mệo mộc quái thân

Canh tuất	Canh thân	Canh ngọ	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tỵ
Λ	Λ	/thế	/	\	ứng
Huỳnh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Thê tài

Đại tráng là chí. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ không phải tìm phục.

THẠCH THIÊN QUÁI (Thổ)

Quái thân Phục tỵ hỏa phụ mẫu

Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tỵ
Λ	/thế	Λ	/	/ứng	/
Huỳnh đệ	Tử tôn	Thê tài	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Thê tài

Quyết là quyết. Trong quẻ khuyết hào phụ mẫu, lấy tỵ Hỏa Phụ mẫu hào thứ hai quẻ Khôn, phục ở dưới dần Mộc hào thứ hai bản quái, dần Mộc là Phi thần, tỵ Hỏa là Phục thần, Mộc sinh Hỏa, Hỏa trường sinh tại dần gọi là Phục thần. Mộc sinh Hỏa, Hỏa trường sinh tại dần gọi là Phi lai sinh phục đắc trường sinh.

THỦY THIÊN NHU (Thổ)

Phục dậu kim quái thân

Phục tỵ hỏa Phụ mẫu

Mậu tỵ	Mậu tuất	Mậu thân	Giáp thìn	Giáp dần	Giáp tỵ
Λ	/	Λthế	/	/	/ứng
Thê tài	Huỳnh đệ	Tử tôn	Huỳnh đệ	Quan quĩ	Thê tài

Nhu là trống, là quẻ thứ bảy cung Khôn danh là Du hồn. Trong quẻ khuyết hào Phụ mẫu. Lấy tỵ Hỏa Phụ mẫu hào thứ hai quẻ Khôn phục ở dưới dần Mộc hào thứ hai bản quái, dần Mộc là Phi thần, tỵ Hỏa là Phục thần, Mộc sinh Hỏa, Hỏa trường sinh tại dần gọi là Phi lai sinh Phục đắc trường sinh.

THỦY ĐỊA TY (Thổ)

Mậu tỵ	Mậu tuất	Mậu thân	Ất mao	Ất tỵ	Ất mùi
Λứng	/	Λ	/thế	Λ	Λ
Thê tài	Huỳnh đệ	Tử tôn	Quan quĩ	Phụ mẫu	Huỳnh đệ

Tỵ là hòa, là quẻ rốt cùng Khôn, danh là Qui hồn. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh. Tử đều đủ, không phải tìm phục.

ĐOÀI VI TRẠCH (thuộc kim)

Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Đinh sửu	Đinh mao	Đinh tỵ
Λthế	/	/	Λứng	/	
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu	Thê tài	Quan quĩ

Đoài là đẹp, là quẻ đầu cung Đoài, danh là Bát thuận. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huỳnh, Tử đều đủ, làm Phục thần 7 quẻ dưới bản cung vậy.

TRẠCH THỦY KHỔN (kim)

Đinh mùi	Đinh dậu	Đinh hợi	Mậu ngọ	Mậu thìn	Mậu dần
Λ	/	/ứng	Λ	/	Λthế

Phụ mẫu Huynh đệ Tử tôn Quan quĩ Phụ mẫu Huynh đệ
Khốn là nguy. Trong quẻ Tài, Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

TRẠCH ĐỊA TỤY (kim)

Đình mùi	Đình dậu	Đình hợi	Ất mao	Ất tỵ	Ất mùi
Λ	/ứng	/	Λ	Λthế	\
Phụ mẫu	Huynh đệ	Tử tôn	Thê tài	Quan quĩ	Phụ mẫu

Tuy là nhóm. Trong quẻ Tài Quan, Phụ, Huynh, Tử đều đủ, không phải tìm phục.

TRẠCH SƠN HÀM (kim)

Phục mệo mộc thê tài

Đình mùi	Đình dậu	Đình hợi	Bính thân	Bính ngọ	Bính thìn
Λứng	/	/	/thế	Λ	Λ
Phụ mẫu	Huynh đệ	Tử tôn	Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

Hàn là cảm. Trong quẻ khuyết hào Thê tài, lấy mệo Mộc Thê tài hào thứ hai quẻ Đoài, phục ở dưới ngọ Hỏa thứ hai bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần, mệo Mộc là Phục thần. Mộc sinh Hỏa gọi là Phục khứ sinh phi, danh là tiết khí.

THỦY SƠN KIẾN (kim)

Mậu ngọ	Mậu tuất	Mậu thân	Bính thân	Bính ngọ	Bính thìn
Λ	/	Λthế	/	Λ	Λứng
Tử tôn	Phụ mẫu	Huynh đệ	Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

__Kiến là nạn. Trong quẻ khuyết Thê tài, lấy mệo Mộc Thê tài hào thứ hai quẻ Đoài, phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ hai bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần, mệo mộc là Phục thần. Mộc sinh Hỏa gọi là Phục khứ sinh phi, danh là tiết khí.

ĐỊA SƠN KHIÊM (kim)

Quý dậu	Quý hợi	Quý sửu	Bính thân	Bính ngọ	Bính thìn
\	\thê	\	/	Λứng	Λ
Huynh đệ	Tử tôn	Phụ mẫu	Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

__Khiêm là lui. Trong quẻ khuyết hào Thê tài, lấy mệo Mộc Thê tài hà thứ hai quẻ Đoài, phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ hai bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần mệo Mộc là Phục thần, Mộc sinh Hỏa gọi là Mộc khứ sinh phi, danh là tiết khí.

LÔ SƠN TIỂU QUÁ (kim)

Phục mệo mộc thê tài	Phục hợi thủy tử tôn				
Canh tuất	Canh thân	Canh ngọ	Bính thân	Bính ngọ	Bính thìn
Λ	Λ	/thế	/	Λ	Λứng
Phụ mẫu	Huynh đệ	Quan quĩ	Huynh đệ	Quan quĩ	Phụ mẫu

__Tiểu là lỗi, là quẻ thứ 7 cung Đoài, danh là Du hồn. Trong quẻ khuyết Thê là Tử Tôn, lấy mệo Mộc Thê tài quẻ Đoài phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ hai bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần, mệo Mộc là Phục thần. Mộc sinh Hỏa gọi là phục khứ sinh phi, danh là tiết khí. Lấy hợi Thủy Tử tôn hào thứ tư quẻ Đoài phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ 4 bản quái, ngọ Hỏa là Phi Thần, hợi Thủy là Phục thần, Thủy khắc Hỏa gọi là phục khắc Phi thần làm xuất bạo.

LÔI TRẠCH QUI MÙI (kim)

Canh tuất	Canh thân	Canh ngọ	Đình sửu	Đình mao	Đình tỵ
-----------	-----------	----------	----------	----------	---------

Λứng	Λ	/	Λthế	/	/
Phụ mẫu	Huỳnh đệ	Quan quỉ	Phụ mẫu	Thê tài	
Quan quỉ					

Chú_Qui muội là lớn, là quẻ chót cung Đoài, danh là Qui hồn. Trong quẻ khuyết hào Tử tôn, lấy hợi Thủy tử tôn hào thứ 4 quẻ Đoài phục ở dưới ngọ Hỏa hào thứ 4 bản quái, ngọ Hỏa là Phi thần, hợi Thủy là Phục Thần, Thủy khắc Hỏa gọi là phục khắc phi thần làm xuất bạo.

Trở lên cho từng quẻ định lệ Phục thần và Quái thân. Nhân cái lầm của các phép “Dương phục âm, âm phục dương” của dịch làm bổ di, cần khôn lai vãng hoán của Bộc phệ toàn thơ, cho nên theo từng quẻ kỹ bầy để tiện cho kẻ hậu học.

Như sáu hào yên lặng, và những hào động biến lại không dụng thần nên suy lệ này, bằng trong quẻ, hào biến, hiện, có Dụng thần và Quái thần đã có Dụng thần bất tất tái tra Phục thần nữa. Giả như quẻ Thiên sơn độn sa tinh khuyết hào Thê tài, lấy dần Mộc hào thứ hai quẻ Càn phục ở dưới Ngọ Hỏa hào thế hai quẻ Đôn như hào sơ quẻ động phát động biến thành Bính thìn Phụ mẫu, hào sơ quẻ Thiên hỏa tòng nhân tức biến ra mẹo Mộc Thê tài, nên lấy mẹo Mộc Thê tài làm Dụng thần, bất tất xem dần Mộc, khi theo đây.

LỤC THẬP HOA GIÁP

GIÁP TÝ, ẤT SỬU: Hải trung kim (vàng dưới biển)
 Bính, Dần, Đinh Mão: Lư trung Hỏa (lửa trong lò)
 Mậu thìn, Kỷ Ty: Đại lâm Mộc (cây lớn trong rừng)
 Canh ngọ, Tân Mùi: Lộ bàng Thổ (đất giữa đường)
 Nhâm thân, Quý Dậu: Kiếm phong Kim (chất Kim ở đao, kiếm)
 GIÁP DẦN, ẤT MÃO: Đại khuê Thủy (nước biển lớn)
 GIÁP THÌN, ẤT TÝ: Phú đẳng Hỏa (lửa đèn lớn)
 Bính Ngọ, Đinh Mùi: Thiên hà Thủy (nước sông Ngân hà)
 Mậu Than, Kỷ Dậu: Đại dịch Thổ (đất khu lớn)
 Canh Tuất, Tân Hợi: Xoa xuyên kim (vàng bạc đeo)
 Nhâm Tý, Quý Sửu: Tang đố Mộc (gỗ cây dâu)
 GIÁP THÂN, ẤT DẬU: Tuyền trung Thủy (nước giữa dòng)
 Bính Tuất, Đinh Hợi: Ốc thượng Thổ (đất trên mái nhà)
 Mậu Tý, Kỷ Sửu: Tích lịch Hỏa (lửa sấm sét)
 Canh Dần, Tân Mão: tòng bách Mộc (gỗ cây Tùng, cây Bách)
 Nhâm Thìn, Quý Ty: Trường lưu Thủy (nước sông lớn)
 GIÁP TUẤT, ẤT HỢI: Sơn đầu Hỏa (lửa trên núi)
 Bính Tý, Đinh Sửu: Giản hạ Thủy (nước dưới khe)
 Mậu Dần, Kỷ Mão: Thành đầu Thổ (đất trên đầu thành)
 Canh Thìn, Tân Ty: Bạch lập Kim (kim ở chân nền trắng)
 Nhâm Ngọ, Quý Mùi: Dương liễu Mộc (gỗ cây dương liễu)
 GIÁP NGỌ, ẤT MÙI: Sa trung Kim (vàng ở trong cát)
 Bính Thân, Đinh Dậu: Sơn hạ Hỏa (lửa dưới núi)
 Mậu Tuất, Kỷ Hợi: Bình địa Mộc (cây ở vườn)
 Canh Tý, Tân Sửu: Bích thượng Thổ (đất đầu tường)
 Nhâm Dần, Quý Mão: Kim bạc Kim (vàng bạc để sơn phết)

CÁCH THỰC HÀNH BÓI DỊCH

LẬP QUẺ (cũng như Độn MAI HOA)

Ví dụ: Ta xem QUẺ NGÀY 1 THÁNG 2 ÂM LỊCH năm QUÝ DẬU (1993) giờ MÃO

___ Ngày 1:1

Tháng hai: 2

Năm Dậu: 10

Cộng các số trên: $1+2+10 = 13$

___ Lấy số 8 (có 8 bát quái) trừ 13 còn 5 là quẻ TỐN làm quẻ trên hay Thượng quái.

___ Lấy ngày Tháng năm là 13 cộng với giờ Mão: $4 = 17$ trừ $8 \times 2 = 16$ (phải trừ 2 lần 8 để có sát số phải trừ là 17); còn 1 làm quẻ dưới hay Hạ quái là quẻ CÀNHào độn ___ lấy tổng số Năm Tháng Ngày Giờ là 17 chia cho 6 (có 6 hào) nhân với 2 thành 12 (để có số sát với 17, số phải trừ) $17-15 = 5$ là ĐÔNG HÀO 5 (kể từ dưới lên trên) Hào 5 có nét liền trở thành đứt.

1/ QUẺ CHÍNH

TỐN

(trang)

Hào 6 ___

Hào 5 ___ Động

Hào 4 ___

Hào 3 ___

CÀN

Hào 2 ___

HÀO 1___

2/QUẺ

___ hào 6 BIẾN

___ hào 5 CẤN

___ hào 4

___ hào 3

___ hào 2 CÀN

___ hào 1

Quẻ Chính

TỐN

)

) thành quẻ

CÀN

)

)

PHONG

THIÊN

Tiểu

Súc

Quẻ Biến

CẤN

)

) thành quẻ

CẤN

)

)

SƠN

THIÊN

Đại

Súc

1/QUẺ CHÍNH – THỂ – Giáp Tý – PHỤ MẪU – Thanh long – LỘC

PHONG

Giáp dần – HUYNH ĐỆ – Chân tước

- Hình

THIÊN

Giáp Thìn – THÊ TÀI

Tiểu ỨNG

Tân Mùi – THÊ TÀI – Đằng sà

Súc

Tân Ty – TỬ TÔN – Bạch hổ – Hình

(trang)

Tân Mão – HUYNH ĐỆ – Huyền Võ

Phục Dậu – QUAN QUỶ

TIỂU SÚC: là lớp – Các Hào PHỤ MẪU: thuộc về Cha – Mẹ – HUYNH ĐỆ: anh chị em – THÊ TÀI: vợ chồng, Tài lộc – TỬ TÔN: con cháu – QUAN QUÍ: công danh, việc làm
2/QUẺ BIẾN

THE	Giáp Tý – THÊ TÀI – Thanh long -	LỘC
SƠN	Giáp Dần – QUAN QUÍ – Tràng – Châu tước	
THIÊN	Giáp Thìn - HUYNH ĐỆ – Sinh – Câu trện	
Đại	ỨNG Bính Tuất – HUYNH ĐỆ – Đăng Sà	
Súc	Bính Tý – THÊ TÀI – Bạch hổ – LỘC	
(trang)	Bính Dần – QUAN QUÍ – SINH – Huyền võ	
	Phục Thân – Tử tôn	
	Phục Ngộ – Phụ mẫu	
	- ĐẠI Súc là nhóm – Phục là nắp, ẩn tàng	

ĐOÁN QUẺ

HÀO ĐỘNG: chỉ việc mình xem, tốt hay xấu. Hào 5 ĐỘNG ở QUẺ CHÍNH là HUYNH ĐỆ: có liên quan đến anh, chị, em ở QUẺ BIẾN là QUAN QUÍ: liên quan đến công danh, công việc làm ăn của mình. Ngày ta xem là ngày QUÝ DẬU (quí vị xem ở các lịch Tam Tông Miếu có bán ở tiệm Tàu mỗi cuối năm âm lịch) căn cứ vào đó để xem các sao nhỏ (trang): ngày QUÝ bắt đầu từ sao Huyền võ.

- _ QUẺ này: ngày QUÝ DẬU ghi huyền võ ở hào 2 (xem trang: Lộc Mã Dương nhân ca)
- _ ghi LỘC tại Giáp Tý (hào 6)
- _ Ghi Hình ở Giáp Dần (hào 5 QUẺ CHÍNH H) và Tân Tỵ (hào 2)

_Hình là xung khắc

_Hào 2 ĐỘNG có Châu tước (trang – ĐỘNG) có văn thư hoặc ĐỆ thư từ

_ HUYNH ĐỆ ĐỘNG: có chị hay em gái buồn rầu

_ Hào 2 ĐỘNG có THẾ: nên xuất hành-Câu trện khắc Huyền võ, có THÊ TÀI và TỬ TÔN: vợ hay chồng khắc con cái.

QUẺ CHÍNH – THẾ ở quẻ nào cũng là mình có LỘC: cuộc sống của mình đang phong lưu – QUẺ BIẾN-ỨNG (người hay việc mình xem) có LỘC: mình cầu tài có lợi.

QUẺ CHÍNH – THẾ có Hình: chỉ tai nạn, kém sức khỏe, may có Thanh Long nên mình vượt qua được qua được khó khăn.

QUẺ CHÍNH: HUYNH ĐỆ (trang) (Toái Kim Phú) khắc TÀI: bản thân hào tài.

QUẺ BIẾN – THẾ có QUAN QUÍ ĐỘNG (trang) khắc HUYNH: mình xung khắc với anh em.

QUẺ CHÍNH có THẾ – Giáp tý (hải trung kim) (xem trang cuối cùng); bản thân lúc này có chuyện lo lắng.

QUẺ BIẾN – THẾ – Giáp Dần (Đại Khê Thủy) (xem trang cuối cùng) và QUAN QUÍ: công làm ăn phải chờ mùa thu (tháng 7, 8, 9 âm lịch) mới hưng vượng.

QUẺ CHÍNH có THẾ – PHỤ MẪU (trang): lúc này vất vả.

QUẺ BIẾN có THẾ – giáp Dần (trang) và ỨNG – Tân Mùi (Lộ bàng Thổ) – Thổ sinh kim: công việc cầu gì cũng có lợi.

QUẺ BIẾN – THẾ – Giáp Dần (đại Khê Thủy) và ỨNG – Bính Tý (Giảm hạ Thủy) tỵ hòa vì cùng là Thủy: việc trung bình (trang)

NHẬT THẦN (trang- Nhật Thần quyết) Ngày xem là ngày 1 tháng 2 âm lịch (ngày Quý Dậu) (kiếm phong Kim) – Dụng Hào (việc mình xem) nếu là HUYNH ĐỆ: có Giáp Dần (Đại khê Thủy) – Kim sinh Thủy: anh chị em khá giả.

TUẦN KHÔNG – Ngày xem Quý Dậu (trang) có Tuất – Hợi là TUẦN KHÔNG: phải đợi một Tuần lễ, vào ngày Tuất, Hợi mới có kết quả mong muốn.

HUYNH ĐỆ Hoá QUAN QUỈ (hào 2 ở QUẺ CHÍNH đối với hào 2 ở QUẺ BIẾN) anh chị em có tài lộc (trang – HUYNH ĐỆ Hóa Thoái Thần)

Trên đây là phần Đại cương Lập Quẻ, Giải đoán Quẻ, quý vị nên xem các mục khác để biết thêm về cách đoán quẻ.

QUYỂN THỨ 4

MƯỜI TÁM BÀI LUẬN DỤNG THẦN CHIA LOÀI ĐỊNH (thứ nhất)

Phàm chiêm cho ông bà cha mẹ, sư trưởng, gia chủ, chú bác co dì, với kẻ ngang hàng với cha mẹ, hoặc kẻ bạn thân ngang tuổi với cha mẹ, và trưởng thành, nhà cửa, xe thuyền, y phục, đồ đi mưa, chương tẩn văn chương quán thất đều lấy hào phụ mẫu làm Dụng thần (thi cử).

Phàm chiêm công danh quan phủ sấm chớp qui thần, quan tước, anh em đồng bói với chồng, và bạn hữu của chồng, loạn thần đạo tặc tà xí, ưu nghi, bệnh chứng, thấy chết, gió nghịch, đều lấy hào Quan quỉ làm Dụng thần.

Phàm chiêm anh em hay anh em của chị em, vợ chồng, anh em thân thiết đồng tuổi, bạn hữu quen biết, đều lấy hào huynh đệ làm Dụng thần.

Phàm chiêm chị dâu và em vợ thê thiếp với thê thiếp đầy tớ trai gái của người bạn, vật giá tiền tài châu báu kim ngân thương khố tiền lương, thập vật khí mạnh với hỏi trời trong sáng, đều lấy hào Thê tài làm Dụng thần.

Phàm chiêm con gái cháu nội ngoại, cháu bác chú chàng rể, học trò, trung thần lương tướng, được tài tang đạo, lục súc cầm điểu, thuận phong, giải ưu tị hòa và hỏi thiên thời nhật nguyệt tinh đầu đều lấy hào Tử tôn làm Dụng thần.

THẾ ỨNG LUẬN DỤNG THẦN (thứ hai)

Phàm trong quẻ Thế, Ứng hai hào, Thế là về mình, Ứng về người khác, thế ứng tương sinh tương hiệp, ấy là tân chủ khách thích ưa nhau, thết ứng tương khắc tương sinh, ấy là hai tình không hòa mục.

Phàm chiêm tật bệnh của mình, hoặc hỏi xuất hành tốt xấu, những việc thêm bớt tự mình, lấy hào thế làm Dụng thần vậy.

Phàm chiêm những kẻ xưng hổ không tôn ti, bạn hữu mới quen mặt, cửu lưu thuật sĩ, cửu nhân địch quốc, hoặc chi thiết địa dân nào đó, hoặc chỉ núi ấy nước ấy, chùa ấy tháp ấy, đều lấy hào Ứng làm Dụng thần. Như chiêm tự mình có một chỗ đất làm mộ được không thì hào Thế làm huyết trường, Ứng để đối ám, như mua đất người khác mà muốn làm mồ trong đất ấy, nét táng có ích lợi cho hà ta không, lấy Ứng làm huyết trường, thế là nhà ta vậy.

DỤNG THẦN VẤN ĐÁP (thứ ba)

Hỏi: đây tớ chiếm cho chủ nhà; lấy hào Phụ mẫu làm Dụng thần, chủ nhà chiếm cho đây tớ, chẳng lấy hào tử tôn làm Dụng thần, là làm sao.

Đáp: Nhất thiết những gì giúp đỡ nuôi nấng thân ta, lấy hào Phụ mẫu làm Dụng thần tức như các loại thành viên trạch xá (tỷ hộ) châu xa y phục (phủ dưỡng phải vậy, đến như các loại kim ngân vật kiến, tỷ bộc sai khiến, nhất thiết lấy hào tài làm Dụng thần.

Hỏi: chiếm cho vợ anh em hay chị em, lấy hào tài làm Dụng thần, chiếm cho anh em chồng lấy hào Quan làm Dụng thần là sao?

Đáp: vợ của anh em hay chị em của vợ, cùng với vợ là người đồng bối, đã chồng chiếm cho vợ lấy hào tài làm Dụng, tức đều là hào Tài làm Dụng vậy. Anh em của chồng cùng với chồng là người đồng bối, đã vợ chiếm cho chồng lấy hào Quan làm Dụng, tức đều là hào Quan làm Dụng vậy.

Hỏi: Sách xưa đều chép hào Huynh làm phong vân, nay lấy hào Quan làm nghịch phong, hào Tử làm thuận phong sao vậy.\

Đáp: Quý nhân lấy Quan làm quan tinh, dân lấy quỷ làm họa xí, Quý nhân lấy hào Tử tôn làm ác sát, dân lấy hào Tử tôn làm Phục Thần. Quan là vi tinh (sao) câu thúc, Quỷ là Tử tôn (sao) Ưu nghi trở trệ, như gió mưa liên ngày, hoặc gặp sung sướng được phúc thần hay chế quan quý, khóc giải ưu sầu, cho nên để làm Dụng thần vậy.

NGUYÊN, KỶ, CỬU, THẦN (thứ tư)

Phàm chiếm quẻ nên biết Nguyên thần, trước xem Dụng thần về hào nào, cái nào sinh Dụng tức là Nguyên thần vậy. Như Dụng thần, Tuần không, Nguyệt phá suy yếu, dấu núp, chẳng hiện được, Nguyên thần độc lại sinh ra, hoặc Nhật thần, Nguyệt kiến, làm Nguyên thần sinh ra, phải chờ hào Dụng xuất Tuần xuất phá đặc lịch gặp ngay, thì sử cầu thỏa được.

Như Dụng vượng tướng, Nguyên thần hưu tù, không động, hoặc động và biến mộ, biến tuyệt, biết khắc, biến phá, biến thoái, hoặc bị Nhật thần Nguyệt kiến khắc chế, đều không sinh Dụng thần được, ấy là gốc rễ Dụng thần bị thương rồi, không những vô ích, trở lại có tổn vậy.

Phàm chiếm quẻ nên biết Kỵ thần, cũng nên xem trước Dụng thần, hào nào khắc Dụng, tức là Kỵ thần. Như Kỵ thần động lại khắc Dụng thần, mà hào Dụng xuất hiện chẳng không, thì chịu khắc rồi. Phỏng trong quẻ lại động ra một hào Nguyên thần sinh Dụng thần, thì Kỵ thần trở lại sinh Nguyên thần, ấy là danh “Tham sanh vong khắc” thì gốc rễ Dụng sâu chặt vậy, thì sự tốt xấp bội vậy.

Bằng Kỵ thần độc phát mà Dụng thần. Tuần không gọi là Tỵ không, như dấu núp không hiện gọi là tỵ hung, như Nguyệt kiến Nhật thần sinh dụng gọi là đắc cứu, như thế còn làm triệu tốt, lại có nghi gì? Bằng Kỵ thần biến hồi đầy khắc, hoặc Nhật thần Nguyệt kiến khắc xung, hoặc động hào chế Kỵ, gọi là giặc muốn hại ta, ấy là giặc trước chịu hại, ta lại hại gì. Như Nhật Nguyệt kiến sang phò Kỵ thần, hoặc Kỵ thần khắc Dụng hoài hoài, tức là khiến Dụng thần tỵ không dấu núp, đến buổi không xuất thoái phải chịu cái độc, khó khỏi cái tai vậy.

Phàm chiếm quẻ nên biết Cửu thần, trước xem những gì khắc chế Nguyên thần sinh phò Kỵ thần, tức là cửu thần, như trong quẻ Cửu thần phát động thì Nguyên thần bị thương, Dụng thần vô căn, Kỵ thần bội lực, họa ấy sao xiết nói được.

Chú – Lệ như Kim là Dụng, Thổ hay sinh Kim trong 6 hào, hào nào phối Thổ, tức là Nguyên thần. Khắc Kim là Hoa, hào phối Hỏa là Kỵ thần. Khắc Thổ sinh Hỏa là Mộc, Mộc bào tức là Cửu thần. Dư theo loại ấy suy ra.

PHI THẦN CHÍNH LUẬN (thứ năm)

Phi thần có 6: Phàm quỷ có Phục thần, đã có Phục thần, trên Phục thần Phi thần là một. Sáu thú năm loài, Phi thần là hai. Năm loài cùng khác, thừa vào bản cung lấy hào tài Quan Phu Huỳnh Tử Phi thần là ba. Trong một quỷ trên dưới hai hào một loài, trong lạng ngoài dãy, ngoài phi vào trong là bốn. Ngoài lạng trong dãy trong phi ra ngoài là năm. Trong ngoài đều dãy phi đi là sáu.

PHỤC THẦN CHÍNH TRUYỀN (thứ sáu)

Phục thần gọi là có khuyết Dụng thần, sẽ xem Dụng thần phục ở dưới hào nào, đã có Dụng thần hiện, tức khiến Tuần không, Nguyệt phát động tĩnh. Sinh khắc, Hiệp xung, đều do nơi cơ quan đó phát sinh ra, ấy là chỗ có bệnh nên lấy thuốc trị. Cho nên “không” cốt gặp ngày, Phá cốt điền hiệp, Phục chờ xuất lộ, xung chờ hiệp, hiệp chờ xung, vì là cùng thì biến, đổ đầy thì nghiêng. Nay bày ra cái lý nhất định không đổi để tiện cho kỹ học lên thêm.

Vả xem Càn, Khôn, Cấn Đoài, Khảm, Ly, Chấn, Tốn đều là quỷ đầu trong tám cung, danh là bát thuận, hào nó đủ kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, nhà nó đủ Quan Tài Phụ Huỳnh tử, bảy quỷ dưới bản cung như khuyết một, tức là lấy quỷ đầu làm phục.

Giả như quỷ Cấn quỷ độn không hào Tài, nên tối cung Càn mượn Dần Mộc, quỷ độn quỷ Bí quỷ Tốn, quỷ Quan khuyết Thủy, lấy tý Thủy cung càn phục hào sơ. Quỷ quan quỷ Bát thiếu kim lấy Thân kim quỷ Cấn làm phục. Nay lấy quỷ Càn làm phép, cung khác quỷ khác đều lấy quỷ đầu bản cung làm phục thần bảy quỷ dưới vậy.

LỤC THỦ BÌNH LUẬN (thứ bảy)

Hào Thanh Long vui vẻ nhiều lòng nhân, nhưng phục Kỵ thần thì mưu bất lợi. Hào Bạch hổ hung dũng ham sự giết, nhưng sanh Dụng thần thì việc tất lành. Hào Châu tước khắc thần, khẩu thiệt thì phi thường có, nếu lại sinh Dụng văn như âm tín nên về.

Câu trên thuộc hành Thổ, gặp không thì ruộng vườn mất mùa, cang cường khắc hào thế, công sai bất bố lợi thôi.

Đằng sà quái dị rừng rợn

Huyền võ tư tình trộm giặc

Bạch hổ huyết thần sinh sản, hạp nên phát động ngộ cung

Châu tước hóa Thủy, nào sợ hỏa tai

Đằng sà Mộc quỷ đối mình, e tự ải khó trốn xiềng xích.

Huyền võ quan sinh tính hào Thế, giao tiểu nhân đừng sợ liên can

Thế khắc tính hào Thanh Long bị tuần bắt trên hý trường tửu tử.

Quỷ động hào câu trận, kỳ đảo sớm trả ơn Thái tuế, hỏi bệnh nguyên, bị thủng trướng vàng phù.

Lược cử Lục thần thủ dụng, đừng xem lục thú suy tôn.

Gặp cát thần việc gì cũng tốt, mắc hung tú (sao) việc gì cũng hung.

TRÀNG SINH TỬ SINH TRỰC VI (thứ tám)

Hỏa sinh ở dần, kim sinh ở Ty, Thủy Thổ sinh ở thân. Mộc sinh ở Hợi; Hỏa mộ ở Tuất, tuyệt ở tỵ, Mộc mộ ở mùi, tuyệt ở thân, ấy là định lệ trường, sinh mộ tuyệt, quỷ phai dùng là trường sinh.

Lại nên xét là trường sinh mộ tuyệt, trừ ngoài ba cái ấy, trong quỷ đều không trọng. Giá như Hỏa Mộc dục ở mao làm tương sinh, Hỏa quan đái ở thìn Suy ở mùi, dưỡng ở sửu làm tiết khí.

Ty Hỏa lâm quan ở ty làm phục ngâm, ngộ Hỏa suy ở mùi làm tương hiệp, ngộ hỏa bình ở thân, ty, ngộ Hỏa tử ở dậu làm cừu thần, ty Hỏa bình ở thân làm tương hiệp, tha ở tý làm tương khắc, ngộ Hỏa tha ở ty làm khắc làm xung và phản ngâm, do đó mà xem, dư thần đầu đủ trọng (dư thần hề tức trọng tại)

NGUYỆT PHÁ (thứ chín)

Phàm trong quẻ hào Nguyệt phá, là quan nhân nên xem xét, động cung hay sinh khắc hào khác, biến cung hay sinh khắc bản nào. Dưới Nhật thần tuy phá, ra nguyệt kiến thì không phá, ngày nay tuy phá, gặp nhật thì không phá, nguyệt phá rất ưa gặp chỗ hiệp diện cho thiệt, xa thì ứng năm tháng, gần thì ứng ngày giờ, như phá mà an tịnh, gặp lại tuần không suy nhược, gặp hào động, nguyệt kiến, nhật thần khắc hại, Nguyệt phá như thế, thì thiệt là phá, đáo để phá vậy.

TUẦN KHÔNG (thứ mười)

Phàm trong quẻ hào gặp tuần không, là thân có phát hiện ở đó. Như vượng tướng tuần không, hoặc hưu tù phát động, nhất thần sinh phò, động hào sinh phò, động hào biến không, phục mà vượng tướng, ấy là tuần không đáo để hữu dụng, chẳng qua chờ nó xuất tuần gặp nhật thần có phép hiệp không xung khí xung thiệt điển bộ, sau chú minh trong bài chiêm nghiệm. Bằng hưu tù yên tĩnh, hoặc bằng nhật thần khắc động hào khác, phục mà bị khắc, tĩnh mà gặp nguyệt phá, gặp tuần không như thế gọi là chân không đáo để vậy.

PHẢN NGÂN QUÁI (thứ mười một)

Quẻ phản ngâm có hai: có phản ngâm của quẻ, có phản ngâm của hào, phản ngâm của quẻ là quái biến cùng xung, phản ngâm của hào là hào biến cùng xung (hào biến tương xung, tra trong quẻ chỉ có Khôn biến Tốn, Tốn biến Khôn)

Quẻ Càn tọa ở Tây Bắc, phía hữu Càn có tuất, phía tả Càn có hợp, quẻ Tốn tọa ở Đông nam, phía hữu Tốn có thìn, phía tả Tốn có ty, hai quẻ tương đối, có thìn tuất ty hợp tương xung, cho nên quẻ Càn vi thiên quái biến ra quẻ Tốn vi phong quái, Tốn biến Càn, quẻ thiên phong cấu biến quẻ phong thiên tiểu súc, Tiểu súc là phong quái, ấy là hai quẻ Càn Tốn tương xung, là quẻ Phản ngâm vậy.

Quẻ Khảm tọa ở chính bắc, dưới quẻ Khảm tọa tý; quẻ Ly tọa ở chính Nam, dưới quẻ Ly tọa ngộ, hai quẻ tương xung có tý ngộ. Dưới quẻ Ly tọa Hỏa, dưới quẻ Khảm tọa Thủy, cho nên quẻ Thủy Hỏa ký tế biến quẻ vị tế, quẻ Hỏa Thủy vị tế biến quẻ ký tế, ấy là hai quẻ Khảm Ly tương xung, là quẻ Phản Ngâm vậy.

Quẻ Cấn tọa ở đông bắc, phía hữu Cấn có sửu, phía tả Cấn có dần; quẻ Khôn tọa ở tây nam phía hữu Khôn có mùi, phía tả Khôn có thân, hai quẻ tương đối, có sửu mùi dần thân tương xung, cho nên Cấn làm sơn quái, biến Khôn, Khôn làm địa quái biến Cấn, quẻ sơn địa bát biến khiêm, quẻ địa sơn khiêm biến bát, ấy là hai quẻ Cấn Khôn tương xung, là quẻ phản ngâm vậy.

Quẻ Chấn tọa ở chính đông, dưới quẻ Chấn tọa mao, quẻ Đoài tọa ở chính tây, dưới quẻ Đoài tọa dậu, hai quẻ tương đối, có mao dậu tương xung, cho nên quẻ Chấn biến quẻ Đoài, quẻ Đoài biến quẻ Chấn, quẻ lôi trạch qui muội biến quẻ tùy, quẻ trạch lợi tùy biến quẻ qui muội, ấy là hai quẻ Chấn Đoài tương xung, là quẻ phản ngâm vậy.

Tý biến ngộ, ngộ biến tý, sửu biến mùi, mùi biến sửu, dần biến thân, thân biến dần, thìn biến tuất, tuất biến thìn, ty biến hợp, hợp biến ty, cũng lấy đó biến ra tương xung, là phản ngâm của hào vậy.

PHỤC NGÂM QUÁI ĐỊNH LỆ (thứ mười hai)

Quẻ phục ngâm có ba: quẻ Càn biến Chấn, Chấn biến Cấn, vô vọng biến Đại tráng, Đại tráng biến vô vọng, ấy là tý dần thìn lại hóa tý dần thìn, ngộ thân tuất lại hóa ngộ thân tuất; Phục ngâm nội ngoại quái một vậy.

Quẻ Cấn biến hằng, hằng biến Cấn, độn biến tiểu quá, tiểu quá biến độn, bỉ biến dự, dự biến bỉ, phong biến đồng nhân, đồng nhân biến phong, lý biến qui muội, qui muội biến lý, giải biến tụng, tụng biến giải, ấy là ngộ thân tuất lại hóa ngộ thân tuất, phục ngâm ngoại quái hai vậy.

Quẻ Đại hữu biến phê hạp, phê hạp biến đại hữu, truân biến nhu, nhu biến truân, đại súc biến di, di biến đại súc, tùy biến quyết, quyết biến tùy, tiểu súc biến ích, ích biến tiểu súc, thái biến phục, phục biến thái, ấy là tý dần thìn lại biến tý dần thìn, phục ngâm nội quái ba vậy.

Chú – Phục ngâm chỉ quẻ Càn biến quẻ Chấn, Chấn biến Cấn, tra quẻ khác không phục ngâm.

VƯỢNG TƯỚNG HƯU TÙ (thứ mười ba)

Xuân lịch, Mộc vượng Hỏa tướng, Hạ lệnh, Hỏa vượng Thổ tướng, Thu lịch, kim vượng Thủy tướng. Đông lịch Thủy vượng mộc tướng. Tứ quý chi nguyệt thể vượng kim tướng, tám cái ấy là vượng tướng vậy.

Xuân thổ kim hề, Hạ kim Thủy hề, Thu Mộc Hỏa hề, Đông Hỏa Thổ hề, tám cái ấy là hưu tù vậy.

Phàm trong quẻ những hào Hưu tù, phỏng khiến bị nhật thần và động hào khắc chế, dưới con mắt tuy tham vinh đắc lịch, gặp buổi nhưng chịu cái độc, ấy là vượng tướng ấy là dụng tạm thời mà thôi.

Phàm trong quẻ những hào Hưu tù, như nhật thần và đông đảo sinh phò, dưới con mắt tuy không hay sinh chí, gặp thời nhưng được đắc ý, ấy là hưu tù, ấy là dụng đãi thời vậy.

HIỆP TRUNG ĐÁI KHẮC (thứ mười bốn)

Phàm trong quẻ hào ý biến sửu, hào tuất biến mao, ấy là tý cùng sửu hợp, mao cùng tuất hợp, trong hợp đạo khắc, chia ra hợp 3 khắc 7. như vượng tướng được nhật nguyệt sinh phò giúp đỡ. Hoặc trong hào động sinh, thì lấy hợp luận, như hưu tù thất lịch, bị nhật nguyệt khắc, thì lấy khắc luận. Duy thân kim hóa ty hỏa, mà không có nguyệt nhật cùng đông hào tương sinh, thì không luận khắc là hóa hợp hóa trường sinh, phỏng ngày tháng dần chiếm quẻ, ấy là tam hình hội tụ, thân bị dân xung thì không luận tốt được.

HIỆP XỬ PHÙNG XUNG, XUNG TRUNG PHÙNG HIỆP (thứ mười lăm)

Chỗ hiệp gặp xung có ba: phàm được lục hiệp biến lục xung, một vậy. Ngày tháng hào xung là hai, hào động biến xung là ba.

Trong xung gặp hợp cũng có ba: phàm được lục xung biến lục hiệp một vậy. Ngày tháng hào hiệp là hai, hào động biến hiệp là ba.

Chỗ hiệp gặp xung, mưu tuy thành rồi lại tám. Trong xung gặp hiệp, việc dầu tán mà được nên.

TUYỆT XỬ PHÙNG SINH, KHẮC XỬ PHÙNG SINH (thứ mười sáu)

Kim tuyệt ở dần, Mộc tuyệt ở thân, Thủy Thổ tuyệt ở Ty, Hỏa tuyệt ở Hợi. Tỉ như ngày dần chiếm quẻ, hào kim tuyệt ở dần, như trong quẻ có hào Thổ, động mà sinh nó, ấy là tuyệt xử phùng sinh vậy.

Ngày thân chiếm quẻ, hào Mộc thí tuyệt ở thân, trong quẻ có hào Thủy động mà sinh nó, ấy là tuyệt xứ phù sinh vậy.

Ngày tỵ chiếm quẻ hào Thủy thì tuyệt ở tỵ, trong quẻ có hào kim động mà sinh nó, ấy là tuyệt xứ phù sinh vậy.

Ngày hợi chiếm quẻ hào Hỏa thì tuyệt ở hợi, như trong quẻ có hào Mộc động mà sinh nó, ấy là tuyệt xứ phù sinh vậy.

Duy ngày tỵ chiếm quẻ hào Thổ tuyệt ở tỵ, như nguyệt kiềm sinh ban giúp liền hào Thổ, không gọi là tuyệt, gọi rằng nhật sinh ở Thổ hóa ra tỵ, có nhật nguyệt giúp liền, không rằng hóa tuyệt, mà nói hồi đầu sinh vậy.

Như nguyệt nhật chế Thổ, thì tuyệt Nhật, thì là hóa tuyệt ở hào.

Như ngày dậu chiêm quẻ, hào dần bị khắc, trong quẻ có hào Thủy động mà sinh nó, ấy là khắc xứ phù sinh. Lệ khác cũng như thế. Phàm chỗ tuyệt gặp sinh, Quá (hang) lạnh gặp xuân, chỗ khắc gặp sinh, trước xấu lại thấy sau tốt vậy.

BIẾN XUÂN TIÊN THOÁI THẦN (thứ mười bảy)

Phàm quái trung hợi biến tỵ, sữ biến thìn, dần biến mao, thìn biến mùi, tỵ biến ngọ, mùi biến tuất, thân biến dậu, tuất biến sữ, mĩ tiến thân dã. Tiến thân giả cát hung bội tăng kỳ thế dã (cát hung tăng thế).

Phàm quái trung tỵ biến hợi, tuất biến mùi, dậu biến thân, mùi biến thìn, ngọ biến tỵ, thìn biến sữ, mao biến dần, sữ biến tuất là thoái thần vậy, thoái thần là cát hung tiếm dảm kỳ oai dã (cát hung dảm oai).

QUÁI HỮU NGHIỆM BẤT NGHIỆM (thứ mười tám)

Phàm người vấn quái, duy có lòng thành mới cảm cách thần minh, nên phải trai trang cẩn giới, chiêm một việc gì, trước thần chúc cáo rồi sau mới bói, thì nào Dụng nào Nguyên, nào Ky, nào Cửu, động tĩnh sinh khắc, hiệp xung, biến hóa, tuần không, nguyệt phá, nguyệt kiến, nhật thần, nghiên cứu lẽ nó, không chẳng ứng nghiệm.

Bằng lẽ bói không rõ cái lòng bản lai mà đoán bậy, thì lý có chỗ bất thông, không nghiệm vậy.

Như việc gian đạo tà dâm thời trời có chỗ bất dung không nghiệm vậy.

Hoặc thừa tiền bói chơi, không chút đỉnh gì thành kính, không nghiệm vậy.

Lại như đi bói thế cho người, phải nói rõ danh phận gì, để tới chỗ thân sơ trên dưới phân biệt dụng thần, để làm chiêm nghiệm, mới không sai lầm.

Giả như đầy tớ thay chủ đi xem bói thì lấy hào Phụ mẫu làm Dụng, nay có người ngò thế diện người, không chịu nói thiệt, nói gạt bà con, dĩ trí Dụng thần xem sai, tuy bói vô ích không nghiệm vậy.

Lại hoặc người đi xem bói, lòng vẫn thành kính, hoặc mắc việc khác, khiến người đi xem bói thế, mà kẻ đi thế, lòng nếu không thành, không nghiệm vậy.

Lại hoặc một việc, ngày nay xin bói, ngày mai xin bói hoặc một người thường bói đến bốn năm quẻ, ấy là “tái tam đục, đục tắc bất ...tốc” hai ba lần thì nhàm, nhàm thì thần không bảo, không nghiệm vậy.

TỊCH CÁI LÂM thuyết PHỤC THẦN của

Dịch lâm Bồ đi

Phàm trong quẻ Dụng thần không xuất hiện, tra biết bào bát: tất phục thần, phỏng kiến biến hào lại không, vậy sau tra Dụng thần phục dưới hào nào, xem có đề bạt hay không, để định cát hung, không chẳng ứng nghiệm. Phép nó, ví dụ như cung Khôn-vi- địa – quái. 6 hào 5 loài đều đủ, phỏng kiến hào Dụng thần không nguyệt phá hình xung khắc hại, nên tới bản hào có bình luận cát hung, như Phục, Lâm, Đại tráng, Quyết, Nhu, Tỵ bầy quẻ phỏng cùng biến quá đều không Dụng thần, tức đem dụng thần trong quẻ Khôn vi địa làm phục thần ở dưới bản quái hào ấy, ấy là muôn đời nhất định không đổi.

Không phải như lời tổng đoán của Trương Tinh Nguyên Dịch lâm Bồ đi nói rằng: Phi phục tại hai vãng (nghỉ ngại) giao đổi, dịch là Dương phục Âm, mà Âm phục Dương, cần khôn qua lại đổi, Chấn Tốn hai bên tìm, Cấn Đoài cùng lựa chọn, Ly Khảm đáp đối đưa (Cần Khôn lai vãng hoán, Chấn Tốn lưỡng biên cầu, Cấn Đoài tương trưu thủ, Khảm Ly đệ tống lưu)

Bằng cứ kia đem quẻ thiên phong cần làm phục thần quẻ địa lôi phục, không biết quẻ Địa lôi phục sở quyết là hào văn thơ, nên đem quẻ đầu bản cung làm Phục, lấy văn thơ tỵ Hỏa hào hai quẻ Khôn, phục dưới dần Mộc hào hai quẻ phục, dần Mộc làm phi, tỵ Hỏa làm phục, gọi là Phi lai sinh phục. Như chiếm việc văn thơ trường bối, hằng nghiệm ngày Tỵ (ngày phục)

Bằng cứ Trương tinh Nguyên lấy quẻ Cấn làm phục thần quẻ Phục, lấy ngọ Hỏa hào tư quẻ Cấn phục dưới sừ Thổ hào tư quẻ phục, đem Cấn ngọ Hỏa phục dưới sừ Thổ tiết khí làm hung, bèn không lấy tỵ hỏa phục dưới trường sanh làm cát.

Lại như quẻ Thiên sơn Độn khuyết hào Tử tôn, phải lấy tỵ Thủy tử tôn hào sơ quẻ cần phục dưới thìn Thổ hào sơ quẻ độn, Thủy đóng ở thìn gọi là nhập mộ ở hào Phi, xem có đề bạt thì tốt, không đề bạt thì hung ấy cũng là phép muôn đời không đổi.

Mà Trương tinh Nguyên lấy quý hợp Thủy hào năm quẻ địa trạch lâm phục dưới thiên kim hào năm quẻ độn, thì nói rằng phục phục dưới trường sinh là tốt, ấy là kéo Trương giáp đương Lý ất, vọng bàn cát hung.

Lạn nói Dụng thần thượng quái, như gặp tuần không nguyệt phá hình xung khắc hại, tức nên tìm phục.

Lại nói quẻ Qui hồn đều đem bản cung thứ tư làm phục, ví dụ tỵ Thủy tử tôn hào sơ quẻ Đại hữu gặp Tuần không, đem cả quẻ Thiên địa bỉ làm phục, mà trong 6 hào Bí đều không hào tử tôn, vậy thì lấy xuất hiện Tuần không là hung, hay là lấy trong phục quái chẳng có Dụng thần, không tốt không xấu.

TỊCH CÁI LÂM Dịch lâm bồ đi

THAI DƯỠNG SUY BÌNH

Phàm bói quái hàm gặp Trường sinh, Mộc dục, Quan đới, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bình, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai. Dưỡng trong quẻ sở trọng là Trường sinh mộ tuyệt, còn Mộc dục, quan đới, phàm 7 món ấy đều có hiệp xung sinh khắc biến thoái thần phân biệt.

Giả như Thân đậu kim, Mộc dục ở ngọ, kim hóa ngọ là hồi đầu khắc, hoặc ngày ngọ chiếm là một thần khắc, như thân hóa đậu nói rằng Tiến thần, như đậu hóa thân, nói rằng thoái thần, kim hóa mùi tuất thổ nói rằng hồi đầu sinh, như đậu hóa mao, nói rằng phản ngâm, thân hóa thìn, nói rằng hồi đầu sinh đậu hóa thìn, nói rằng hóa sinh hiệp. Trong sinh khắc chế hóa hiệp xung thần cơ báo sẵn.

Không phải như Trương tinh Nguyên lấy Thai Dưỡng làm điềm nửa tốt lấy suy bệnh là họa nửa xấu, bằng lấy Thai Dưỡng là điềm bán cát, phỏng khiến tỵ ngọ hỏa trước sinh dần, thai ở tỵ, dần mao Mộc thai ở dậu, tỵ hơi, Thủy Dưỡng ở mùi, lại hóa thai dưỡng làm điềm bán cát, lại là hóa hồi đầu hắc, chẳng có bán cát. Như hào kim làm động hóa tuất Thổ, là hồi đầu sinh, phạm chiếm trọn tốt.

Bằng cứ lời nói Trương Tinh Nguyên Suy Bệnh là họa bán hưng, lại như ngọ Hỏa mùi Thổ, ấy là hiệp hóa, các kẻ chiếm muốn hư được nó thấy ngăn muốn nên được nó thấy nên. Cái lầm bán cát bán hưng lầm người không ít, cho nên tịch di.

TỊCH CÁI LÂM THỂ THÂN của toàn thơ Bốc phệ

Bốc phệ toàn thơ: lấy tỵ ngọ trì thể thân ở hào sơ. Sửu mùi trì thể thân ở hào nhị, dần trì thể thân ở hào tam, mao dậu trì thể thân ở hào tứ, thìn tuất trì thể thân ở hào ngũ, tỵ hơi trì thể thân ở hào lục. Phú rằng giờ trì thể là tỵ, tức là lấy sơ hào an thể thân, như thể hào Tuần không nguyệt phá Nhật thần Hình xung khắc hại, bất tất xem hào thể, nên xét hào thân, để thay cái nhục của hào thể. Như hào thân tốt thì nói tốt, hào thân xấu thì nói xấu. Người này tôn lời nói ấy, tất là ngọ sự.

Nhưng không biết trong quả sở trong là sinh khắc chế hóa không phá hình xung động tịnh, như chiếm cát hung cho mình, lý nên quyền thế, lấy hào thể làm ta, để định cát hung, phỏng kiến hào thể gặp hung, hào thân gặp cát, lại là ở hào thể hung, hay là ở hào thân cát. Bởi đó mà xem, tỵ ngọ trì thể thân ở hào sơ, là lầm lắm vậy.

BIỆN CÁI LÂM SAO THIÊN Y

Phạm chiếm mời thầy dùng thuốc, lấy hào ứng làm y sinh, lấy hào tử tôn làm thuốc, ấy là cái muôn đời không đổi. Nay nhà thuật gia không xét hào ứng có Dụng, không Dụng, không xem hào Tử tôn động tĩnh vượng suy, bèn xét sao THIÊN Y có hay không, thì nói rằng “thiên y thượng quá, phục được có hiệu” y sinh nên dùng hoặc tra thiên y không thượng quá, phục được không hiệu, Thiên y không nên dùng. Phỏng kiến thiên y không thượng quá mà ứng lâm hào Tử tôn phát có động có khi khắc sinh hào thân, bèn đoán Thiên y bất thượng quá phục được vô hiệu, có sai có ý nhiệm Tiên thiên, phương chi y sinh nên gởi chết sống, quan hệ mệnh người, cho nên phải hiện.

TỊCH CÁI LÂM VONG LUẬN BẢN MẠNG

Đại phạm chiếm bệnh, nên suy xét Dụng thần, tức như cha chiếm bệnh con cát hung, lấy hào tử tôn làm Dụng thần, phải vậy.

Nay nhà thuật gia trọn không tham cứu cái lý Dụng thần sinh khắc chế hóa, mà lấy bản mạng bệnh nhân, bản cát hung sống chết, thì nói rằng: bản mạng thượng quá đoán là sống, bản mạng không thượng quá đoán là chết. Và như Dụng thần thọ thương vô hiệu, mà bản mạng thọ thương, lại là đoán Dụng thần kia thọ thương vô hiệu, chắc chết sao? Lại là đoán tuyệt bản mạng thượng quá không chết hay sao.

Hậu học không nên lấy bản mạng bệnh nhân vọng đoán cát hung mới được.

BIỆN CÁI LÀM THẦN SÁT

của Bốc phệ toàn thơ

Xưa ông kinh phòng làm sách quỷ, lấy Thần sát đoán quỷ, như xuất hành kỵ vãng vong, tật bệnh kỵ tan xa, mộc dục, khốc thanh các thần sát ấy. Y được xem thiên y, cầu tài kỵ Kiếp sát, tử

tụng xem Quan phù, còn nhiều tinh sát, không thể nói hết được, vì thế hậu học không chấp định ngũ hành sinh khắc chế hóa, nhất vị lấy Thần sát làm bằng.

Đến triều Minh Lưu bá ôn tiên sinh làm phú Thiên kim nói rằng: Từ xưa thần sát nhiều mối, sao bằng cá lý sinh khắc chế hóa, phép đoán Dịch mới được về chính tông vậy.

BIỆN CÁI LÂM QUÍ NHÂN LỘC MÃ

Người nay phần nhiều lấy hào Quý nhân, Quan hoạn lấy hào lộc làm bồng lộc, lấy Dịch mã làm có người tới, nhưng không biết Quý nhân Lộc mã lâm Nguyên thần Dụng thần, nên lấy tốt đoán.

Giả như bói chung thân, Bạch hổ quan hào trì thế, được Quý nhân lâm hào, nên lấy Vô liên công danh đoán, như không Quý nhân lâm quái, nên lấy bệnh hoạn Bằng hào Quý nhân lâm kỳ thần động lại khắc hại, không nên lấy Quý nhân làm tốt. Quý nhân lâm quan quý hào trì thế, không nên lấy quan quỉ làm họa oan nói hung.

Vả như bói người đi, nên xem Dụng thần lâm Dịch mã động, thì kỷ về định được. Bằng Dịch mã động mà dụng hào thọ thương, không nên lấy Dịch mã đoán sẽ tới.

Phàm về bồng lộc nên lấy tài hào làm Dụng thần là phải. Bằng bỏ Tài hào cát hung mà một lấy lộc hào làm bồng lộc, cũng lầm vậy. Vì lộc là thần phong túc (đầy đủ) Mã là hành động Quý nhân chẳng qua phân biệt nhân phẩm thanh cao y tiện mà thôi.

Ấy ba điều ấy lâm cát thần là tốt, lâm hung tú là hung, học giả nên suy kỹ.

BIỆN CÁI LÂM ỨNG làm người khác của Dịch lâm bổ đi

Phàm chiêm cho tường thân quen mặt, nên lấy hào ứng làm người khác, lấy hào ứng làm dụng thần.

Bằng anh em họ khác, hoặc bạn của cha anh, bạn của con cháu, phải phân biệt xưng hô già trẻ, lấy dụng thần là phải. Không nên nói bừa rằng: ta chiêm cho người khác, lấy ứng hào làm dụng thần.

Ta cứ Trương Tinh Nguyên làm chương thê thiếp nô bộc khứ lưu nói rằng: lấy tài làm chủ, ứng tượng làm bằng. Chương tật bệnh nói rằng: thay bói người khác xem ứng hào, bằng lâm nguyệt phá rất khó trốn, gặp xung gặp khắc mình khó cứu, gặp vượng gặp sinh bệnh khó tiêu, sinh ứng nguyên thần nên phát động, khắc kia kỳ tượng sợ trùng giao, Quái thân có kỳ lại nên tốt, ngô ứng gặp Quan họa chắc gặp.

Lại có chương dấu ấu tranh cạnh nói rằng nói thế ứng làm chủ, sinh khắc làm bằng. Giả như cháu con dấu ấu tranh cạnh với người, chỉ e thua họ, cho nên bói không nên không xem hào tử tôn sinh khắc, bèn lấy thế hào làm chủ, phụ mẫu hào làm bằng. Văn từ kiện nhau đến công đình, nên xem Quan và Phụ mẫu hào hưng vượng, phỏng Quan Phụ hai hào động làm khắc ta, lại phải lấy Quan phụ hai hào động, nói có chủ bằng là tốt hay sao? Lại là hại khắc ta là xấu hay sao?

Nhà thuật gia nay, phàm gặp đại chiêm (bói thế)

Thì bất luận tôn ty, khái, lấy ứng hào làm Dụng, phàm về việc tù tụng, chỉ dùng Quan hào, không luận đến dụng thần sinh khắc chế hóa, nên ta không thể không biện cho rõ ràng.

Tịch cái lâm NGUYỆT TUẦN KHÔNG của Dịch bổ lâm đi

Phàm trong quẻ hào Nguyệt phá phát động, vượng tướng hoặc gặp động hào sinh hiệp, nhật thần sinh hiệp, hoặc hóa hồi đầu sinh hiệp, chẳng qua ở trong Nguyệt phá, không hay làm cát hung, ra khỏi Nguyệt phá gặp Nhật thần hiệp bổ, cũng hay làm cát làm hung.

Trương Tinh Nguyên nói Nguyệt phá không thể cứu, phải cho là hung.

Phàm trong quẻ hào Tuần không vượng tướng, hữu tù phát động, nhật thần sinh hiệp xung nó, hay là biến xuất, hoặc phục mà có đề bạt, hằng thứ hằng nghiệm ứng ở ra khỏi Tuần không.

Không ngờ ông Trương Tinh Nguyên nói hào Tuần không, cũng như trong quẻ không một hào ấy. Duy Nguyệt kiến lâm nó, thì nói rằng: Nguyệt kiến không làm Tuần không, chú nói rằng: toàn không bán không. Phàm ngày dương gặp hào dương, ngày âm gặp hào âm, đều làm toàn không, ngày dương gặp hào âm, ngày âm gặp hào dương, đều làm bán không. Thử hỏi như người chiếm dịch hoặc được toàn không vẫn biết chắc chết phỏng khiến được bán không, lại là người bình chết một nửa, sống một nửa hay sao? Thế là lằng lằng, cho nên phải biện.

Biện HỔ QUÁI

Đại thánh xưa lấy cỏ thi diễn thành một quẻ Suy Thể Tượng Dụng Tượng Hổ tượng hào Tử, định việc cát hung. Thể lượng làm ta, dụng lượng làm việc. Quẻ có: trong ba hào, ngoài ba hào, chỗ Thể tọa làm thể, chỗ ứng tọa làm dụng.

Ví như quẻ Thiên địa bi, hào thể ở hào thứ ba nội khôn, hào ứng ở hào thứ 6 ngoại càn, tức lấy nội cung Khôn làm thể tượng, lấy ngoài cung Càn làm Dụng tượng. Nội Khôn thuộc thổ, ngoại Càn thuộc kim, gọi là thể khử sinh dụng, không tốt. Hai lần xem phép Hổ quái, cũng lấy quẻ Bĩ làm lệ. Trừ trên hào lục đơn, trừ dưới hào sơ sách, theo hào hai dãy đến hào tư thấy sách sách đơn, tức nội cung hổ thành quẻ Cấn, theo hào ba đến hào năm thấy sách đơn đơn, tức ngoại cung hổ thành quẻ Tốn, quẻ Cấn thuộc Thổ, quẻ Tốn thuộc Mộc, Mộc làm hào tài cung Càn quẻ bí như cầu thể tài mà được gọi là dụng lai khắc thể, là tốt.

Hào từ là hào thấy đơn thuộc dương, nói rằng cửu, hào thấy sách thuộc âm, nói rằng lục; tức hào sơ quẻ Càn, Dịch nói: sơ cửu, tiền long vật dụng (hào sơ cửu, rồng đang chiếm, không nên dùng).

Lại như hào sơ quẻ Bĩ, Dịch nói: sơ lục, bạt mao như, dễ kỳ vưng, trình cát hạnh (hào sơ lục, nhỏ tranh lấy cả vùng được trình, cát, hạnh). Hào thứ tư quẻ Bĩ nói rằng: Cửu tử hữu mạng vô cửu, trừ ly chỉ (hào cửu tử, có mệnh không lỗi, được nhiều phước).

Quỷ cốc tử tiên sư, nhân Dịch lý rộng lớn sâu xa, sợ kẻ ngu không tham thấu được, lấy tiền thay cỏ thi để bói, định Tài Quan Phụ Huynh Tử chế hóa sinh khắc, phân biệt phép Nguyên, Dụng, Cửu, Ky, bốn thần, Hình xung khắc hại sinh phò cũng hiệp động tĩnh không phá, khiến hậu học dễ biết, cát hung dễ chia.

Từ sau lấy cỏ thi diễn hào Dịch mà không xét đến hổ thể tượng dụng hào từ không linh, lấy tiền bói quẻ dùng nó thì không nghiệm, học giả nên biết thì diễn, tiền bốc, phép đoán không đồng.

Tình cái lằm CHUNG THÂN ĐẠI TIỂU HẠN của Dịch lâm bổ đi

Hoặc vì công danh mà bói chung thân có không? Hoặc nhân bản tiện mà bói chung thân có không, hoặc vì không con mà bói chung thân, hoặc bói thọ yếu, hoặc tập nghề nghiệp mà bói cung thân, hoặc vì đi xa mà bói chung thân đi được không? Hoặc vì chung thân của anh em con cháu mà bói chung thân, các thứ bói ấy đều có DỤNG THÂN.

Các sách duy có Tăng sang bốc lịch, ông Giả hạc luân phân phép chiếm chung thân cát hung nên ở trong lục thân sinh khắc chế hóa hình xung khắc hiệp động tĩnh không phá mà hỏi, Thần chắc lấy cơ cát hung hiện ở hào, lấy cơ thành bại hiện ở quẻ.

Nhớ ta về năm Mậu thìn tháng Bính Thìn, ngày Bính thìn, bói chung thân của mình về việc thành bại đắc nhất. Đắc lẽ chi cổ quái.

Buổi ấy tổ nghiệp giàu có, vọng tưởng đến sự giàu sang. Quả ấy Tử tôn Châu tước trì thế, quan hào nhập mộ, rõ ràng công danh không nên hỏi rồi. Hào văn thơ phục dưới âm tượng, rõ ràng tuổi trẻ mất mẹ. Quả được lục hiệp, tài phước được hiệp rõ ràng tổ nghiệp phong hậu, ấy là quả bói về việc trước. Đương lúc ấy, trên bàn còn cha. Và mới cưới vợ chưa bao lâu, sau lại hưng thế hình thương, tự nhiên có nghiệm. Ai biết năm Tân mùi mất cha, được con, năm ấy là năm phụ hào nhập mộ, Hào năm làm trưởng phong trì mùi thổ tử tôn, quả được trưởng tử.

Năm Giáp Tuất sinh thứ tử, ta nói chuyện với bạn rằng: lạ quá, quả này hào ngũ trì mùi, con đầu thuộc dương, hào tứ hóa Tuất, con thứ thuộc khuyển, hào sơ trì thìn, tất nhiên con rốt thuộc long vậy.

Bạn nói rằng : chủ năm số gồm có năm con.

Ta nói rằng: không phải, thật hào trùng, thổ số chủ hào ngũ, lấy suy vượng làm tăng giảm, nay hào tử tôn nhiều hiện, lý nên thấy một có một.

Sau đến mần Đinh Sửu sanh một con, bạn rằng: anh nói con sau thuộc long, nay thuộc ngư là sao? Ta nói: tuy được đưa con ấy, không có trong số, e khó nuôi vậy. Quả năm sau chết yếu.

Đến năm Canh thìn quả sinh được một con.

Đến năm Giáp Tuất, ta được 26 tuổi, gia nghiệp dần suy, đã định đi xa, tháng hai năm Nhâm Ngọ về, vợ đã mất, dần dần sụp đổ, chọn lấy nghề bói làm sinh nhai.

Hoặc hỏi: nhân sao 26 tuổi bị sụp đổ như thế. Ta nói: giao năm Giáp Tuất hào tài, gặp năm ấy Tuần không, tài lâm Bạch hổ, hóa Nguyệt phá, là năm Thế bị phùng xung, gọi là Hiệp sứ phùng xung. Mão niên xung ứng lên hào tài, dĩ trí vợ chồng viễn biệt. Vợ chết không thấy mặt, vì hào thê tài chịu khắc năm ngọ vậy. Tháng mẹo hào thê tài lại gặp Nguyệt kiến xung nó, đến phải mai quái (bán bói) làm nghiệp. Châu tước trì thế, quả thuộc cung Ly, tượng ấy con thứ không nên. Bạch hổ Tuất thổ tử tôn, gặp năm tháng tam phá, năm giáp thân mới được yên ổn.

Bởi quả ấy mà xem, Huỳnh kim sách nói rằng: bằng hỏi thành gia, nhiều lục xung làm quả, nên biết sáng nghiệp, mừng lục hợp thành hào. Ta sở dĩ nên trước hư sau là như thế.

Bằng lấy Dịch lâm bổ di, hào sơ lấy dấy, mỗi hào đều quản 5 năm là đại hạn, hào sơ dấy, mỗi hào đều gặp một năm là tiểu hạn.

Ta 21 tuổi đến 25 tuổi, đại hạn ở hào 5 lâm mùi thổ tử tôn, 23 tuổi sao đến cha mất, 31 đến 35 tuổi, đại hạn ở hào sơ lâm thìn thổ tử tôn, 34 tuổi sao đến khắc vợ, đại hạn như thế, tiểu hạn khá biết được.

Lại rằng: Biến quái quản sau 30 tuổi, vì sao 26 tuổi đã trước phá gia (tan nhà) 35 tuổi đến 45 tuổi, đại hạn ở chỗ huynh đệ Câu trệ hào nhị làm sao trở lại được yên ổn.

Bằng lấy hồ quái trong thấy tổn làm văn thơ, ngoài thấy Đoài kim làm thê tài, mà trong quả đã đắp đổi có văn thơ, thê tài, sao đến song thân mất sớm, trung niên mất đôi. Bằng y phép Trương Tinh Nguyên chẳng qua lâm, người nói rằng quả chung thân nên như thế suy tính đại hạn tiểu hạn không vị như tiểu quái tâm thường, thù ta đã nhiều, họa phúc cát chung, đều không có mấy may ứng nghiệm.

Người sau muốn bói chung thân, nên biết hưng phế đại cuộc báo ở quả, hình thương khắc hại, tế ngộ cơ duyên báo ở hào, bằng 5 năm như thế, ngày tháng chiếu thường mà trong hào không kịp báo ứng, đoán cần thì vô chuẩn.

Chẳng bằng danh lợi họa phúc yếu trực từng việc chia bồi, như thế rõ ràng mà dễ thấy.

Tịnh cái lầm GIA TRẠCH của Dịch lâm bổ di.

Cái lầm đoán Gia trạch, duy có lời nói Dịch lâm bổ di. Như các thuyết lấy quẻ chia vượng tướng tử một. Sáu lập xuân: Cấn vượng, Chấn tướng, Tốn thai, ly một, Khôn tử, Đoài tù, càn hưu, Khảm phế. Sáu Xuân phân: Chấn vượng, Tốn tướng. Lại nói rằng: phạm xem hướng nhà hay việc nhà, lục sự trong ngoài, hai quẻ đều lâm vượng tướng, trong hào không có hào Tài Quan chủ hưng long, bằng lâm tử hưu tù phế, không có Tài quan Thanh long thiên hỷ, cũng không triệu tốt.

Thử hỏi phỏng sau lập xuân bói được quẻ: Di, Tiểu quá, Cốc, Tiêm, Hằng, Ích các quẻ đều rất vượng tướng bào thai, đoán chắc là tốt giàu sang vô cùng, cũng như bói được quẻ Tấn, Minh di, Lâm, Tụy... Sự các quẻ, đoán chắc là cái hung bại hoại không thôi.

Bởi đó mà bàn, cái lý sinh khắc chế hóa, đâu có trọn làm cái phép cát hung, họa phúc đường tắt ấy. Lầm đó còn vừa. Cái lầm lớn là lấy quan hào làm hào gia chủ, lại lấy hào ngũ làm hào gia chủ, phỏng gặp quan hào hư, hào ngũ tốt thì cát hung gia chủ nào phân. Cứ rằng: Tử tôn động thì tiến phát của nhà, một câu ấy là phép xưa, tuy thế không lầm. Nhưng lấy Quan quĩ làm gia chủ thì tử tôn không nên động, động thì khắc thương Quan hào vậy. Bằng cứ lời luận của Trương Tinh Nguyên, muốn cầu tiến gia nghiệp, trở lại muốn khắc thương hào phụ hay sao?

Lại nói: hào sơ nhị nữ với gà, ngỗng, giếng, nền đều hung hết sao? Há nhà chết gà ngỗng, con gái cũng chết theo sao? Giếng cũng lấp sao, nền cũng vỡ sao?

Lại nói hào nhì làm thê thiếp và mèo chó bếp và nhà đẹp. Thử hỏi hào nhì gặp hung, thì tất cả thê thiếp mèo chó bếp và nhà tốt cũng hung hết sao? Há nhà chết mèo chó, thê thiếp cũng phải chết sao? nhà chết thê thiếp bàn nhân đó làm ngại cho bếp và hoa dương (nhà tốt) sao?

Phạm bói gia trạch nên lấy dụng thần, phân biệt minh bạch, quyển sau có bài đoán gia trạch sáu hào, kẻ biết nên rõ, mới không lầm.

Tịnh cái lầm hôn nhân giá thú của Dịch lâm bổ di

Một là hôn nhân giá thú duy thuyết Dịch lâm rất lầm? Lấy thể ứng quẻ nội ngoại làm chủ, lấy hào âm dương tài quĩ làm bằng. Phạm trai bói nhà gái, nội quái làm chồng, ngoại quái làm vợ. Lại lấy thể làm chồng, ứng làm vợ. Phạm gái bói nhà trai, lấy ngoại quái làm chồng, nội quái làm vợ, thể làm chồng, ứng làm vợ. Giả như nhà trai bói hôn nhân, hoặc gặp ngoại quái hung mà nội quái tốt, thì hôn nhân có không tốt, cứu cảnh có phối được hay là phối không được? Người nay bắt trước, không hỏi phụ mẫu bá thúc vì bói cho tử diệc nữ tể, không hỏi huynh đệ mẫu cựu vì bói cho sinh đệ nữ tể thế nào, nhất khải lấy thể ứng luận vợ chồng, quan quĩ thê tài làm phu phụ, không lấy dụng thần sinh khắc chế hóa, định cát hung cho phu phụ, cả sai ý nhiệm của Tiên nhiên.

Ai biết Thế ứng quan tài đều có phân biệt. Thế hào làm nhà ta, ứng hào làm nhà họ, con gái tự chiếm gái cho chàng ấy làm chồng, nên lấy quan hào làm chồng thế hào làm mình quan thế tương sinh hiệp, quan dương thế âm gọi là đắc địa.

Trai tự hỏi cưới gái ấy làm vợ, nên lấy tài làm vợ, thể làm mình, tài thế tương sinh hiệp, tài âm thế dương gọi là đắc địa.

Hoặc cha mẹ tôn trưởng vì con cháu làm xuôi, muốn thế trên tử tôn hoặc dương hưởng tử tôn, đều chỉ nói trai nhà ta vậy. Ứng trên tử tôn hoặc âm tượng tử tôn, đều chỉ nói gái nhà kia vậy. Không xung phá có sinh nạp tự nhiên phối được, vợ chồng hài hòa. Không sinh nạp có xung phá, tự nhiên vợ chồng bất mục. Hoặc hưu tù hoặc chịu hình khắc tự nhiên không thọ. Như cha vì con

chiếm hôn, thế vị thụ thượng, tự nhiên bội nghịch mà hình cha chồng, hào tài thu sinh (được sinh phò) tự nhiên hiếu thuận với mẹ chồng. Hoặc vì em trai em gái gả hay cưới, đều lấy hào huynh đệ làm Dụng thần.

Từng ở ngày Ất mao tháng Ngọ, cha vì con gái chọn rể, được quẻ Bĩ an tịnh, một người cầm quẻ ấy hỏi ta rằng: thế âm ứng dương, quan tinh vượng, nay quẻ được lục hap, nhật thần trì thìn, tài quan tương sinh, lục hào an tịnh, chắc phải giai ngẫu không? Ta rằng: bằng y theo luận Trương Tinh Nguyên là giai ngẫu vậy. Duy hào tử tôn phục mà tuần không, chắc là không con cái. Cứ theo ta đoán về tử tức, hào tử tôn phục dưới mùi thổ hào âm, sợ e ái lang không thọ (thương chàng không lâu) người ấy không cho là phải. Sau thành hôn không lâu, gái ấy bệnh chết.

Lại một người tháng thân ngày giáp ngọ, cha vì con chọn dâu, được quẻ phục chi phệ hap. Ta nói rằng: hào ứng hiệp thành cuộc tử tôn sinh thế, không những của gởi phong hậu, bèn tướng được cái phước hiếu thuận của nàng dâu. Sau đến năm Tỵ hoàn hôn, quả nàng dâu hiếu thuận hiền thực, tặng của hồi môn rất hậu.

Bằng cứ thuyết Trương Tinh Nguyên, Quan làm chồng, quẻ này dần mộc thu tinh nguyệt, lại bị kim cuộc khắc phu. Sau hoàn hôn đã 20 năm, ông cố tại đương, vợ chồng hòa thuận, chẳng những con nhiều, gần lại được cháu nữa.

Biện cái lầm SÁU HÀO CHÚ CHIẾM

Phú Thiên huyền lấy sáu hào định lệ các quẻ chiếm. Duy chiếm việc nước lấy hào ngũ làm vị Thiên tử, Gia trạch lấy hào nhì làm trạch, hào ngũ làm phần mộ người lấy hào ngũ lục làm ngôi khí tuyệt, ba cái ấy còn làm cận lý, nhưng cũng nên lấy dụng thần sinh khắc chế hóa mà đoán, như thiên thời, sản dục, hành nhân, điền hòa, cầu mưu, tật bệnh, mải mại, từ tụng, đạo tặc, dẫu ẩu, tầm tang, lục súc xuất hành, quỷ thần các định vị, cả thấy không lấy cai lý dụng thần sinh khắc chế hóa suy đoán, suy lấy định lệ mà quyết việc cát hung, là cả sai huyền diệu của Tiên thiên, tức tới thiên thời mà nói, lấy hào lục làm nhật, lấy hào ngũ làm mưa, thử hỏi tạnh hay mưa không lấy hào tử tôn phụ mẫu mà suy, chỉ lấy hào ngũ hào lục làm quyết được sao?

Lại như hào sơ làm sản mẫu, hào nhì làm thai, thử hỏi sản mẫu không xem Dụng thần, thai dụng không xét tử tôn, bèn lấy hào sơ, hào nhì làm quyết được việc cát hung sao? Thừa cái lầm, khó biện hết được, xin hậu học lấy rõ.

Hết quyển ba

QUYỂN THỨ 4

(bổ sung)



HUYỀN KIM SÁCH TỔNG ĐOÁN

THIÊN KIM PHÚ TRỰC GIẢI

— Động tịnh âm dương, phản phúc thiên biến.

Đông là hào giao trùng, tĩnh là hào đơn sách

Hào dao trùng thuộc dương, hào đơn sách thuộc âm. Bằng hào là đơn sách gọi là an tĩnh. Những hào an tĩnh, không có ly biến hóa, bằng hào là giao trùng, gọi là phát động, phát động mới có biến, cho nên hào này là giao, giao nguyên là quẻ Khôn thuộc âm, nhưn vì động, biến làm đơn đơn đơn, là quẻ Càn thuộc dương.

Xưa rằng: vật cùng thì biến, hơi đầy thì nghiêng, giả như khí trời nóng lắm, thì có gió mưa, gió mưa tạnh, thì trời lại trong. Lại ví như quay lúa, giã gạo mới nấu ra cơm, nếu như không quay không giã, thì không cơm. Vậy là không động thì không biến, nhưng trong cái phát động, có cái biến tốt, cũng có cái biến xấu, âm cực thì biến dương, dương cực thì biến âm, cái ý tứ ấy là động tịnh âm dương phản phúc thiên biến vậy.

—Tuy muôn tượng có bởi rồi, nên một lẽ là dung thông (Tuy vạn tượng chỉ phân vân, tu nhất lý chi dạng quán)

Lý tức là lý trung dung, trong quẻ những cái hình xung phục hạp động tịnh sinh khắc chế hóa, có một cái lý nhất định không đổi, cái lý trong quẻ bàn đến chỗ chí xứ trung dung, tuy muôn tượng phân vân, tóm lại nhất lý dung quán mà thôi.

— Người có hiền thì bất tiểu, quẻ có Quá và Bất cập. Thái quá bớt đi thì nên, bất cập, ích thêm thì lợi (Phù nhân hữu hiền, bất tiểu chi thù. Quái hữu quá bất cập chi dị. Thái quá giả tổn chi tư thành, bất cập giả chi tắc lợi)

Người có hiền bất tiểu, là nhân sinh bất tề, quẻ có quá bất cập, là quái hào bất tề. Người lấy đũa trung dung làm mức, quẻ duy trượng trung hòa làm tốt đức trung dung, không qua đâu mà không phải, tựu trung hòa không cầu gì mà không nên, cho nên trong quẻ các chỗ động tĩnh sinh khắc hạp xung không phá vỡ suy mộ tuyệt hiện phục, có cái đạo lý quá bất cập ở trong. Đại phạm quái lý, trí luận đạo trung hòa, giả như loạn động, nên tìm hào động tịnh, nên tịnh, an tịnh nên xem cái phù xung, nhật nguyệt phá, nên xuất phá điền hạp, tuần không nên xuất tuần trị nhật, động chờ hạp, tĩnh chờ xung, chỗ khắc chờ Phù sinh, chỗ tuyệt chờ Phù sinh, xung trung chờ phù hạp, hạp xứ phù xung, phép tắc ấy là bớt thái quá thì thành ích, bất cập thì lợi.

— Sinh, phò, củng, hiệp, cũng như mưa đúng lúc thì tốt lúa (sinh phù củng hiệp, thời vô tương miêu)

Ta sinh dụng hào gọi là sinh, phò ta dụng hào gọi là phò, củng ta dụng hào gọi củng, hạp ta dụng hào gọi là hạp.

Sinh là kim sinh thủy, loại ngũ hành tương sinh.

Phò tức là hơi phò tý, sủu phò thìn, dần phò mao, thìn phò mùi, tỵ phò ngọ, mùi phò tuất, thân phò dậu.

Củng tức tý củng lợi, mao củng dần, thìn củng sủu, ngọ củng tỵ, mùi củng thìn, dậu củng thân, tuất củng mùi.

Hạp có nhị hạp, tam hạp, lục hạp: nhị hạp là: loại tý dũ sủu hạp

Tam hạp là loại hơi mao, mùi hạp thành một cuộc.

Lục hạp là quẻ được quẻ lục hạp

phỏng như hào suy nhược xung phá, được sinh phò củng hiệp, củng như lúa bị nắng gặp mưa, thì nổi dậy liền.

—Khắc hại hình xung, củng như sương mùa thu làm cỏ (Khắc hại hình xung, thu sương sát thảo)

Khắc là tương khắc, tức là loại kim khắc mộc, hại là lục hại, tức là tý hại mùi, sủu hại ngọ, dần hại tuất.

Hình: các loại dần tỵ thân

Xung: các loại tý ngọ tương xung

Phỏng như dụng thần: bại nhược, đều không sinh phò củng hiệp, trở lại thấy khắc hạ hình xung, cho nên ví như sương mùa thu giết cỏ. Đại phạm hàm xung khắc ba cái ấy trong quả thương nghiệm, lục hại đều không ứng nghiệm, càng nên biện kỹ.

— Trường sinh đế vượng hết như vườn có lúa vàng (Trường sinh Đế vượng tranh như kim cốc chi viên)

Trường sinh tức là hỏa sinh ư dần các loại ấy.

Đế vượng tức là loại đế vượng ư ngo

Dụng thần gặp nó tuy suy nhược cũng cho là hữu khí, cho nên lấy kim cốc (lúa vàng) ví.

Tiết này luân trường sinh đế vượng của Dụng thần ở trên đầu nhật thần; không nói trường sinh đế vượng ở biển hào bên trong. Bằng lấy biển hào gặp đế vượng mà nói thì lầm.

Giả như ngộ hỏa lại hóa ngộ hỏa ấy là quả phản ngâm rồi, có tốt chỗ nào đâu được lấy kim cốc mà ví.

Đại phạm Dụng đế vượng ở Nhật thần chủ mau, còn Trường sinh ở nhật thần chủ chậm trễ, vì trường sinh cũng như người mới sinh, nuôi lớn dần dần, đế vượng cũng người lớn mạnh, sức đang lạnh bén. Sở dĩ Trường sinh chậm mà đế vượng mau.

— Tử mộ tuyệt không, chẳng khác đất cày bùn lấm (Tử mộ Tuyệt không, nãi thị nên lê chi địa)

Tử mộ tuyệt đều theo số Trường sinh mà kể. Không là tuần không, tử là mất, cũng như người bệnh mà chết. Mộ là che lấp, cũng như chết chôn ở mộ. Tuyệt là yếm tuyệt, cũng như người chết thì cội rễ đứt mất. Không là trống lỗng, cũng như cái chỗ vực sâu giá mỏng, người ta không dám dầy đạp lên. Nê lê nghĩa là đất cày, thành bùn lại ngục nê lê, nói về sự hung.

Bốn cái này cũng khắc hại hình xung, ý nghĩa như nhau. Phỏng Dụng không được sinh phò củng hiệp lạ gặp Tử mộ tuyệt không, cho nên lấy nê lê mà ví.

Đại phạm trong quả hào tượng chỉ giảng ba cái trường sinh mộ tuyệt vu nhật thần, còn như vu biển hào thì mộc dục, quan đới, lâm quan, đế vượng, suy bình tử thai dưỡng không nên tới hào biến xuất mà hỏi, mà chỉ lấy sinh khắc xung hợp thoái thần tiến thần phản ngâm phục ngâm mà luận.

— Nhật thần là chủ tể 6 hào, mừng được diệt Hạng (Võ) để an Lưu (Bang) – (Nhật thần vi lục hào chi chủ tể, thử kỳ diệt Hạng dĩ an Lưu)

Nhật thần là chủ bốc phê, không xem Nhật thần thì không biết cát hung, khinh trọng trong quả, vì nhật thần hay khởi xung thiệt xung, tan được hào tượng động không tịnh vượng, hay hiệp điều hòa nguyệt phá, cái suy nhược hay giúp đỡ, cái cường trang hay chế phục, cái phát động hay chế được, cái phục tàng đề bạt được, khả dĩ nên việc, khả dĩ hư việc, cho nên chủ tể 6 hào.

Như kỵ thần vọng động, Dụng thần thu tù, phỏng được nhật thần đi khắc chế, kỵ thần kia sinh phò dụng thần lại, việc gì cũng chuyển hung vi cát được, cho nên nói rằng: dứt họ Hạng, an họ Lưu.

— Nguyệt kiến là đề cương muôn quả, há nên giúp Kiệt để làm ác.

Nguyệt kiên là giếng bầu của bốc phê, Nguyệt kiến cũng hay cứu được việc, hư được việc, cho nên nói đề cương vạn quái, nhược bằng trong quả có kỵ thần phát động, khắc thương Dụng, nếu gặp Nguyệt kiến Sinh phò, kỵ thần kia, ấy là trợ Kiệt vi ngược. Phỏng Kỵ thần khắc Dụng, mà gặp Nguyệt kiến khắc chế, Kỵ thần sinh phò Dụng kia, ấy là cứu được việc.

Phạm xem Nguyệt kiến, chỉ luận sinh khắc cùng nhật thần đồng nhau. Đại phạm Nguyệt kiến, họa phúc chẳng qua giữ quyền ở trong tháng, không hay thủy chung với việc được, chớ nhật thần bất luận lâu xa, đáo để có quyền vậy, nên chi Trường sinh Mộc dục quan đới, 12 thần ấy cùng nhật thần vẫn có can hệ. Với Nguyệt kiến chẳng qua chỉ luận được Nguyệt phá hươu tù, vượng tướng sinh khắc mà thôi.

Nay có người nói suy binh tử mộ ở trên Nguyệt kiến không tốt, trường sinh đế vượng ở trên Nguyệt kiến tốt, ngộ truyền như thế không nên tin.

— Rất ác là Tuế quan nên lặng mà không động (Tồi ác giả, Tuế quan nghi tịnh nhi bất nghi động)

Hào bản niên Thái tuế nói rằng, Tuế quan là tượng thiên tử, bằng hào thái tuế lâm kỵ thần phát động lại khắc xung hào thế thần dụng, chủ tai ắt bất lợi, trong một năm nhiều điều sao trộn, nên nói rằng tồi ác, cho nên an tĩnh, ấy nói tuế quan bằng lâm kỵ thần thì nên tĩnh không nên động.

Nhược bằng hào thái tuế động lại sinh hạp chủ tượng thuế thân, chủ tượng tuế ngộ càng thêm, trong một năm liền thêm hỷ khánh, nếu dụng thần lâm nó, việc can đến triều đình, bằng nhật thần động hào xung nó, gọi là phạm thượng, không bàn công tư, phải nem cẩn thận.

— Rất yếu là Thân vị ưa phò không ưa thương (Tồi yếu giả Thân vị hỷ phò bất hỷ thương)

Thân là thân của Nguyệt quái. Dương thế lại theo tháng tý khởi; âm thế lại theo tháng ngọ sinh, phép ấy thấy trong thiên Khảm mông tiết yếu, đại để sau khi thành quả, xem quái thân hiện nay không hiện, cùng Nguyệt kiến nhật thần động, hào có không can thiệp, thì tốt xấu bèn biết việc chiếm thì lấy Quái thân làm sự thế, người chiếm thì lấy Quái thân làm nhân thân, duy ưa sinh phò củng hiệp, không nên khắc hại hình xung, phạm chiếm quả lấy Quái thân làm chủ việc hiểm, cho nên nói rằng tồi yếu.

— Thế là mình, ứng người làm, cả nên khế hiệp, Động làm đầu, biến làm sau, rất sợ giao tranh (Thế vi kỷ, ứng vi nhâm, đại nghi khế hiệp. Động vi thủy, biến vi chung, tồi phạ giao tranh)

Giao trùng làm động, động thì dương biến làm âm, âm biến làm dương, trong quả gặp nó nên lấy hào động làm đầu của việc, hào biến làm sau của việc, hào khắc động biến khắc biến xung, gọi là giao tranh. Phạm việc thế ứng nên sinh hiệp, dụng sợ biến khắc, biến thì không tốt.

— Vị ứng gặp thương, bất lợi việc của người khác. Hào thế thu chế, há hạp cái mưu tự mình (ứng vị tào thương, bất lợi tha nhân chi sự. Thế nào thọ chế, khởi nghi tự kỷ chi vị mưu)

Ứng vị là gồm dương một cái dụng thần giải thuyết. Như chiếm người khác nên đều co Dụng thần phân biệt. Hoặc chiến những người quen mặt và người không tôn ti, ấy là ứng vị tha nhân, phỏng chiếm bạn của cha, chủ nhà hay bạn sư trưởng, lấy hào phụ mẫu làm Dụng, bạn của con cháu, lấy hào tử tôn làm dụng, thế thiệp, nô tỳ lấy hào thế tài làm Dụng thần, đến như bạn cha, bạn mình và bạn con cháu, tuy là người khác nên phân biệt danh phận già trẻ xưng hô; để thủ dụng, không nên nhất khái lấy vị ứng lầm đoán. Bằng bói việc tổn ích tự mình, lấy bào thế làm mình bằng thọ chế.

— Thế ứng đều không, người không cho thiệt (Thế ứng câu không, nhân vô chuẩn thiệt)

Tiết này nhân bài trên mà nói Thế ứng vậy. Phạm mưu việc gì, thế phải cậy người. Thế không thì tự mình không thiệt; ứng không thì người khác không thiệt, thế ứng đều không, đó đây đều không thiệt cả, thì mưu việc không nên. Thế ứng không hiệp gọi là hư ước mà thành thiệt. Bằng mượn bọn tôn trưởng chiếm việc mà được hào phục mẫu sinh hiệp, thế hào gửi vào, tự

nhiên có ích. Hoặc (thế) ứng không chỉ được sức Tôn trưởng mà một bên không thiệt cũng khó thành việc.

— Trong ngoài đưa phát, việc chắc nổi sôi (Nội ngoại cạnh phát, tự tất phiên đằng)

Cạnh là xung khắc, phát là phát động. Phàm bồi nội ngoại quá lằng xằng loạn động, loạn xung loạn kiến, ấy là nhân tình bất thường, chủ sự thể phản phúc lộn xộn vậy.

— Hao thế hoặc giao trùng, hai mắt ngó xem đầu ngựa. Hào ứng như phát động, một lòng lóc chóc vượn leo (Thế hoặc giao trùng, lưỡng mục cố chiêm ư mã thủ. Ứng như phát động, nhất tâm tự thác ư viên phan)

Đầu ngựa: đi đông đi tây. Vượn leo: trong lòng không định.

Thế lấy mình nói, ứng lấy người nói. Sách nói rằng: ứng động sợ người khác có biến. Thế động thì tự mình trì nghi, đều nói biến thiên canh cải, không hay nhất được lòng lo.

— Dụng thần có sinh khí không cố khác, làm việc đều nên. Chủ tượng nếu xuất hiện mà bị thương, phàm mưu không toại (Dụng thần hữu khí vô tha cố, sở tác giai thành. Chủ tượng đồ tổn cánh bị thương, phàm mưu bất toại)

Dụng thần như loài chiếm văn thơ tướng bối, lấy hào phụ mẫu làm Dụng. Chủ tượng cũng tức là Dụng thần, chữ cố cũng như chữ bệnh, phàm dụng thần gặp hình xung khắc hại, tức là bệnh rồi, như trong que Dụng thần vượng tướng gặp bệnh, nên chờ khử bệnh (nhật kỳ) cũng hay thành sự, bằng vượng tướng mà lạo không hình xung khắc hại, thì mưu chắc thành.

Phỏng Dụng thần suy nhược vô khí, mà lại gặp Nguyệt kiến nhật thần hình xung khắc hại, cũng như người ốm yếu, há nên gia cái bệnh nữa sao? Cho nên hào yếu lại bị hình xung khắc hại, thì việc chi phí tâm lực; không lý nên việc. Vì dụng hào tuy nhiên xuất hiện vô sinh trợ, mà trong quẻ không nguyên thần, nếu có nguyên thần mà gặp không, bị phá hoại, gọi là chủ tượng, đồ tổn. Đồ tổn là xuất hiện suông, mưu sự đâu toại ý được.

— Có bị thương nên cứu (Hữu thương tu cứu)

Thương là thương khắc dụng thần, cứu là cứu hộ dụng thần. Như thanh kim là dụng thần, mà bị ngọ hỏa phát động lại khắc, thì thân hào có thương, bằng được nhật thần là tỵ hoặc động hào là tỵ, tỵ đi xung khắc ngọ hỏa, ngày hội hào hội chế phục ngọ hỏa, thì ngọ hỏa có chế, mà thân kim có cứu. Phỏng Nguyệt kiến xung khắc dụng thần, được nhật thần đi sinh hạp dụng, lại hoặc nhật thần đi khắc dụng thần, trong quẻ động ra một hào sinh nó, tức là hữu thương đắc cứu.

Phàm gặp hữu thương đắc cứu, thì trước khó sau dễ, trước hung sau cát, dụng đắc cứu thì là hữu dụng.

— Không cố khác chẳng không (Vô cố vật không)

Cố gọi là thọ thương. Đại phàm hào tuần không an tĩnh lại gặp Nguyệt kiến nhật thần khắc chế, ấy là cái “không” có lỗi, tức khiến xuất thần trị nhật, cũng không hay làm cát hung. Tuần không như thế, đáo để là không vô dụng rồi. Bằng hào tuần không phát động hoặc được nguyệt kiến nhật thần sinh phò củng hiệp nó, hoặc nhật thần xung khởi nó, hoặc động hào sinh hạp nó, ấy là không vô cố, chờ buổi xuất tuần trị nhật đắc lĩnh, lại là việc hay, cho nên nói rằng hào không vô cố, chờ lấy làm không, tuy gặp tuần không, mà không có chịu nhật thần nguyệt kiến khắc, không nên luận nó là chân không. Lại như Dụng thần hóa hồi đầu khắc, lại thấy hội cuộc lai khắc thái quá, không phải cố hữu sao? Bằng nhật nguyệt không thương khắc nó, dụng thần nhất không, thì không chịu khắc, cũng xưng vô cố được.

Xưa có thuyết tỵ hung, cũng do cận lý vô cố.

Cựu chú lấy hào không, thương khác không nên không, hai kiến nhật nguyệt khắc nó, lại không nên, cả sai ý nhiệm Tiên nhiên, lại sai văn lý thiên này.

__Không gặp xung mà hữu dụng (Không phùng xung nhi hữu dụng)

Phạm gặp quái hào tuần không, người này bất cân là cát hung, khái lấy vô dụng mà đoán. Nhưng không biết thấy nhật thần xung, cũng có chỗ nên dùng, vì xung thì động, động thì chẳng không. Sở dĩ không phùng xung mà hữu dụng vậy.

__Hiệp gặp phá chắc vô công (Hiệp tào phá dĩ vô công)

Tiết này nói hiệp xứ phùng xung, vì quái hào phùng hiệp như đồng tam hiệp lực, việc chắc mau thành, phạm mưu vọng muốn thành sự, được nó thì toại ý.

Phỏng hiệp xứ phùng xung hình phá khắc, thì e tiểu nhân gian trá hai bên phá thuyết, chắc sinh nghi hoặc.

Như dần cung hội hạp, vẫn là hòa đồng, bằng thấy ngày thân hoặc gặp hào thân động lại xung khắc dần mộc thì hại hội thủy vậy, cho nên nói: hiệp tào phá dĩ vô công.

__Tự không hóa không, chắc thánh lối xấu (Tự không hóa không tất thành hung cửu)

Tự không là dụng hào gặp Tuần không. Hóa không cũng ngói dụng hào hóa gặp Tuần không, hung cửu, nói không thành sự được. Phạm mưu vọng, ai cũng muốn thành sự, phỏng dụng hào không hoặc dụng hào động hóa “tuần không”, thì động có căn biến không, có nghi hoặc, việc chắc vô thành, lại bị hung cửu.

__Hình hạp khắc hạp, chọn thấy quá dâm (Hình hiệp khắc hiệp, chung kiến quái dâm)

Phạm chiêm quẻ thấy hạp thì tất nhiên cát lợi, nhưng người ta không biết trong hạp có hình khắc, hạp mà có khắc, trọn thấy bất hòa, hạp mà có hình trong thấy tráng ngán. Vả như Dụng là chữ mùi lâm hào tài, chữ ngộ làm hào phước, ngộ cùng mùi hạp nhưng ngộ đeo tự hình, danh làm hình hiệp. Lại như tý làm tài hào, tý cùng sữu hiệp, sữu thổ hay khắc tý Thủy, gọi là khắc hiệp, như chiêm thê thiếp đầu hòa sau trái, các việc trọn trái ngán vậy.

__Động gặp hào mà bị trói buộc (Động tự hiệp nhi bạn trụ)

Phạm hào động không gặp hạp, mới làm động, bằng có hạp thì trói buộc mà không hay vậy. Đã chẳng hay động thì không hay sinh vật vậy.

Như nhật thần hạp nó, nên chờ xung nhất chí của bạn hào để ứng việc cát hung. Như bằng hào (hào một bên) động lại hạp nó, nên chờ xung nhất chí của bằng hào, để ứng việc cát hung. Giả như Dụng thần sữu thổ tai mà tỵ nhật hạp nó, chờ mùi, nhật ứng sự, tỵ hào hạp nó, chờ ngộ nhật ứng sự. Lại như hào tử tôn động mà bị nhật thần hạp đóng lại, không hay sinh tài, chờ xung nhật chí bào tử tôn mới có tài, thừa nương theo đây.

__Tĩnh được xung mà được ám động (Tĩnh đắc xung nhi ám hung)

Phạm cái hào không phát động, không nên nói an tĩnh, bằng bị nhật thần xung nó, thì tuy tình cũng động, gọi là ám động, cũng như vào chỗ tối, mà bị người ta kêu gọi, thì không yên được trong giấc ngủ. Đã là hào phát động trong quẻ, hay xung được hào an tĩnh, và hào gặp ám động cũng như người ở chỗ riêng làm việc. Hào ám động sinh phò ta, định như một người chỗ tự giúp tay, phỏng hoặc khắc hại ta, định bị một người chỗ tư mưu tổn hại, lý nó sâu nghiệm, ứng sự tại nơi ngày hạp.

__Hào đã nhập mộ thì khó đi khắc, hào có ám trợ thì chẳng phải không (Nhập mộ nan khắc – đối ám phí không)

Nhập mộ nan khắc là hào động nhập mộ, chẳng hay di khắc. Lại nói hào khắc nhập mộ, không chịu động hào khắc nó.

Giả như dần mộc phát động, mộc đi khắc Thổ, phỏng gặp ngày mùi chiếm quẻ, Mộc ấy nhập mộ ở ngày mùi, hoặc hóa ra mùi, ấy là Mộc nhập mộ vào hào mùi, thì không hay đi khắc thổ. Lại như dần động khắc Thổ, mà hào Thổ gặp ngày thì nhập mộ ở nhật thần hoặc hóa hào nhìn nhập mộ ở biến hào, đều không chịu dần Mộc khắc, cho nên nó nhập mộ nan khắc.

Vượng tướng tức như xuân lịch Mộc vượng hỏa tướng, hạ lệnh hỏa vượng Thổ tướng, thu lệnh kim vượng Thủy tướng, đông lịch Thủy vượng Mộc tướng, tháng tử quý Thổ vượng kim tướng. Xưa gọi dương sinh là vượng, sơ sinh là tướng là phải. Hào ấy không vong không luận rằng không. Lại nói vượng tướng hào qua gặp tuần, nhưng hữu dụng cho nên gọi là phí không.

—Cổ trợ có phò, suy nhược hữu tù cũng tốt (Hữu trợ hữu phò, suy nhược hữu tù diệc cát)

Tiết này một chỉ dụng thần mà nói.

Vả như Xuân thiên chiếm quái, dụng hào thuộc thổ là suy nhược, hữu tù vẫn là không tốt, phỏng được nhật thần sinh phò củng hiệp, tuy thì vô khí, không cho là nhược ví như người bần tiện mà được quý nhân đề bạt, kỳ thần phỏng vô khí, thì không nên phò trợ.

—Tham sinh tham hiệp, hình xung khắc hại (gia kỳ) đều kiêng.

Dụng thần gặp thần xung khắc, không tốt, nếu được bên hào sinh, hào hạp thì nó tham sinh tham hạp, tự không làm lo, cho nên nói: kỳ xung kỳ khắc.

Giả như dụng là Ty, trong quẻ động ra chữ dần, dần vẫn hình ty, nhưng dần Mộc hay sinh ty hỏa, cho nên ty hỏa tham nó sinh mà kỳ nó hình. Lại như trong quẻ động hào hợi, lại xung khắc ty hỏa, lại được động hào mao, thì hợi Thủy tham sinh ở mao, mà kỳ thác ở ty, như chữ dần động thì hợi Thủy tham hạp ở dần mà kỳ xung ở ty, ấy là tham hạp tham sinh, kỳ khắc kỳ xung kỳ hình thừa đều nương theo đấy suy rõ ra.

—Phân biệt lý suy vượng mà hiểu rõ khắc hiệp. Biện bạch hào động tĩnh để định hình xung (Biện suy vượng dĩ minh khắc hiệp. Biện động tĩnh dĩ định hình xung)

Tiết này phân biệt cái lý động tĩnh suy vượng sinh khắc chế hóa âm dương, bằng chỉ biết suy vượng không biết động tĩnh thì dùng không trôi chảy.

Như hào vượng vẫn khắc được hào suy, bằng mà an tĩnh, phỏng vượng mà không hay khắc được hào suy vậy. Hào suy vẫn không dám khắc hào vượng, bằng mà phát động thì khắc được hào vượng liền. Vì động cũng như người dậy, tĩnh cũng như người núp tuy thì vượng tướng chẳng qua một lúc vượng dưới con mắt, tuy thì suy yếu, chẳng qua một hồi suy dưới con mắt, chờ vượng ấy thoái khí, suy ấy được phò mà hào suy khắc được hào vượng vậy.

Như hào vượng khắc hào suy mà không nhật thần cứu hộ, tức thì chịu hào động của nguyệt kiến chép ở trong quẻ khắc được nó liền. Như vậy lẽ suy vượng động tĩnh tự sáng vậy.

—Tĩnh hay không tĩnh, xung hay không xung, nhân nhiều tự nhân (tĩnh bất tĩnh, xung bất xung, nhân đa tự nhân)

Tĩnh là nhật thần lâm hào trong quẻ. Xung là nhật thần xung hào trong quẻ. Chữ bất nói: hào sơ tĩnh không hay tĩnh, hào sơ xung không hay xung.

Hoặc gọi bất năng tính: giả như ngày tý chiếm quẻ, trong quẻ thấy có hào tý làm dụng thần, nhật thần lâm tý, phỏng hào tý suy nhược, đã có nhật thần lâm vào, thì cho là vượng, nhưng cũng không nên. Hào tý hóa mộ hóa tuyệt hóa khắc ấy gọi nhật thần biến hoại, không cho là hay ở hào mà hung trở lại hiện ở bản nhật vậy, cho nên nói rằng tĩnh chẳng hay tĩnh.

Sao gọi bất năng xung, lại như ngày tý chiếm quẻ, trong quẻ thấy có chữ ngộ làm dụng, nhật thần xung nó, như hào tý ở trong quẻ động lại xung khắc hào ngộ, bằng được hào tý hóa mộ hóa tuyệt hóa khắc, ấy gọi nhật thần hóa hoại, không hay làm hại ở ngộ, mà cái tốt lại hiện ở bản nhật vậy, cho nên nói rằng xung chẳng hay xung.

Hai cái ấy đều nhân ngày tý chiếm quẻ, trong quẻ nhiều cái hào tý biến hoại, sở dĩ như thế Thừa xem theo đây.

__Hình không phải hình, hiệp không hiệp, vì thiếu chi thần (Hình phi hình, hiệp phi hiệp, vi thiếu chi thần)

Hình là tam hình; hiệp là hiệp cuộc. Như dần thân ty làm tam hình, sữu tuất mùi làm tam hình, tý mảo làm nhị hình, thìn ngộ sữu hợi làm tứ hình. Giả như trong quẻ có dần ty hai chữ mà không thân, có dần thân hai chữ mà không ty, có ty thân hai chữ mà không chữ mà không dần là thiếu một chữ mà không thành hình. Như lợi mễo mùi làm tam hạp, thân tý thìn làm tam hạp, hạp, ty dậu sữu làm tam hạp, dần ngộ tuất làm tam hạp, giả như có hợi mễo mà không mùi, có mùi mễo mà không hợi, có hợi mùi mà không mễo ấy là thiếu một chữ mà không thành hạp. Phép tam hình tam hạp phải nên thấy đủ có hai hào động thì hình hạp được một hào dậy, như một chi động thì hình hạp không được hai hào dậy. Như trong quẻ hình phỏng thấy đủ, phỏng đều an tĩnh, thì không thành hình hạp vậy.

__Hào gặp sao tốt, vật khó hại ta (Hào ngộ linh tinh, vật nan ngã hại)

Linh tinh là ngôi sao nguyệt kiến. Vật là chỉ động hào trong quẻ mà nói. Phỏng dụng linh tinh là ngôi sao của nguyệt kiến mà nguyệt kiến bèn kiện vượng là được linh tinh vậy, tức khiến động hào lại làm thương, cũng không đủ sợ, cho nên nói “vật khó hại ta”.

__Phục ở chỗ không, việc cùng lòng trái (Phục cư không địa, sự dữ tâm vi)

Phục là phục thần, trong 6 hào mà khuyết dụng, nên tra dụng của quẻ đầu bảng cung làm phục, hào lục trên quẻ làm phi. Phi là hiện, phục là ẩn. Bảng trong 6 hào đều không Dụng thần, mà phục thần lại gặp Tuần không, phỏng không đề bạt, chủ bàn việc quyết khó thành tựu.

__Phục không đề bạt bao giờ hiện.

__Phi chẳng xung khai, khó nổi bay (Phục vô đề bạt chung đồ nhĩ – Phi bất thôi khai, diệc cường nhiên)

Phục nói dụng thần mà không hiện, mà ẩn phục ở dưới như không động hào nhật nguyệt sinh phò củng hiệp gọi là núp không ai nâng đỡ. Phi là thần biểu lộ trên chỗ Dụng thần núp. Thôi là xô, nói xung khai phi thần khiến phục thần được ra.

__Phục thần núp chỗ không, dễ phần dẫn bạt (Không hạ phục thần, dị ư dẫn bạt)

Nói phục thần ở dưới tuần không phi hào, thì vì bản hào đả không, không có ngăn trở thì phục thần được dẫn bạt mà ra.

__Nhược chủ phải chịu thế, khó nổi duy trì (Chế trung nhược chủ, nan dĩ duy trì)

Chế là nói nguyệt kiến nhật thần khắc chế. Nhược chủ là hào chủ suy nhược. Như dụng thần suy nhược lại bị hại kiến nhật nguyệt chế, phỏng được hào sinh nó, cũng không nên việc, vì hào suy nhược, gặp nhật nguyệt khắc, như cành khô cây mục, phỏng có mưa như dầu, khó mình sinh rễ mới, đây chỉ Dụng thần xuất hiện mà nói, như phục thần nhường ấy phỏng gặp tính dẫn, cũng vô dụng vậy.

__Nhật thần thương hào thật bị họa ấy.

Hào thương nhật thần, luống chịu tiếng không (Nhật thương hào, chân lạ kỳ họa. Hào thương nhật, đồ thọ kỳ danh)

Nhật thần làm chủ thế 6 hào, tóm cả các việc, 6 hào làm thần, thuộc nhật thần chia trị các việc, ấy là nhật thần hay hình xung khắc hại được quái hào, quái hào không hay hình xung khắc hại ở nhật thần. Nguyệt kiến với quái cũng vậy.

—Người trong mộ không xung thì không phát (Mộ trung nhân, bất xung bất phát)

Đại để dụng hào nhập mộ thì nhiều trở trệ, các việc phí lực khó nên, nên chờ nhật thần, động hào xung nó, hoặc xung khắc mộ hào, mới hữu dụng được.

Cổ thơ nói: Xung khai tắc khởi, phá mộ tắc khai (xung mộ thì dậy được, phá mộ thì khai ngay)

—Quỷ trên thân, chẳng khử thì chẳng yên (Thân thượng quỷ, bất khử bất an)

Thân là mượn dụng mà nói thế vậy.

Phạm quan quỷ trì thế, trên hào như tự mình, bằng không phải người tiện dịch, lấy quan quỷ làm thần ưu nghi trở trệ, nên được nhật thần, động hào xung khắc khử đi, mới được an nhiên vô lự, hoặc kỵ thần lâm trên hào thế cũng vậy, nhưng không được khắc nó thái quá, e ta cũng thương. Tiên thánh nói: người mà bất nhân, nếu ghét nó lắm thì nó làm loạn, duy quý được trung hòa thì hay hơn.

—Đức vào quẻ thì mưu gì cũng toại

Kỵ lâm thân thì nhiều trở không nên

(Đức nhập quái nhị vô mưu bất toại)

Kỵ lâm thân đa trở vô thành)

Đức là hạp, trong hòa hạp tự có ân tình đức nghĩa cho nên, phạm mưu vị, dụng thần động lại hạp hào thế hoặc dụng thần hóa được sinh hạp, hoặc nhật thần lâm vào dụng hiệp hào thế hoặc nhật thần sinh hạ hào dụng, đều đức vào trong quẻ, mà mưu đều toại, nhưng nếu chỗ hạp ấy mà thấy xung, e có canh biến, phỏng kỵ thần như thế thì nhiều trở mà không thành.

—Quẻ gặp hung tình, lảng đi thì tốt (Quái ngộ hung tình, tỵ chi tắc cát)

Hung tính tức là kỵ thần. Phạm hào dụng bị nguyệt kiến nhật thương khắc, bất luận không hay phục, trước sau chịu thế, không chỗ lánh được, bằng không nhật nguyệt thương khắc, chỉ kỵ thần trong quẻ phát động lại thương khắc bằng dụng hào gặp tuần không núp dấu, không chịu nó khắc, gọi là tỵ, chờ ngày xung khắc kỵ thần, thì hung mới tan, như dụng hào xuất hiện chẳng tuần không, thì chịu cái độc, khó khỏi cái thương, cho nên nói rằng: tỵ chi tắc cát.

—Hào gặp kỵ sát, địch nó không hại (Hào phùng kỵ sát, địch chi vô thương)

Hào là dụng hào, như loại cầu tài dĩ tài hào vi dụng. Dịch là ý cứu hộ. Ví như cầu tài, trong quẻ tài hào thuộc mộc, phỏng có kim hào động, lại khắc tài hào, là hung. Hoặc được hỏa hào phát động khắc kim, thì kim hào tự trị không rồi, đâu hay khắc Mộc, Mộc hào không lo cho nên nói rằng: Địch nó không hại.

—Chủ tượng hữu tù, phạm kiến hình xung khắc hại

Chủ tượng cũng nói dụng thần, như gặp hữu tù, đã không làm việc gì được, há nê thấy hình khắc nữa. Như dụng thần phát động, cũng như người hăm hở đi trước, đâu khá tự hóa mộ tuyệt (Dụng hóa Dụng, hữu dụng vô dụng – Không hóa không, tuy không bất ngờ)

—Dụng thần hóa Dụng thần, đó Dụng thần hữu dụng, có Dụng thần vô dụng.

Không hào hóa không hào, an tĩnh thì hóa không, biến động chẳng phải không.

Hữu dụng là dụng hóa tiến thân, vô dụng là dụng thần hóa thoái thân và quẻ phục ngâm vậy.

Hào không an tĩnh thì không hay hóa, không hào phát động thì hay hóa. Đã phát động, động là chẳng không, cái không hóa xuất, cũng nhân động mà hóa.

Phàm động hào gặp không, hoặc động hào biến không đều không làm chân không xuất thần thì hữu dụng.

__Thần dưỡng chủ hồ nghi, thần mộ nhiều ám muội.

Hóa thần bệnh thì thương tổn, hóa thần thai thì câu liên.

(Dưỡng chủ hồ nghi, mộ đa ám muội)

Hóa bệnh hồ thương tổn, hóa thai hồ câu liên)

Trường sinh mộc dục quan đái lâm quan đế vương suy bệnh tử mộ tuyệt thai dưỡng ấy là 12 thần. Trong quẻ duy có Trường sinh mộ tuyệt, ba thần ất quẻ nào cũng nên xem, hào nào cũng nên tra, thừa cái thần kia, sẽ có khắc, xung, hợp, tiến thân, thoái thân, phục ngâm, phản ngâm để luận nó, không nên chấp nghi. Ở dưỡng chủ hồ nghi, bệnh chủ thương tổn, thai chủ câu liên, trong thập bát luận đã luận rõ.

__Hung thần hóa vào trường sinh, hừng mà chưa tan (Hung hóa Trường sinh, xí chi vị tán)

Dụng hào hóa vào Trường sinh thì tốt, như hung thần hóa vào Trường sinh thì họa căn mới mong, ngày càng lớn lên, phải chờ mộ tuyệt mới ứng cát hung.

__Cát thần liền với mộc dục, hư mà chưa nên (Cát liên mộc dục, bại nhi vị thành)

Mộc dục danh là bại thần, lại xưng mộc dục sát là thần vô liêm sỉ, tính nó dâm bại, nhưng có tính khinh trọng phân biệt tức như kim bại ở ngo, trong bại gồm khắc, dâm mộc hại ở tỵ, trong bại gồm sinh, mẹo mộc bại ở tỵ, trong bại gồm hình, thủy bại ở dậu, trong bại gồm sinh, Thổ bại ở dậu, trong bại gồm tiết khí, hỏa bại ở mao, trong bại gồm sinh, duy chiếm hôn nhân, rất nên kỵ nó. Phỏng chồng chọn thê phối, được hào tài mà hóa mộc dục, mà gồm sinh, chắc lại môn phong (hư tiếng nhà), gồm khắc thì bị nhân gian hại mình, tức như các chiếm, phỏng hào thế hóa sinh thì nhân sắc hư danh, hóa khắc thì nhân gian tán mạng, có cứu thì chỗ hiểm đào sinh, cho nên nói; cát thần không nên hóa thần mộc dục.

__Nên răn hồi đầu khắc, ta đừng phản đức để phò nhân (Giới hồi đầu chi khắc, ngả vật phản đức dĩ phò nhân)

Hồi đầu khắc là dụng thần hóa kỵ thần vậy, như hoài hóa hào hóa thủy. Các chiếm hào thế hào thân hào dụng gặp nó không tốt. Phàm dụng thần động ra sinh hợp thế hào thân hào, ấy là hữu tình với ta, mưu vi dễ nên vậy.

Hoặc dụng thần phát động, không lại sinh hợp thế thân mà lại sinh hợp hào ứng và bằng hào (hào một bên), đều gọi là phản đức phò nhân. Phàm chiếm gặp nó, cầu gì cũng không dễ, là tượng tổn kỵ lợi nhân vậy.

__Ác diệu cô hàn, sợ nhật thần gồm đấy (Phạ nhật thần chi tính khởi)

Ác diệu là chi kỵ thần. Cô: cô độc không sinh phò củng hiệp. Hàn: suy nhược vô khí.

Phàm chiếm gặp Kỵ thần cô hàn, thì không có tổn hại đến ta, duy sợ nhật thần gồm đấy, mà cô hàn được thế không khởi ác diệu kỵ thần nên sợ vậy.

__Dụng hào trùng điệp, ừng mộ khổ sầu tàng (Hỷ mộ khổ chi sầu tàng)

Như trong quẻ dụng hào trùng điệp thái quá; rất mừng mộ của dụng thần trì lâm thân thế, gọi là về chỗ thân tàng của ta vậy.

— Việc cách trở, vì hào gián phát, Tâm thối hồi vì hào thế không (Sự cách trở hề gián phát – Tâm thối hồi hề thế không)

Gián hào là hào thế hào ứng dương giữa hai hào, vì hai hào ấy ở giữa thế ứng, cách đường đó đây, động thì có người cản trở, nên biết người hạng nào ngăn trở, lấy năm loại mà suy, như phụ mẫu động tức bọn tôn trưởng. Phàm thế hào tuần không người ấy tâm ý biếng nhác, không có dũng vãng tinh tiến, để thành sự được, nên nói rằng tâm thối hồi hề thế không.

— Hào quái phát động, giao trùng nên xem

Động biến ty hòa, tới lui nên rõ

(Quái hào phát động, tu khán giai trùng

Động biến ty hòa, đương minh tiến thoái)

Phàm quái hào phát động nên xem giao trùng, hào giao chủ việc vị lai, hào trùng chỉ việc dĩ vãng. Như chiêm đao vong (trốn tránh) lấy hào phụ mẫu và châu tước phát động bằng hào ấy là giao, nên có người lại báo tin, như gặp hào trùng, thì tin đã biết trước. Động biến ty hòa là chỉ hai thần tiến thoái, như dần mộc hóa mao là tiến thần, mao hóa dần là thoái thần. Tiến chủ thượng tiền, thoái chủ thoái hậu.

— Sát sinh thân, dừng đoán là tốt

Dụng khắc thế, chớ xem rằng hung

Vi trong sinh phái đề phòng hình hại

Mà chỗ hiệp có lo lắng khắc thương

(Sát sinh Thân mạc tương cát đoán

Dụng khắc Thế, vật tác hung khan

Cái sinh trung hữu hình lại chi lưỡng phòng

Nhi hiệp xứ, hữu khắc thương chi nhất lự)

Sát là kỵ thần, Sinh là sinh hiệp, Thân: như tự chiếm lấy hào thế mà nói. Như trong quẻ kỵ thần phát động thì có thương nơi Dụng thần, tức khiến sinh hiệp ta chẳng có ích gì, hướng ở trong sinh hiệp có hình có hại có khắc, như kỵ thần sinh thế, gồm có hình khắc, không những mưu việc không nên, sở cầu không được, lại e nhân mưu mà vớ tội lỗi. Tức như một người thi Hương tháng thìn ngày quý Dậu, bói được quẻ Tiết biến quẻ Khảm, thế hào ty hóa hỏa, dần mộc kỵ thần, sinh trung đới hình, lại mero mộc kỵ thần, ám động sinh thế. Sau tới trường, phải bệnh mà ra, ấy là kỵ sinh thân vậy. Sinh trong đới hình vậy. Hai tương đồng với khắc. Lại như dụng thần động lại khắc thế, gọi là vật lại tìm ta, phàm dễ nên, đừng nhân khắc ngã, cho là xấu, được dụng thần khắc thế vẫn là tốt, không nên lại bỏ sinh hiệp ứng hào, gọi là hậu ở kia mà bạc ở ta, tuy thì dụng thần khắc thế, cũng là xem hung.

— Đông gặp xung mà hỏng việc (Động phùng xung nhi sự tán)

Một hào xung không nên nhất lệ suy được. Như hào tuần không an tĩnh gặp xung nói rằng Khởi.

— Hào tuần phát động gặp xung nói rằng thiệt

Hào an tĩnh bất không gặp xung nói rằng ám

Hào động phát bất không gặp xung nói rằng tán

Lại nói rằng xung thoát phạm động mà gặp tán thoát, cát không thành cát, hung không thành hung.

— Tuyệt gặp sinh mà thành sự (Tuyệt không sinh nhi sự thành)

Phàm Dụng lâm nơi tuyệt địa, không nên chấp định tuyệt nhật thần, hoặc là dụng thần hóa tuyệt. Phỏng gặp sinh phò là trong hung có cứu, là triệu đại cát, danh là tuyệt xứ phùng sinh.

— Như gặp hiệp trụ, nên chờ xung phá mới thành công.

Trong quẻ dụng thần kỵ thần gặp nhật thần hiệp, hay tứ hóa hiệp, hoặc có động hào lai hiệp, bất câu cát hung, đều không thấy hiệu. Nên chờ nhật kỳ xung phá, mới ứng việc cát hung. Giả như dụng hào động lai sinh chế, việc ấy dễ nên, bằng gặp hiệp trụ, thì lai trở trệ, nên chờ ngày xung, việc mới có nên, đây trở xuống đều phép đoán nhật kỳ vậy.

PHÉP ĐOÁN NHẬT KỲ

— Bằng gặp hữu tù, chắc sinh vượng mới thành sự (Nhược ngộ hữu tù, tất sinh vượng nhi thành sự)

Phép đoán nhật kỳ không nên chấp nhất; nên dùng hoạt pháp mà suy, mới không sai lầm. Như dụng hào hiệp trụ (ở chung) vẫn lấy nhật kỳ xung mà đoán, hoặc dụng hào hữu tù, phải sinh vượng hai kỳ, mới thành sự được, cho nên vô khí, nên lấy vượng tướng nguyệt nhật mà đoán, như dụng hào vượng tướng bất động, thì lấy xung động nguyệt nhật mà đoán. Bằng dụng hào hữu khí, động hiệp nhật thần hoặc nhật thần lâm, động lai sinh hiệp thế thân, tức lấy bản nhật mà đoán. Bằng dụng hào thọ chế, thì chế sát nguyệt nhật mà đoán. Bằng dụng hào đắc thời vượng động mà lai sinh phò, ấy làm đại vượng nên lấy mộ khố nguyên nhật mà đoán. Bằng dụng thần vô khí phát động mà gặp sinh phò, tức lấy sinh phò nguyệt nhật mà đoán. Bằng dụng hào nhập mộ, nên lấy xung mộ xung dụng mà đoán. Bằng dụng hào không an tĩnh, tức lấy ngày xuất tuần phùng xung mà đoán. Bằng dụng hào tuần không phát động tức lấy xuất tuần trị nhật mà đoán. Bằng dụng hào tuần không phát động phùng xung, gọi là xung thiệt, tức lấy bản nhật mà đoán.

Trở lên pháp đoán, lựa cái đại yếu, trong đó cái lý huyền diệu, học giả tự nên dụng quán biến thông, chia cái khinh trọng, càng biệt cái kỵ dụng, mới đoán không sai.

— Mau thì động mà khắc thế, chậm thì tĩnh mà sinh thân (Tốc tắc như khắc thế. Hoãn tắc tĩnh nhi sinh thân)

Đây cũng pháp đoán nhật thần. Như chiêm người đang đi tới, định coi mau chậm, bằng dụng thần động mà khắc thế, thì kỳ lại rất mau, bằng động mà sinh thế thì động. Như tĩnh mà sinh thế thì lại càng chậm, bèn lấy nên lấy suy vượng động tĩnh suy nghiệm, thì muôn phần không lầm, bằng suy thần phát động khắc thế vì với vượng động lại khắc lại chậm hơn.

— Phụ vọng mà việc không đầu mối. Phúc ảm mà việc chẳng xứng tình (Phụ vong nhi sự vô đầu tự. Phúc ảm nhi sự bất xứng tình)

Đây một tiết chí nói việc công nên xem văn thơ, văn thơ tức là hào phụ mẫu, phàm việc tư nên xem phúc đức, phúc đức tức hào tử tôn. Phàm chiêm việc công môn cộng sự, lấy hào phụ mẫu làm đầu mối, nên dầu nhờ văn thơ, thử tôn quan quĩ, như hào văn thơ không vong sợ việc chưa đích xác, cho nên nói: phụ vong nhi sự vô đầu tự.

Phàm chiêm việc tư lấy hào tử tôn làm thần giải ưu hỷ duyệt, lại làm gốc nguồn cho hào tái, há nên phục mà không kiện, cho nên nói: phúc ảm tắc sự bất xích tình.

— Quỷ tuy là giống họa tai, nhưng phục cũng như vô khí (Quỷ tuy hựu tai, phục do vô khí)

Một hào quan quĩ tuy là thần họa tai, nhưng trong 6 hào, cũng chẳng nên không nên xuất hiện an tĩnh, không nên tàng phục, nếu tàng phục gọi là trong quẻ vô khí; hướng hào quan ấy, các chiêm đều có chỗ nên nhờ, cho nên đây cầu nó tức như chiêm danh, lấy hào quan làm chiêm xung, văn thơ lấy quan hào làm nguyên thần, chiêm kiện lấy quan hào làm quan, chiêm bình, quan

hào làm bình, chiếm đạo tặc, quan hào làm đạo tặc, chiếm dị quái, quan hào làm dị quái, chiếm tài, như không quan hào, e huynh đệ đương quyền, phải có tổn hao.

— Tử tuy là hào phúc đức, nhiều phản khắc hóa vô công (Tử tuy phúc đức, đa phản vô công)

Đa là nhiều hiện trở chịu khắc, duy chiếm danh, thì hào tử tôn làm ác sát, trừ trường hợp ấy ra thì đều lấy hào tử tôn làm phúc đức thần, chiếm thuốc lấy hào tử tôn làm dụng thần. Bằng trong quẻ nhiều hiện, chắc dùng thuốc tập loạn, uống cũng vô công, như chiếm cầu tài, gặp hào tử tôn thọ thương, chẳng những vô lợi lại đến lỗ vốn.

— Xét hào phụ mẫu, suy ra thể thống, luận hào quan quỷ đoán làm họa ương. Hào tài là lộc thần, hào tử là phúc đức, hào huynh đệ động, chắc chủ mưu nhiều trở trệ.

Đây tuy nói đại khái lược năm loài, nhưng cũng phân biệt dùng nó. Giả như chiếm chung thân, lấy hào phụ mẫu, luận xuất thân của nó, như lâm quý nhân hữu khí ấy là dòng sang nhà quan, như lâm hình khắc vô khí, ấy là con người bần tiện. Như chiếm họa ương, nên suy hào quan quỷ phụ lâm thú nào, hoặc gặp huyền vũ, tức là cái ương đạo tặc.

Tài là thực lộc của người, hào tử tôn khá giải ưu, khắc quỷ nên nói rằng phúc đức, huynh đệ làm đồng bối, cướp tài, động thì khắc tài, tranh đoạt nên nói rằng phạm mưu đa trở trệ.

— Quái thân trùng điệp, nên biết sự thể hai bên giao quan.

Quái thân tức là thân của nguyệt quái vậy. Phép nó: dương thế hoàn từng tý nguyệt khởi; âm thế hoàn từng ngọ nguyệt sinh, luận Khảm mông tiết yếu đã nói rõ. Phạm hào Quái thân làm thể cho chiếm việc. Bằng trong 6 hào, có hai hào xuất hiện chắc là đôi uyên ương cầu việc, hoặc việc ở hai chỗ. Bằng đeo hào huynh đệ, chắc cùng người đồng mưu. Huynh đệ khắc thế hoặc lâm quan quỷ phát động, chắc có người dành mưu việc ấy. Quái thân không xuất hiện, việc chưa có định, phỏng xuất hiện sinh thế, trì thế, hiệp thế, việc đã định rồi, nên xuất hiện, không nên động, động thì nên phòng có biến, như biến hoại thì việc biến hoại vậy.

Bằng trì thế, biết việc ấy tự có chỗ nắm cầm, bằng lâm ứng, biết việc ấy quyền bính ở người khác, hoặc động hào khác biến ra, tức biết người; ấy cũng thuộc việc đó.

Bằng hào tử tôn làm loài tăng đạo tử diệt, hoặc phục dưới hào nào, cũng y loài nó suy chiếm. Tướng mạo người xấu tốt, lấy quái thân xem thì biết.

Phạm gặp thân khắc thế, thì việc tìm ta, được tốt, thế khắc thân thì hung, bằng được thân hào sinh hiệp thế hào càng tốt.

— Kẻ hung là hung, mà gặp cát thần, chẳng hại cái lầm tốt (Bất hại kỳ vi cát) Long động dấu tốt, mà gặp ác diệu khó dấu cái lầm hung (nan yểm kỳ vi hung)

Huyền vũ chủ việc đạo tặc, nhưng cũng hào quan (diệt tất quan hào)

Châu tước vấn thân khẩu thiệt, nhưng lâm huynh đệ

Chiếm tật bệnh rất hại thiên hỷ, bằng lâm hung sát chắc sinh bi

Xuất hành rất kỵ vãng vong, như gặp các thần trọn được lợi (chung hoạch lợi)

Cho nên cát hung thần sát chí làm thành nhiều mối rắc rối (Thi cố cát hung thần sát chi đa đoan)

Chi bằng sinh khắc chế hóa có một lẽ mà thôi (Hà như sinh khắc chế hóa chi nhất lý)

Đại để bói dịch nên chấp hành ngũ hành lục thân, không nên lộn dùng thần sát loạn đoán.

Vì sách xưa Thần sát, đến ông Kinh phòng làm dịch loạn bầy cát hung tinh diệu để mê hoặc hâu học, như Thiên hỷ vang vọng đại sát đại, bạch hổ đại huyền vũ, các loài ấy, người nay tin theo, nhưng Thần sát quá nhiều làm sao biện bạch.

Hiệp lục thú mà nói, phép nó lấy thanh long làm tốt, Bạch hổ làm hung, thấy châu tước lấy làm khẩu thiệt, thấy huyền vô lấy làm đạo tắc, không phân lâm hào dụng thần, nguyên thần, kỵ thần, cừu thần khái lấy tính lục thú mà đoán, đã mất ý nhiệm Tiên thiên.

Vì sao? Bạch hổ động vẫn hung, bằng cái hào sơ hỷ, sinh, phò củng hiệp ở thế thân, thì có tổn gì ở ta, nên nói rằng: hung bất bại kỳ vi cát. Thanh long động vẫn tốt, bằng lâm cái hào sở kỵ, hình xung khắc bại ở Dụng thần, thì có ích gì cho việc, cho nên tuy tốt mà khó che cái xấu. Châu tuy chủ khẩu thiệt, nhưng không phải huynh đệ tinh lâm, thì chẳng có thể thành khẩu thiệt. Huyền vũ tuy chủ đạo tắc, bằng không phải quan hào tinh lâm, thì chẳng có thể xung đạo tắc được.

Vì cái quyền lục thú, nương theo ngũ hành, lục thân sinh khắc mà thôi. Lại như Thiên hỷ là cát tinh nếu chiếm bịnh gặp nó, tuy đại tướng hung ác, trọn không lấy chết mà đoán, nhân sao thiên hỷ vậy. Bằng lâm kỵ thần, ta chắc lấy làm bi, mà không lấy làm hỷ.

Vãng vong là hung sát, xuất hành gặp nó, tuy đại tướng cát lợi, trong đoán là hung, nhân có cơ chết vậy, bằng lâm cái hào sở hỷ động lại sinh phò củng hiệp thế thân dụng hào ta chắc lấy làm lợi, mà chẳng lấy làm hại. Vì quyền thần sát khinh, mà quyền ngũ hành trọng.

Bởi đó mà xem, gặp tốt thì tốt, gặp xấu thì xấu, hệ ở đây, hệ không ở kia, nghiệm ở lý mà không nghiệm ở sát. Vì thần sát vô bằng, luông làm nhiều ngõ cho kẻ đoán dịch, mà không bằng một hy sinh khắc chế họa làm thỏa đáng hơn, hay sáng lẽ ấy thì nguyên thần hoạt biết, tự có điều ly, mà không lầm vậy.

Lục thân là gốc, lục thú là ngọn, đến như Thiên hỷ, vãng vong, thiên y, tán xạ, các cát hung thần ấy, là cái chót ở trong cái chót vậy. Muốn dùng, duy có lục thú được thôi phải nên gấp cái gốc mà hoãn cái ngọn, nhưng lục thú chỉ nên suy cái tính tình, hình trạng, đến việc cát hung được mất nên chuyên lấy lục thân sinh khắc làm chủ.

Học hay như thế, thì gốc ngọn đều gồm, không mất diệu lý, có thể suốt cả đầu đuôi.

__Ô hô: Bốc dịch giả tri, tiền tắc dị (Than ôi, kẻ bói dịch, biết pháp trước thì dễ)

Người đời bói dịch, đều nệ phép xưa, ít hay biên thông, cho nên có long hổ suy cái bi hỷ, thủy hỏa đoán cái mưa tạnh, không vong bèn lấy hung xem, nguyệt phá đều nói vô dụng thân vị định làm nhân thân, ứng hào khái xung bói thể (bói thay hộ người khác)

Lưu Bá Ôn tiên sinh làm sách này, lấy lý hay, bỏ nghĩa dơ, mở cái tối xưa, chính cái lối nay, phạm đời chấp mê phép trước, đều vì có điều giải, kẻ có chí thuận này, nếu hay cứu mình lời nói trước, tự biết đạo biến thông vậy.

__Cầu chiếm giả giảm hậu tắc linh (Kẻ cầu chiếm xem sau thì linh)

Duy kẻ cầu chiếm phải nên có thành tâm, xem câu sau thì rõ.

__Phệ tất thành tâm (bói phải lòng thành)

Thánh nhân làm Dịch, u tán thần minh, lấy đạo nó hiệp với càn khôn vậy, cho nên phạm bói Dịch, phải nên chân thành, kính lễ, chuyên tâm để cầu, thì cát hung họa phước ứng nghiệm liền.

__Hà phòng tý nhật (nào hại ngày Tý)

Lịch thơ có câu: “Tý bất vấn bốc”, người nay nhiều kẻ kiêng ngày ấy.

Lưu quốc sư bảo: “cái ứng cát hung đều cảm ở thần minh, duy ở lòng người thành hay không thành, mà không ở ngày tý cùng chẳng tý vậy”

Lời tổng luận

Trở lên trọn thiên này, tóm nói cái phép đoán dịch, bàn là đại chỉ suốt chương, không như thế thì các việc khó quyết, kẻ có chí nghề này, nên trước xem thiên này, bằng hay trần tiêm phản phúc, đọc kỹ lời giải, lý ấy đã minh, thì việc đến vật lại, đưa đào mà chẻ vậy, ở phép bói Dịch có khó gì.

MINH CHÂU lăm bàn

Bốc phệ chính tông hết quyển thứ tư

*****HẾT*****